

VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

KIM LÂN

TUYỂN TẬP

vh Nhà xuất bản Văn học

Mục lục

Đứa Con Người Vợ Lẽ:
Đứa Con Người Cô Đầu:
Người Kép Già:
Vợ Nhặt:
Làng:
Con Mã Mái:
Con Chó Xấu Xí:
Anh chàng Hiệp Sĩ Gỗ:
Ông Cản Ngủ:
Đôi Chim Thành:
Chó Săn:

TUYỂN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Đứa Con Người Vợ Lẽ:

ư nằm dán mình trên giường. Đầu anh nặng trĩu trên chiếc gối bông cái ghét. Mắt nhìn trần trần lên sàn nhà; lúc ấy anh không nghĩ ngợi gì. Hai tay nặng nề rời rạc, thỉnh thoảng lại có giọng đập nhẹ xuống phản, để xua đuổi những nỗi tê tê buồn buồn chạy trong các ống xương. Anh xoay mình lại cho đỡ mỏi. Mắt se sẽ nhắm lại, và lắng nghe những cảm giác chạy trong người. Ruột anh xót như cào. Bụng hóp lại. Mặt phờ phạc. Anh thấy cái kính vẫn vợ, những muốn cầu nhau mấy tiếng. Tư đói quá đói là người đi. Đã hai hôm nay rồi, anh chưa có hột cơm nào vào trong bụng. Đồng năm xu mẹ anh cho, anh tiêu phăng ngay từ hôm đầu, tưởng chiều thế nào mẹ cũng về; ai ngờ, bất tin đi hai hôm. Hai hôm vật lộn với sự đói nó hành hạ, anh chỉ biết nằm lại ngò, phờ phạc trong mấy gian nhà chật hẹp. Đã có lúc anh lục tung cả hòm xiềng, chum chĩnh trong buồng, ngoài nhà ra để

tìm. Biết không có gì anh vẫn tìm, xem trong nhà có còn sót tí ngô đỗ nào chẳng. Hình như lúc tìm tòi ấy, anh đỡ đói đi chút ít.

Thấy khát nước, Tư chống tay ngồi dậy. Anh chớp vội mấy cái và lim dim cặp mắt cho đỡ chói.

Nắng vàng gay gắt rọi xuống sân, hắt ánh vàng và mùi nồng nực vào mấy gian nhà ngói cổ. Tư uống từng ngụm nước nhỏ. Những dòng nước mát mẻ chạy đến đâu, anh biết đến đấy. Hai hôm nay, anh vẫn uống nước cảm hơi như thế.

Tư là con vợ ba. Thầy mẹ anh lấy nhau không phải là đôi bên bác mẹ gả bán, không phải nhà hiêm hoi, không phải tình yêu. Cha anh hơn mẹ anh đến ba mươi tuổi. Mẹ già anh lấy mẹ anh về để có người cáng đáng việc đồng. Vốn là người quê mùa, nên việc đồng mẹ anh rất thạo. Mẹ già anh rất chiều quý, họ chiều vậy chẳng qua là muốn chạy việc. Thầy anh mất năm trước, mẹ già anh mất năm sau. Nhà không làm ruộng nữa. Các anh Tư đều đi chợ trên, Tư phải thôi học ở nhà. Hai mẹ con lâm vào cảnh thất nghiệp. Ruộng không có mà làm; đi buôn -

buôn xùng buôn xằng thôi cũng không có vốn. Anh em họ mạc thì thờ ơ lạnh nhạt, họ coi hình như không có mẹ con Tư trong gia đình nữa. Vả lại dẫu rằng nghèo, nhưng mẹ anh rất khải, không muốn chịu tiếng nhờ ai. Bà đi khâu thuê vá mướn kiếm gạo về nuôi con. Nhiều khi không có việc làm, mẹ con đành chịu đói. Những hôm ấy, bà thường trốn tránh, bà rất sợ phải nhìn cảnh mẹ con đói khát. Muốn cho mẹ cất gánh nặng, đã nhiều lần Tư xin làm phó nhỏ mấy hiệu thợ may và sơn guốc, nhưng họ đều từ chối vì đạo này hàng ế. Họ hứa đến tháng tám này sẽ gọi anh làm. Bất đắc dĩ anh phải đóng vai ăn bám.

Tư nghĩ liên miên: anh thấy một niềm oán trách ngấm ngấm trong thâm tâm. Anh oán cha anh, người đã sinh ra anh mà sẵn sóc không chu đáo. Anh oán một cái gì không tên đã đẩy anh vào cảnh khốn quẫn. Tư nhếch một nụ cười thảm hại. Một ý tưởng chua chát hiện ra trong trí: là một thằng con vợ lẽ, không phải vì hương khói, chỉ là thằng thừa trong gia đình. Tư thấy bứt rứt khó chịu. Những ý tưởng hỗn loạn ở trong óc. Anh thông thả nằm xuống. Mắt nhắm lại, muốn ngủ đi, để

những tư tưởng hắc ám khởi đến quấy nhiễu. Nhưng không sao ngủ được với cái dạ dày. Chợt tiếng ông Cả gọi ngoài cổng ngõ, Tư vùng trở dậy, dạ lớn lên một tiếng, vội vã ra mở cửa.

Tư nhu nhú chào anh. Nhưng ông Cả không trả lời, ông bệ vệ bước vào. Khổ người phì nộn khác hẳn với vẻ gầy còm của Tư. Mặt ông tròn và ngắn, lúc nào cũng vui một cách vô tư lự. Nước da hồng hào, trắng nhễ trắng nhại, bóng loáng như bôi dầu. Ông vẫn tự phụ là có vẻ quan dạng lắm. Đi đâu, mặc dù là ông chủ hiệu vải vùng trên, ông cũng thẳng bộ oai ra phết. Lúc nào cũng xách cái cặp phòng tương trong toàn đựng quần áo hoặc quà bánh của con. Ông nghiêm nghị đảo mắt chung quanh nhà một lượt, sẽ cau mặt lại gắt :

- Nhà cửa bề bộn thế này thì thôi? Rồi rã ta cũng phải cất nhắc đôi chút chứ.

Ấy là ông gắt lấy oai đấy thôi. Thực ra ông cũng chẳng quan tâm gì đến nhà cửa. Chẳng có thể mà ở chợ trên về, ông chơi tổ tôm ở nhà Quán Uyển, một nhà gá bạc, luôn hai hôm. Ông trật khăn quàng lên bàn, rồi nằm

thẳng rãng trên trảng kỷ. Đầu ngửa lên xà nhà thờ dài sườn sụt, ra dáng mệt nhọc lắm. Ông nói một mình.

- Mẹ kiếp, tổ tôm còm mà cũng thua ngót hai chục bạc, đen rập đen rui.

Ông ngáp thắp ngáp tháo một hồi, rồi ngủ lúc nào không biết.

Tư len lén quét nhà, khẽ xếp những đồ đạc bẽ bộn. Xong anh lĩnh xuống bếp ngồi cho đỡ mệt.

Trời đã về chiều, ánh nắng nhạt dần, lúi ra gần hết mặt sân. Mặt trời chéch là là xuống sau nhà, những cây cối ngả bóng trên mái. Thỉnh thoảng những bóng cây có giọt nắng rơi qua lại rung động lên vì gió. Mặt ao trong vườn gợn sóng, nổi giạt những vầng ngẫu về một góc. Trên cầu tre, một cô gái đang vo gạo, làm sóng sánh những ánh vàng của mặt trời rớt trên các đầu sóng. Mấy mái nhà tranh xám nhô ra khỏi bụi chuối lá óng như lụa, đang thông thả bốc khói. Những làn khói lặng lẽ bốc lên dật dờ bay theo gió, in trên nền trời xanh ngắt một nét nhẹ nhàng, thanh thoát. Cảnh đẹp như mĩ mai Tư. Anh

ngồi phệt xuống đất, lưng dựa vào bức tường vàng sạm vì khói ám. Mặt lò chờ nhìn làn khói xám vờ vẩn bốc lên trời. Tai nghe tiếng vo gạo sàn sạt trên rá ngoài cầu ao. Tâm trí anh xáo động lên, anh nghĩ đến bữa cơm nhà hàng xóm. Anh ngao ngán nhìn cái bếp lạnh lẽo của nhà, mấy ông đầu rau đen chũm, ngồi lặng lẽ như than thầm với nhau. Nước mắt anh trào ra âm thầm lăn trên gò má.

Trên nhà, ông Cả vùng thức dậy. Ông vươn vai, bẻ khực, vặn mình kêu răng rắc. Ông vừa ngáp vừa gọi :

- Tư ơi?

- Dạ.

- Thoáng cái là lĩnh. Thoáng cái là lĩnh thôi.

Tư gượng gạo đứng lên, lệt xệt bước lên trên nhà. Ông Cả vút một hào ra bàn, dịu giọng :

- Đi mua một hào phở?

- Vâng.

- Đem bát nhà đi.

- Vâng.

Tư thất thểu lê bước. Tay bụng có bát phở mà mỗi rã rời. Khói bốc lên nghi ngút. Anh thèm quá. Trông những bánh trắng trắng phau mềm rẻo, ẩn hiện trong nước dùng vàng sao, những miếng thịt bò mỏng tang xếp gọn ghẽ, những hành, mùi, hồ tiêu rắc lên trên, thơm ngào ngạt phả mãi vào mũi anh. Con tỳ con vị như thức dậy, bụng sôi sùng sục, vằn lên chuyển xuống. Nước bọt cứ ứa mãi ra, anh ao ước được một bát.

Tư đặt bát phở lên bàn cho anh, rồi lặng lẽ ra ngoài thềm. Ông Cả vừa vừa cầm cái gậy :

- Gớm! Phở! Ăn rửng như đám vào hòng!

Tư se sẽ nuốt nước bọt. Thật là mĩa mai. Ăn xong, buồng đũa buồng bát, ông Cả vội vã cấp cấp ra đi ông còn cay mấy hội bạch cước hôm qua.

Ông Cả đi rồi. Tư cũng chẳng buồn ra đóng cửa. Anh định đem bát ra chậu ngâm, nhưng lại thôi, là vì anh

thấy còn đến lưng bát nước dùng ăn thừa. Lúc khác ai còn giữ lại làm gì? Nhưng lúc này... Tư đưa “bát phở” lên mũi ngửi, mùi thơm ngào ngạt bốc lên. Anh ném một ngụm chèm chẹp miệng. Trời ơi sao mà ngon thế! Anh ước ao giá mà được một bát cơm nguội trộn ăn thì phải biết? Nghĩ đến cơm nguội, anh lại nhớ đến một hôm, cũng đói như hôm nay. Thân, bạn chí thiết của anh, đến chơi nèo mãi anh về nhà. Rồi mời anh :

- Nhà đi vắng cả, chỗ anh em với nhau, tôi nói thật: anh ở đây ăn cơm nguội - cơm nguội thôi - với tôi cho vui nhé.

Cái bữa cơm nguội với cà ấy sao mà ngon thế! Tư còn nhớ mãi, có lẽ suốt đời. Tư so sánh ông Cả với Thân. Nỗi căm hờn nổi dậy trong lòng. Hai mắt anh quắc lên một cách dữ dội. Anh nghiêng rặng ném mạnh “bát phở” ra sân. Tiếng bát vỡ làm cho lòng anh dịu. Anh bật cười thấy mình vô lý và thấy tiêng tiếc. Tư thấy mọi rã rời. Toàn thân run lên. Anh nằm lả xuống.

Chiều tàn đã lâu. Cảnh vật thẫm lại. Gió khua lá lao xao. Những lùm cây đen thẫm lắc lư trên nền trời sẫm

đục. Thân, một tay ôm gói bọc giấy báo, một tay đẩy mạnh cánh cửa. Một tiếng rít rền trong yên lặng. Anh xăm xăm bước, nhón nhác nhìn vào mấy gian nhà tối om. Miệng lẩm bẩm :

- Quái sao nhà cửa để tối thế này?

Thân im bật vì thấy mình nhớ lời. Anh thông thả bước lên nhà. Đặt gói lên bàn, Tư vẫn nằm rũ trên thành kỷ không biết bạn đến, Thân lay bạn :

- Tư? Tư?

Tư thều thào :

- Thân đây à?

- Ủ, Tư ngủ à?

Giọng Tư nhỏ, đầy mệt nhọc :

- Không... Thân vào tôi cũng biết... nhưng... mệt quá.

Thân ái ngại nhìn bạn trong bóng tối. Đoạn anh nói

rất nhẹ nhàng :

- Tôi đem cho Tư ít hạt mít đây. Tư ăn đi.

Tư cảm động quá. Nước mắt chảy ròng ròng, anh nghẹn ngào :

- Thân tốt với tôi quá.

- Ồ? Anh.

Đôi bạn ngồi âm thầm trong bóng tối. Tiếng Tư nhai hạt mít trong im lặng. Tư chợt nghĩ đến mẹ, anh ngóc đầu bảo bạn :

- Thân cất đi cho tôi một nửa nhé.

Anh định tâm để dành cho mẹ. Thân ôn tồn :

- Ủ, còn nhiều anh ạ.

Tư lại nghĩ đến mình, đến tương lai. Một tương lai mờ mịt của đứa con vợ lẽ. Anh thôi nảo ruột.

- Gì thế anh?

- Không.

Hai người im lặng.

TUYỂN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Đứa Con Người Cô Đầu:

hiều tắt đã lâu rồi. Trời vẫn còn bức bối, ai cũng sợ mấy gian nhà tối om hâm hấp nóng. Họ ra cả ngoài sân hóng gió. Tôi nằm một mình trên mui bẻ, mắt nhìn đắm đắm mấy ngôi sao lấp lánh trên khoảng không gian xa thẳm. Mặt trăng lưỡi liềm, lấp ló sau mấy tàu cau đen thẫm, tỏa xuống nhân gian một thứ ánh sáng mờ mờ. Mẹ tôi quạt phành phạch lên từng hơi.

- Trời với đất? Chẳng có tí gió nào.

Em tôi vẫn vui đùa với cái tuổi ngây thơ của nó. Từ trong nhà đi ra, nó nói :

- Ở trong nhà bước ra ngoài sân, ngã đánh oạch một cái...

Nó giả vờ ngã vào lòng mẹ tôi, liền lấu tiếp :

- Ôi chao? Ôi chao? Trên gòl lắ sao, dưới ao lắ cá, thiên hạ lắ người, đố ai đố đượ mùi ông sao. Một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng...

Thế rồi lú lữi nói nịu: sao sáng ra sang sáo, sáng sao ra sáo sang... Nó phá lên cười. Mẹ tôi âu yếm mắg :

- Thôi không đùa nữa? Mồ hôi mồ kê. Yên để quạt cho!

Nó nũng nịu :

- Không? Để nói tài tài tài là. Để nói cho con nghe đi... đi để?

Bà cụ nhiều con gái, thông thả nói từ một đến mười, ông sao sáng với ông sáng sao bằng một giọng đều đều không vấp vấp.

Em tôi vỗ tay reo hò :

- Để tài quá! Để tài quá!

Tiếng nó kéo dài trong không khí nặng nề của buổi tối mùa hạ. Bỗng có tiếng gọi. Nó vùng chạy ra mở cửa. Có tiếng hỏi :

- Anh Ứng có nhà không cô?

Tôi nhòe dậy nói với ra :

- Có! Thạ đây phải không? Vào trong này.

Thạ theo em tôi vào. Chào mẹ tôi rồi, y nhón nhác tìm.

- Thạ! Đây kia mà!

Hắn chạy lại phía tôi :

- Ồ. Anh ở đây mà em không biết. Gớm, trời nóng quá nhỉ. Hôm nay em ngủ đây với anh nhé?

Tôi trả lời miễn cưỡng :

- Ừ, cũng được.

Dưới ánh sáng mờ mờ đêm trăng thượng tuần, tôi

thấy hần tiêu tụy quá. Quần áo xốc xệch bẩn thỉu. Cái đầu lâu không húi, tóc rù ra như tổ chim, chùm lầy khuôn mặt choắt cheo khắc khổ. Hai mắt lơ lơ thiếu ánh sáng, trái hần với cái mồm mỏng tang lém lốc.

Không phải tôi khinh hần. Nhưng lúc ấy tôi thấy khó chịu và ngượng nghịu, có lẽ vì có mẹ tôi ở đấy. Không ai nói một lời. Không khí im lặng bao bọc chúng tôi một cách khó chịu. Cùng nằm với nhau, tôi thấy như xa cách với hần lắm.

Tôi biết Thạ vào vụ hè mấy năm trước đây. Tôi hay sang trường tư của anh Thảo - bạn tôi, chơi. Thường thường, tôi vẫn dạy giúp anh mỗi khi anh nghỉ vì bệnh hen của anh cứ bất thường nổi lên.

Lần nào cũng vậy, chấm những bài luận quốc văn của Lương Danh Thạ, tôi không khỏi mỉm cười. Bất cứ tả cảnh gì hần cũng mở bài bằng những câu: “Bình minh...” “Hoàng hôn...” hoặc “Mưa bay...”, “Lá rơi...”. Những câu văn học mót ở những cuốn tiểu thuyết võ hiệp ba xu. Có một hôm chấm bài hần, tò mò gỡ đi mấy trang tôi chợt thấy một bài

thơ chữ viết nắn nót. Tôi còn nhớ mang máng:

Sở Bình Vương ngồi yên trên mình ngựa

Đưa mắt buồn theo tới tận chân mây...

Đại khái tất cả những câu thơ hần sửa đổi lại vài chữ. Dưới ký: Lương-Danh-Thạ dit Thái Dương Tử [1]. Thấy ngộ nghĩnh, tôi gọi hần lên đưa bài thơ cốp nhặt kia ra hỏi :

- Bài thơ này của anh làm ra?

Hần then đỏ mặt ngập ngừng nói không ra lời.

Tôi chậm rãi :

- Tôi nghe thơ anh hùng tráng và lưu loát lắm.

Hần cúi gầm mặt xuống, tay vân vê khuy áo.

Thấy mình ác quá, tôi đưa trả sách cho hần về chỗ. Từ đấy hần sum soe làm quen với tôi. Vì thế tôi mới biết hần là con người cô đầu ở Mười Lăm Gian.

Không một lần nào gần tôi, hần không khoe:

“Em là con cháu cụ Lương Thế Vinh, cụ Lương Đắc Bằng, cụ Lương Quy Chính đây anh ạ”. Và hứa hẹn: “Em sẽ viết một thiên phóng sự về cô đầu. Em sẽ đem những cái ‘trúych’ của cô đầu, quan viên, thằng nhỏ, kếp đàn ‘trúych’ nhau phơi lên mặt giấy cho anh xem. Em sẽ lấy nhan đề là: Ca công phóng sự”.

Nhiều lúc tôi thấy khó chịu vì cái tính huênh hoang xốc nổi, nhưng cũng không tiện nói ra.

Thế rồi, bật đi lâu lắm, để có đến hơn một năm tôi không gặp hấn đâu. Mỗi lần đi qua Mươi Lăm Gian tôi vẫn thấy mẹ hấn mặt trát bột phấn, ngồi ủ rũ trước hiên chờ khách. Cho đến một chiều, như lệ thường đi rong phố, tôi gặp hấn ở trước một hiệu tạp hóa. Thấy tôi, hấn rói rít :

- Lâu lắm mới gặp anh! Lâu lắm mới gặp anh!

Hấn xúng xính trong bộ quần áo pyjama vải thâm đã bạc màu. Tay hấn tôi thoáng thấy ánh nhẵn bạc. Cách ăn mặc và cử chỉ điệu đà của hấn làm tôi nghĩ đến anh kếp hát của những ban đồng ầu thường về

diễn ở đây.

Chợt nghĩ đến quần áo, tôi quay mình lại hỏi :

- Thế quần áo trước kia của Thạ đâu?...

- Em mất trộm. Nhà em mất trộm, anh ạ. Có bao nhiêu quần áo mất sạch.

Tôi hoài nghi. Vì hấn trả lời lúng túng. Vả đây với Mười Lăm Gian là bao xa mà một vụ trộm xảy ra tôi không biết? Tuy vậy, tôi cũng nói lấy lòng :

- Độ này vải cao, mất thế cũng khá tiền đấy nhỉ?

Nhưng trong thâm tâm tôi thấy bùng bực. Tôi nghiệm ra từ trước đến nay tôi hỏi hấn điều gì, hấn cũng trả lời quanh, không thật!

... Mấy ngọn cau đen thẫm in lên nền trời sáng đục. Tàu mềm lả là thế mà không hề lay động. Trời hôm nay như nín thở. Mẹ tôi quạt luôn tay. Em tôi ngủ đã lâu rồi. Tiếng võng bên hàng xóm kêu cót két.

**Bỗng thấy tàu cau phe phẩy. Một cơn gió nhẹ
thoảng qua. Mẹ tôi dừng tay quạt.**

- Lạy giời, giời gió lên một tí...

**Như họa theo lời mẹ tôi, gió dần dần thổi mạnh.
Rồi ào ào trong lá cây. Thân cau lắc lư nghiêng ngả.
Lá tre, lá găng không biết từ đâu bay rụng tấp tới
xuống sân. Mây đen từ phía đông lừ lừ tiến lên, che
khuất mặt trăng. Trời tối sầm lại.**

**Mẹ tôi bế em tôi vào trong nhà. Đến thêm, bà
quay ra dặn với :**

- Ưng nhớ bắc máng, con nhá.

**Gió lạnh đã quét sạch oi ả và nồng nực đi, để lại
một khí trời mát mẻ dễ chịu. Mưa lộp bộp lia mạnh
xuống mái nhà. Rồi ngừng... rồi lại mưa... Tia chớp
thoáng qua vạch rõ những khe cửa. Mưa gió đã làm
cho tôi bốt căng thẳng với Thạ hơn. Một luồng gió
rít mạnh, thổi bật cánh cửa sổ. Khí lạnh ùa vào, tràn
lên da thịt sồn gai. Một khung sáng mờ mờ hình**

chữ thật có giọt đen hiện ra. Bên ngoài bóng mấy tàu chuối quần quai đập vào nhau phành phạch. Tôi vội đóng cửa sổ lại, với thêm chiếc chiếu trên sà nhà xuống đắp cho ấm. Mưa gió vẫn sầm sập. Chúng tôi vẫn chưa ai ngủ được. Tự nhiên cái gì xích Thạ nằm ai gần thêm. Hấn nói qua tiếng thở dài :

- Đời em khổ lắm, anh Ứng ạ.

Tôi biết hấn có tâm sự gì muốn nói nên im lặng.

- U em lại bước đi bước nữa!

Tiếng hấn nói ngụ một nỗi gì vừa thống khổ, vừa hờn giận. Chợt tôi cũng thở dài một tiếng khe khẽ, như nén xuống nỗi dày vò của hấn: “Lại bước đi bước nữa”. Trời! thật là mĩa mai chua chát. Thì ra mẹ hấn đã đi bước nữa nhiều lần. Im lặng một lúc khá lâu, lại nghe hấn cất tiếng kể tiếp bằng một giọng đều đều não nuột :

- Em nói thật đời em. Anh đừng khinh em nhé. Anh ạ, mẹ em là cô đầu chính tông. Ông bà ngoại

em sinh được bốn người con gái làm cô đầu cả bốn. Trước khi lấy thầy em, mẹ em đã từng tịu với một ông Lục sự; để được một người con trai. Được ít lâu ông Lục ấy phải dời đi xa. Xem chừng ông ta cũng không giàu có gì. Mẹ em bỏ thẳng cánh. Thầy em lấy mẹ em về; nhà có vợ cả. Vốn là người đánh đá lại cậy thế thầy em chiều chuộng, mẹ em lấn quyền hành hạ các anh con mẹ già em khổ lắm. Đây là thời kỳ sung sướng nhất trong đời em. Em đi học đến lớp ba thì thầy em mất. Sẵn có ít vốn riêng, mẹ em trở lại nghề cũ; mở nhà hát cô đầu. Được vài năm cảnh nhà sa sút dần. Em phải thôi học về nhà làm thẳng nhỏ. Anh ạ...

Tiếng hản bị ngắt nghẹn lại. Im lặng một lát, hản thở dài buồn bã kể tiếp :

- Anh ạ, em không thể nào ở nhà trông thấy mẹ em bị ôm ấp trong cánh tay những người đàn ông khác. Thế rồi em trốn nhà đi, theo một ban hát đồng ấu. Ngót một năm trời, em vẫn chưa biết hát, chỉ sắm những vai quân kiếc xì xằng thôi. Rồi em bị đuổi vì đánh nhau với thẳng kép chính. Không còn

bám víu vào đầu mà sống được nữa, em đành phải trở về với mẹ em, làm thằng nhỏ nhà cô đầu vậy. Từ ngày thầy em mất đi, mẹ em cải giá lần này vừa đúng ba bận. Mấy lần trước, người thì có vợ cả ác nghiệt, người không đủ tiền “bao”, mẹ em bỏ cả. Lần này chắc cha mẹ em yên thân lắm. Mẹ em lấy một ông phán đã có tuổi ở Bắc Kạn, giàu có lại hóa vợ. Ông ta nhất định không cho mẹ em đem em theo. Vì ông kiêng không muốn rước cái nợ vào người. Anh ạ, mẹ em đi đã hơn hai tháng nay rồi. Không biết sao vẫn chưa gửi tiền về cho em. Quần áo, em phải bán đi để trả tiền ăn, chứ có phải mất trộm như em nói với anh ban chiều đâu. Nếu mẹ em không gửi tiền về, em không biết làm thế nào mà sống được.

Nói đến đây hấn gục đầu vào ngực tôi khóc nức nở. Tôi không biết an ủi thế nào trong lúc người ta vô cùng đau khổ này. Ngoài nhà đồng hồ thông thả điểm hai tiếng. Tôi đưa tay lên nhẹ nhẹ vuốt tóc hấn.

Bằng một giọng rất âu yếm, tôi bảo :

- Thôi, khuya rồi, ngủ đi?

Vì công việc hàng ngày, câu chuyện thương tâm trong đêm mưa gió không còn trở lại quấy rối trong óc tôi nữa.

Mãi đến một hôm, trời nắng chang chang...

Tôi phải đi rất vào vỉa hè cho có bóng mát. Lưng tôi ướt đầm mồ hôi. Hai mi mắt nặng nề buông xuống, sợ ánh sáng. Mùi rác rưởi, mùi cống rãnh bay tản mát khắp các ngõ, ẩm thấp, nồng nực; mùi quen thuộc của một phố nghèo. Bỗng tiếng rao kem Nhật vang lên, rướn lên. Nghe quen quen, tôi quay lại. Thì ra Thạ.

Thoáng thấy tôi, hắn đội lệch cái mũ trắng rúm ró che mặt rồi quay ngoắt vào phố khác. Độ này hắn gầy quá. Quần áo rộng lụng bùng. Sợi đã bợt nên mặc dầu vá chằng vá đụp, áo nó vẫn rách tả tơi, để hở những miếng da đen sạm vì cháy nắng. Bóng cậu học trò xinh xẻo, trắng trẻo không còn ở hắn nữa.

**Tôi búi ngủi nhìn theo. Nhớ đến mẹ hắt hiện giờ
đang yên thân no ấm, bỏ mặc đứa con bé dại, trơ vơ,
tôi giận và buồn vẩn vơ.**

- Kem! Kem ơ!

Tiếng rao kem từ cuối xóm thoảng vọng lại...

Chú thích:

**[1] Đây là câu viết theo tiếng Pháp, tuy chỉ có
duy nhất từ “dit” là tiếng Pháp, nghĩa là “gọi là”,
“tức là” (B. T)**

TUYỂN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Người Kép Già:

Chưa có việc làm, tôi thấy chán nản vô cùng. Những ngày nhàn rỗi đằng đẳng nối tiếp. Để khuây khỏa nỗi buồn thất nghiệp, tôi thường đến nhà các bạn chơi. Tôi hay đến Dụ nhất. Không phải tôi thân với anh hơn các bạn kia. Nhưng vì một lẽ khác. Vì ông Trạch. Người kép tuồng đã về già.

Ngày mới đến, tôi cũng không chú ý đến ông ta lắm. Con người gầy còm và xanh xao ấy, lúc nào cũng giữ một vẻ thâm kín và tư lự.

Dụ ghét ông ta lắm. Nói ra miệng, bằng giọng cay nghiệt :

- Ngày nào cũng phải cung 15 phân thuốc đấy. Mà chẳng được tích sự gì.

Như biết phận, ông chỉ thậm thụt trong gian buồng lụp sụp, ảm thấp. Cứ tối đến lại leo lắt ánh đèn dầu lặc và tiếng “ro ro” rầu rĩ đưa ra.

Có một bận tôi đánh cờ với Dụ. Không hiểu vui sướng điều gì, có lẽ vì no phiện, ông Trạch hứng chí mần mấy câu tuồng cổ. Giọng ông khô khan nghe chán chường và rè rè như tiếng thuốc phiện chui qua nhĩ. Đang bực mình về nước bí, Dụ không còn nghĩ đến lựa lời. Anh gắt lên một câu rất trịch thượng.

- Gớm “cậu”! Làm gì mà ồn lên thế.

Tiếng “cậu” anh nói nhanh và nhỏ gần như không nghe rõ. Trên bộ mặt tái của ông thoáng qua một nét giận nhưng rồi lại bình thản ngay. Một lúc lâu ông mới cười khẩy một tiếng, không nói gì.

Người kếp già ấy, mặt răn reo vì có tuổi, tái xanh vì giang hồ. Mắt lơ dờ vì khói thuốc phiện, vì bao đêm không ngủ. Nhưng tôi thấy ở ông ta một vẻ rất sắc sảo, cái sắc sảo của những con hát. Vậy mà con người từng trải ấy đã chịu thua kém nín nhịn một thằng cháu nhãi

ranh.

Từ đây những lúc vui lắm ông mới hát khe khẽ tay thần thờ gõ nhịp xuống phản. Còn thường thường ông nằm đườn ra, đầu gối lên chiếc ấm bì, tay vắt qua trán, chập chờn ngủ. Hoặc ngồi xếp bằng. Hai mắt ngao ngán nhìn vào một khoảng không, tư lự. Có lẽ óc ông lúc ấy đang đi trở ngược lại thời lừng lẫy, tung bừng ánh sáng và âm nhạc thuở trước.

Xưa kia ông là một con hát nổi danh. Rạp nào đón được ông là một mối lợi lớn. Mỗi lần ông kếp Trạch “thủ bản” trung ra là người ta ròn rạp đến xem rất đông. Những chủ rạp tranh nhau đón.

... Thế rồi, tuổi xuân qua, đem cả giọng hát trong treo của ông đi. Vả tuồng cổ cũng đến ngày không được ai chuộng nữa. Người ta đã bỏ rơi ông trong một xó nhà quê hẻo lánh, với bao nhiêu là thiếu thốn, là tủi cực. Đột nhiên tôi thấy thương con người thất thế. Người cùng cảnh - tôi cũng thất nghiệp. Tuy không bị ai hắt hủi song những lúc mẹ tôi buồn rầu nhìn qua đôi kính lão mà hỏi: “Con đã tìm được việc chưa?” Thì tôi thấy long se lại.

Và một niềm bức dọc ray rứt ngấm ngấm trong tâm tôi.
Tôi nghĩ đến cảnh nhà thiếu thốn.

Lân la làm quen, tôi được ông Trạch coi như bạn.
Ông gần gấp ba tuổi tôi. Mỗi lần sang chơi, ông vui vẻ
gọi tôi lại bên bàn đèn :

- Bác Triệu? Lại đây nói chuyện cho vui.

Ông có vẻ hợp tôi lắm. Bên bàn đèn thuốc phiện, tôi
đi sâu mãi vào trong đời ông hơn. Cuộc đời khi trước
ông lần lần kể lại. Ông vừa nói vừa khoa tay làm dáng
điều, mắt tròn trũng trũng trạc như khi ở sân khấu, theo
thói quen của ông. Ông kể lại những chuyện oanh liệt khi
xưa để trút bớt nỗi buồn bức đè nén trong lòng bấy lâu.
Bằng một giọng hần học ông thường nói :

- À sào! Có cái giả đại làm ngậy đấy thôi. Chứ tôi
còn hẹm cái nổi gì ở đời này nữa, bác tính! Tôi đã sung
sướng chán rồi. Giờ mình kiết nên hèn thế này thôi.

Cứ chập tôi là tôi lần sang, nằm khênh bên khay đèn
hóng chuyện. Thấy thế Dụ thường giễu cợt :

-Thằng Triệu nó nghiện khói anh em ạ.

Tôi chỉ cười không nói gì.

Không ngờ ông bạn già tiểu tụy của tôi đã có lần sang tận bên mẫu quốc phô diễn tài nghệ. Chuyện này ông kể lại cho tôi nghe, lúc đang đánh sái. Chợt ông ngừng lên, kiêu hãnh :

- Bác phải biết. Tôi đã có lần cùng anh em sang Tây hát rồi đấy nhé? (tiếng tây ông rền mạnh). Năm ấy làng ta ba người được đi. Chánh hội Phùng là một, tôi là hai, Huyện Hốt là ba... Ấy, được Tri huyện về hát tuồng đấy.

Tôi cười ngạc nhiên :

- Hát tuồng mà được tri huyện?

- Ấy nó thế này? Sang bên ấy cứ hai ba tuần lễ mới đổi tích. Lần ấy, hát vở Đào Phi Phụng. Huyện Hốt năm bấy giờ mới độ mười ba, mười bốn, bầu bình khôi ngô. Được sắm vai hoàng tử. Có một ông tây già đem lòng yêu quý. Xin hấn về làm con nuôi, cho ăn đi học. Về sau đỗ đạt được bổ Tri huyện mà!

Ông ngừng lại đưa chén sái lên miệng hà hơi. Đoạn, vê cho dài ra như con giun đen, bấm thành từng viên nhỏ. Ông thông thả nằm xuống người co như con tôm. Hút một chập ba điếu mới đặt dọc tẩu xuống. Với tay lấy tích nước ngay đầu giường, tu một hụm. Ông xoay mình lại. Cặp mắt lim dim mơ màng. Tôi vẫn yên lặng chờ đợi. Bỗng ông thở một tiếng dài thườn thượt rồi nói tiếp :

- Anh em lớp ấy về, những người giải nghệ đều khá giả cả...

Ông đổi giọng chán chường :

- Nói bảo phụ tử, chứ cái nghề này nó mệt lắm, bác ạ. Tôi đã mấy phen đứng chủ rạp hát. Trong tay kẻ có tiền nghìn. Vậy mà tay trắng lại hoàn tay trắng.

Bốn bề yên lặng. Một làn không khí nhạt nhẽo bao phủ chúng tôi. Bất giác, tôi quay lại nhìn cái bàn mộc trên để khám thờ tổ đã long sơn. Hai bên kê hai chiếc mặt nạ: ông Thiên, ông Địa. Trong ánh sáng tờ mờ của ngọn đèn dầu lạc, cái gì cũng có vẻ không hợp thời nữa, sắp chìm vào trong bóng tối của thời gian. Cái cảm giác

này cũng giống như hôm nào, khi ông Trạch mở hòm khóa chuông khoe ảnh nhân tình - Tôi tò mò nhìn thấy mấy bộ râu đuôi ngựa mọc thếch, và dăm bộ áo tuồng cũ nát mà mùi hôi mốc xông lên.

Sự quen thuộc và thân mật cho tôi biết: mỗi ngày ông Trạch hút hết một cồng thuốc mười lăm phân. Đến lượt sái ba thì đủ nghiện.

Sau dần, tôi thấy rõ ràng nổi túng thiếu của ông. Lắm hôm ông phải nướng diện lấy cao mới đủ. Người ông xẹp đi, mặt phù lên, nước da vàng nhợt nhạt.

Bỗng bật đi, tôi không thấy tiếng thuốc phiện rầu rĩ và ánh sáng vàng vọt trong buồng đưa ra nữa. Chỉ có tiếng vật mình vật mây và tiếng thở dài ảo não thay vào.

Một hôm ông Trạch gọi tôi. Nét mặt thảm hại, bần khoản. Lúc lâu ông mới cất giọng lè nhè, kể lể :

- Chả nói giầu gì bác. Bà Trương - mẹ Dụ - không tư dùm tôi nữa. Mà tiền để cháu gửi về thì không đủ.

Tôi bàn giúp :

- Hay là ông bắt bà nhà ta gửi thêm.

- Thế thì còn nói gì nữa. Nó khốn lắm cơ, bác ạ. Một mình đẻ cháu bóp chết lắm mới đủ tiền nuôi các cháu. Gửi cho được đồng nào hay đồng ấy. Vội lại nhờ vả thế này, tôi cũng đã xấu hổ lắm rồi. Nói ra sợ bác cười. Chứ không ai hiền lành thật thà như đẻ cháu.

Ông ngừng lại ho nhẹ mấy tiếng rồi buồn rầu kể tiếp :

- Tôi từ ngày theo nghề tổ, đi đây đi đó đã nhiều, lấy vợ này thay vợ khác đã lắm. Tiền trăm bạc chục trong tay chi thường. Thế mà tính không gửi qua cho đẻ cháu lấy một xu hay một lá thư hỏi thăm. Đời tôi lúc bấy giờ tưởng như không có người vợ quê ấy nữa. Mê mãi theo sở thích của mình, tôi bỏ lửng đẻ cháu ngót mười lăm năm trời, mười lăm năm trời, bác ạ?

Ông ghen ngào nói qua nước mắt :

- Còn đẻ cháu! Khốn nạn! Đẻ cháu có bao giờ tưởng chồng tệ bạc, suốt mấy mươi năm trời vẫn yên phận, thất lưng buộc bụng tần tảo nuôi con... Mãi cho đến

ngày già yếu, không đi hát được nữa, tôi mới trở lại với người vợ cũ. Để cháu thấy tôi về cũng không ngạc nhiên, vẫn đơn đả tươi cười, coi như chồng đi làm ăn xa, lâu lắm mới về mà thôi.

Ông ngừng lại thở hổn hển, thần thờ với chiếc khăn mặt nâu đen cẩu, thấm nước mắt :

- Thế thì bác tính? Liệu tôi còn dám vác mặt lên ăn bám để cháu cho nó đang tâm không?

Tôi cũng chẳng biết khuyên ông thế nào cho phải. Đành nín lặng. Còn ông thì có vẻ phân vân lưỡng lự. Một lúc lâu, ông mới hạ giọng thì thầm :

- Bác có tiền cho tôi giật tạm vài hào. Quả thật hai hôm nay chưa có thuốc.

À! Thì ra ông muốn hỏi vay tiền. Khốn nạn! Thảo nào ông phải kể lễ dài dòng để lấy lòng thương của tôi. May lúc ấy tôi lại có đồng hai hào vội đưa cho ông “giật tạm”.

Một độ ông Trạch đi cả ngày không mấy lúc có nhà.

Mới đầu tôi còn không biết đi đâu. Mãi sau, Dụ nói chuyện mới hay. Ông vẫn lang thang những nhà có bàn đến xin sái về nuốt. Năm thì mười họa, hôm nào có tiền, mới thấy ông mua được ít thuốc về. Ông nung niu giấu diếm như sợ ai lấy. Đến bữa, ông mới thận trọng giở ra, nhúng đầu tăm vào mút, mút. Ông cười thăm hại bảo tôi :

- Thế này vừa đỡ tốn dầu vừa chóng đủ nghiệm bác ạ.

II

**Làng tôi, năm ấy vào
đám không có tuồng.**

**Không ngờ lại có cái may
cho ông Trạch. “Làng đất**

**tuồng không nhẽ đình
đám bỏ tẻ ngắt”. Các cụ
trong dân họp nhau lại lập
một ban tuồng, đón ông
Trạch dạy đàn em. Từ
ngày ông lên chức “trùm”,
ông có vẻ sung túc hẳn lên.**

**Các cụ tai mắt, trong
“hàng hội” ra vào luôn.
Ông trùm rước bàn tĩnh
ra nhà ngoài tiếp khách.**

**Ban thờ tổ được ông chăm
chút cẩn thận. Lúc nào
cũng có mía hoặc kẹo trên
đĩa cúng bên bát bình
hương nghi ngút khói.
Công việc xem ra thập
phần hoàn hảo. Chỉ còn cổ
động anh em trong làng
tập nữa là xong. Việc này
chừng khó khăn, ông trùm
(mọi người đều gọi ông**

**Trạch là trùn) thường tỏ
vẻ lo âu. Ông hỏi tôi :**

**- Bác liệu xem có đồng
anh em tập không nào?**

Tôi trả lời lấy lòng :

- Thế nào chẳng khá.

**Im lặng suy nghĩ một lát,
ông bàn tính :**

**- Hay là thế này! Bác giờ
cũng rồi rã, ta tập chơi.
Nhân thể rủ anh em cùng
tập cho vui.**

**Tôi chẳng thích gì hát
tuồng. Và biết các bạn
mình cũng chẳng ai ưa.
Nhưng không muốn làm
cho ông thất vọng, tôi trả
lời nước đôi!**

**- Vâng! Để rồi cháu hỏi
chúng nó xem đã.**

**Ông khẩn khoản dặn đi
dặn lại :**

- Bác cố giúp hộ nhé?

**Về sau hể thấy tôi sang là
ông đơn đả mời mọc như
khách quý. Mà lần nào**

cũng vậy, chỉ dăm ba câu chuyện “tào lao”! Ông hỏi ngay :

- Thế nào! Bác đã rủ đông anh em chưa?

Các bạn trong làng chẳng ai tập cả. Họ đều lắc đầu: “Tập tuồng! Cổ lắm! Không hợp thời nữa”.

**Nhưng tôi cũng trả lời để
ông vui lòng :**

- Cũng khá?

**Ông trùm sung sướng lộ
ra mặt. Ông ân cần mời tôi
ăn một chiếc kẹo lạc. Ông
dùng để “hăm” mỗi khi
hút được vài điếu. Gọi nhả
nhận là thừa huệ tô. Ông**

**nói liên miên, toàn chuyện
tuồng cả.**

**Cặp môi thâm hoạt động
lên :**

**- Nội vùng này tôi “cụp”
vai Lưu Toàn Định trong
vở Thất hiền quyền đây
bác ạ.**

Ông ngừng lại rít một hơi thuốc lào. Tiếng lách tách reo ròn như vui sướng. Khói đặc ở mũi, ở mồm, cuộn cuộn bay ra, càng bốc lên cao càng mạnh và mờ nhạt. Ông thở mạnh một cách khoan khoái lên giọng thầy :

- Hát tuồng tiếng vậy mà

khó đẩy bác ạ. Có tập mới biết. Phải đủ, ái, ồ, hử, nộ, ai, lạc mới thành một người kếp hay.

- Khó thế, chúng tôi tập sao được?

- Ô! sao không tập được? Tôi mà bảo cho đến đầu đến đũa thì mấy chốc mà

khá. (ông nịnh khéo)

**Không?... Bác tinh nhanh
thế, tôi biết bác tập được
mà!**

**- Cháu chỉ sợ lúc ra hát
ngượng chết.**

**- Việc gì mà ngượng?
Mình có hát nhà nghề đâu
mà sợ. Đằng này mình**

**chơi tài tử “a-ma-to” kia
mà! Khi nào đình đám
mới ra hát chơi mấy tối.**

Ông hóm hỉnh liếc tôi :

- Cứ gọi là vô số gái cảm.

**Đoạn ông cất tiếng cười
kha khả.**

Cách mấy hôm sau, đến

**ngày “thử hơi”. Hôm ấy
ông trùm bận rộn suốt
ngày. Phải mượn thêm một
người làm đe sai bảo. Ông
cho gọi tôi sang chơi. Hỏi
những câu vẫn thường hỏi
:**

**- Thế nào! Đã khá chưa?
Thôi trăm sự nhờ bác cả.**

Tôi trả lời cứng rắn :

- Được, cụ cứ tin ở tôi.

Nhiều anh em tập mà.

**Đâm lao phải theo lao,
đến giờ tôi vẫn phải nói
dối. Ông trùm giục rồi rít :**

**- Thôi thế bác đi ngay
hộ, bảo anh em đúng sáu**

**giờ tôi đến làm lễ tổ rồi ta
“thử hơi”.**

**Tôi ra đến cửa, ông còn
dặn với :**

**- Bác đi ngay hộ nhé... A,
bác hãy lại xơi điều thuốc
lá đã.**

Tôi cảm cổ đi, làm như

không nghe tiếng.

**Về nhà, tôi dặn mẹ tôi hễ
có ai hỏi thì nói dối đi
vắng. Hai ba lần ông trùm
cho người nhà đến gọi,
đều về không.**

**Chập tối tôi rủ mấy bạn
nữa đi xem tập tuồng. Nhà
Dụ mọi hôm đối với tôi**

**lặng lẽ thân mật, tối ấy
bỗng trở nên ồn ào, xa lạ,
bóng người đứng xem lộ
nhỏ ngoài hiên, đen thẫm
in cả lên bóng đèn “măng-
sông” sáng lóa. Bên trong,
trên hai dãy phản, các cụ
“hàng hội” ngồi uống
nước hút thuốc, nom rõ
mồn một. Những bộ mặt
hoan hỷ cười nói oang**

**oang. Ông trùm ăn mặc
chỉnh tề, lăng xăng chạy
chỗ này chỗ khác. Trên
mặt lộ vẻ lo âu. Chốc lại
giục anh người làm :**

**- Anh sang gọi hộ lần
nữa xem sao?**

**- Cháu đã hỏi mấy lần
rồi, bà cụ đều bảo bác ấy**

đi vắng.

**Ông trùm cau có gắt
quần :**

**- Cái nhà bác Triệu thế
thì còn ra cái gì nữa.**

**Một anh bạn lấy khuỷu
tay huých tôi :**

- Kia lão trùm Trạch hỏi

gì anh?

**Tôi vội vàng bảo nhỏ
hắn :**

**- Đừng nói to! Mặc ông
ấy.**

**Bổng cụ chánh hội -
người đứng lập ra phường
-đứng lên hướng ra ngoài,**

cất tiếng sang sảng :

- Làng ta là đất tuồng.

Thế mà hội hè để tẻ ngắt.

**Sợ rằng hàng xứ người ta
chê bai, nên các cụ bỏ tiền
ra nuôi thầy dạy. Vậy anh
em ai muốn tập cú vào thử
hơi.**

Mọi người im lặng. Ông

trùm nói thêm :

**- Anh em cứ việc tập,
không sợ phí tổn gì cả.
Tiền nong đã có hàng hội
bỏ ra.**

**Chùng chình một lát mới
có năm, sáu người lớn và
vài ba đứa trẻ độ mười
bốn mười lăm ăn mặc lam**

**lũ xin vào tập. Họ toàn là
những người ngụ cư cả.
Các cụ ồn ào bàn tán. Cụ
thì bảo: Cứ cho tập, sau sẽ
liệu. Cụ thì nhất định
không bằng lòng cho dân
“ngụ cư”. Hai tiếng ngụ cư
các cụ nói bằng giọng vô
cùng khinh bỉ. Ông trùm
chán cảnh, rũ rượi ngồi
một xó, hai mắt lơ đãng như**

**tưởng lại những ngày túng
thiếu. Rút lại phe các cụ
không cho tập cứng lý
hơn. Những người “ngu
cư” kia phải đuổi ra ngoài.
Ông trùm đứng dậy cố vớt
vát :**

**- Anh em trong làng vào
tập đi chứ? Máy khi đã có
dịp may này.**

**Một anh trong bọn tôi
lém lỉnh :**

**- Thừa cụ có đào không
ạ?**

- Có, hai cô kia.

**Vừa nói, ông vừa vui vẻ
chỉ hai cô con gái ngồi e lệ
sau bóng tối cột nhà. Từ**

**này vẫn không ai để ý.
Nhìn kỹ thì té ra: một cô
con ông Sáu Suyễn thịt
lợn; và một cô con ông
Quyền Run bán rau, ngày
thường vẫn gánh hàng đi
chợ, gầy gò và lem luốc.
Tối ấy hai cô cũng đom
dáng hơn ngày thường
chút ít.**

**Chờ đã lâu, không thấy
có ai, ông trùm xoay ra nói
khích :**

**- Làng ta không ai dám
tập à?**

**Vẫn anh bạn lúc nãy nói
xen :**

- Có! Có anh Triệu.

**Ông trùm hấp tấp chạy
lại phía chúng tôi, vô vậ
hỏi :**

**- Đâu? Đâu? Bác Triệu
đâu?**

**Tôi hốt hoảng bứt tay
bạn, chạy vụt ra ngoài
ngõ, lẫn vào trong bóng
tối. Ông trùm đuổi theo tôi**

**không kịp, đứng lại
nguyên rũa :**

**- Thế có phải đồ chúng
nó nhãi ranh không cơ
chứ?**

**Tôi nghe rõ mồn một,
vừa hối hận vừa thương
ông và cái nghề của ông
nữa.**

TUYÊN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Vợ Nhặt:

rước kia mỗi chiều, cứ vào lúc chạng vạng mặt người [1] thì Tràng đi làm về. Hấn bước ngật ngưỡng trên con đường khẳng khiu luôn qua cái xóm chợ của những người ngụ cư [2] vào trong bến.

Hấn vừa đi vừa tùm tùm cười, hai con mắt nhỏ tí, gà gà đắm vào bóng chiều, hai bên quai hàm bạnh ra, rung rung làm cho cái bộ mặt thô kệch của hấn lúc nào cũng nhấp nhỉnh những ý nghĩ gì vừa lý thú vừa dữ tợn. Hấn có tật vừa đi vừa nói. Hấn làm nhảm than thở những điều hấn nghĩ.

Trẻ con trong xóm, cứ thấy cái thân hình to lớn, vập vập của hấn từ dốc chợ đi xuống là ùa cả ra vây lấy hấn, reo cười vác lên :

- A a a... Anh Tràng! Anh Tràng đã về chúng mày ơi!

- Anh Tràng ơi bế em mấy...
- Anh Tràng ơi đã uống rượu chưa?
- Anh Tràng ơi!...

Đứa túm đằng trước, đứa túm đằng sau, đứa cù, đứa kéo, đứa lôi chân không cho đi. Tràng chỉ ngửa mặt lên cười hềnh hếch.

Cái xóm ngụ cư tồi tàn ấy mỗi chiều lại xôn xao lên được một lúc.

Nhưng độ này thì trẻ con không đứa nào buồn ra đón Tràng nữa, chúng nó ngồi ủ rũ dưới những xó đường không buồn nhúc nhích. Trong bóng chiều nhá nhem, Tràng đi từng bước mệt mỏi, chiếc áo nâu tàng [3] vắt sang một bên cánh tay, cái đầu trọc nhăn chúi về đằng trước. Hình như những lo lắng, chật vật trong một ngày đè xuống cái lưng to rộng như lưng gấu của hắn.

Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu [4] lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những

bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngã rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường.

Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa. Mặt hắn có một vẻ gì phờ phạc khác thường. Hắn tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Người đàn bà đi sau hắn chừng ba bốn bước. Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. mấy đứa trẻ con thấy lạ vội chạy ra đón xem. Sợ chúng nó đùa như trước, Tràng vội vàng nghiêm, nét mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng.

Mấy đứa trẻ đứng dừng lại, nhìn Tràng, đột nhiên có đứa gào lên :

- Anh Tràng ơi! - Tràng quay đầu lại. Nó cong cổ gào

lên lần nữa - Chông vợ hài.

Tràng bật cười :

- Bố ranh!

Người đàn bà có vẻ khó chịu lắm. Thị nhúu đôi lông mày lại, đưa tay lên xóc xóc lại tà áo.

Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì, bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng qua trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết.

Nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lủi thủi đi về bên, người trong xóm lạ lắm. Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán. Hình như họ cũng hiểu được đôi phần. Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dung rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ. Một

người thờ dài. Người khác khề thì thăm hỏi :

- Ai đấy nhỉ?... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên?

- Chả phải, từ ngày còn mồ ma ông cụ Tứ [5] có thấy họ mạc nào lên thăm đâu.

- Quái nhỉ?

Im một lúc, có người bỗng lại cười lên rung rúc :

- Hay là vợ anh cu Tràng? Ừ khéo mà vợ anh cu Tràng thật anh em ạ, trông chị ta thên thện hay đáo để.

- Ôi chao! Giời đất này còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?

Họ cùng nín lặng.

Người đàn bà như cũng biết xung quanh người ta đang nhìn dồn cả về phía mình, thị càng ngượng ngịu, chân nọ bước díu cả vào chân kia. Hắn cũng biết thế, nhưng hắn lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh

lên tự đắc với mình. Người đàn bà cầu nhàu câu gì trong miệng. Hấn quay lại hỏi :

- Gì hả?

- Không.

Hấn cũng cầu nhàu :

- Làm gì mà họ khỏe nhìn thế không biết?

Hấn bỗng đứng dừng lại nhìn ngang nhìn ngửa.

- Này bác Tràng! Bác Tràng!...

Sau một khuôn cửa tối, một cái đầu trọc thò ra gọi giật giọng. Tràng lật đật quay lại.

- Về muộn mấy? Hắng vào chơi cái đĩa nào.

Tràng đứng lại thoái thác :

- Thôi ông để cho đến hôm khác.

Cái đầu trọc nháy nháy một con mắt, hắt hắt về phía

người đàn bà hóm hình :

- Cánh nào đây?

- À hà... người quen. Thôi để hôm khác ông nhé.

Hắn quay ngoắt trở ra, lật đật chạy theo người đàn bà, như người xấu hổ chạy trốn. Người đàn bà đã đi đến trước cái miếu cũ. Tràng gọi với :

- Ấy rẽ lối này cơ mà.

- Đằng này à?

- Ừ.

Hai người lặng lẽ rẽ xuống một con đường nhỏ. Con đường sâu thăm thẳm, luồn giữa hai bờ tre cao vút. Ở đây vắng vẻ, thoải mái. Hắn định nói với thị một vài câu rõ tình tứ mà chẳng biết nói thế nào. Hắn cứ lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai kia đi bên người đàn bà. Thị cũng không nói gì, hai con mắt tư lự [6] nhìn ra phía trước. Tiếng gió trên bờ tre rì rào và tiếng lá khô kêu xào xạc dưới bàn chân.

Trong một lúc Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hằng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những thán ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.

- Sắp đến chưa? - Người đàn bà chợt hỏi.

- Sắp.

- Nhà có ai không?

- Có một mình tôi mấy u.

Thị tùm tùm cười :

- Đã một mình lại còn mấy u. Bé lắm đấy!

Hắn bật cười :

- À nhĩ.

Câu chuyện xem chừng đã thân thân. Hấn đi sát gần bên thị hơn, ngẫm nghĩ một lúc, chợt hấn giờ cái chai con vẫn cầm lăm lăm một bên tay lên khoe :

- Dầu tôi thấp đây này.
- Sang nhỉ.
- Khá thôi. Hai hào đấy, đắt quá, cơ mà thôi chả cần.
- Hoang nó vừa vừa chứ.

Hấn chặc lưỡi :

- Vợ mới vợ miếc cũng phải cho nó sáng sủa một tí chứ, chả nhẽ chưa tôi đã rúc vào ngay, hí hí...

- Khi gió.

Thị phát đánh đét vào lưng hấn, khoằm mặt lại.

Hấn thích chí ngựa cổ cười khanh khách.

Mấy con chó giật mình chạy thọt vào trong lũy thò mõm ra sủa văng lên. Tràng nhật một hòn gạch vung tay

ném mạnh một cái :

- Mẹ bố chúng mày cần gì thế!

- Vẫn chưa đến à?

- Còn chán.

- Khiếp.

Thị cau mặt lại, giãy lên. Hấn phì ra cười, cúi xuống nhắc cành dong dấp công ra reo lên :

- Đây rồ-ôi!...

Thị lẳng lặng theo hấn vào trong nhà, cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại. Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô hấn lên, nén một tiếng thở dài. Tràng xăm xăm bước vào trong nhà, nhắc tấm phen rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất. Hấn quay lại nhìn thị cười cười :

- Không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy!

Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo. Tràng vỗ vỗ xuống giường đơn đả :

- Ngồi đây!... Ngồi xuống đây, tự nhiên...

Người đàn bà theo lời hấn ngồi móm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng ngịu. Tràng đứng tây ngậy ra giữa nhà một lúc, chột hấn thấy sờ sờ. Chính hấn cũng không hiểu sao hấn sợ, hấn lấm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên :

- Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết!

Hấn loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà. Thị vẫn ngồi móm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt bần thần. Hấn nghĩ bụng: “Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ô sao nó lại buồn thế nhỉ?...”. Hấn nhỏ vu vơ một bãi nước bọt, tùm tùm cười một mình. Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hấn vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hấn đã có vợ rồi đấy ư? Hà! Việc xảy ra thật hấn cũng không ngờ, hấn cũng chỉ tầm phơ tầm phào [7] đầu có hai bận ấy thế mà thành vợ thành

chồng...

Ít lâu nay hấn xe thóc Liên đoàn [8] lên tỉnh. Mỗi bận qua cửa nhà kho lại thấy mấy chị con gái ngồi vêu ra ở đây. Hấn đoán họ ngồi đấy nhặt hạt rơi vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Một lần hấn đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hấn hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hấn hò rằng:

Muốn ăn cơm trắng mấy giò này!

Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì!

Chủ tâm hấn cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hấn, cười như nắc nẻ :

- Kia anh ấy gọi! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy!

Thị cong cón :

- Có khối cơm trắng mấy giò đấy! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?

Tràng ngoài cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười :

- Thật đấy, có đấy thì ra mau lên!

Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

- Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ! - Thị liếc mắt, cười tí.

Tràng thích lắm. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa có người con gái nào cười với hắn tình tứ như thế.

Lần thứ hai, Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ tỉnh thì thị ở đâu sầm sập chạy đến. Thị đứng trước mặt hắn sừng sĩa nói :

- Điều! Người thế mà điều!

Hắn giương mắt nhìn thị, không hiểu. Thật ra lúc ấy hắn cũng chưa nhận ra thị là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đũa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

- Hôm ấy leo lẻo cái mồm hện xuống, thế mà mắt mặt.

À, hăn nhớ ra rồi, hăn toét miệng cười :

- Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Này hăng ngồi xuống ăn miếng giàu đã.

- Có ăn gì thì ăn, chả ăn giàu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hăn.

- Đây, muốn ăn gì thì ăn.

Hăn vỗ vỗ vào túi :

- Rích bố cu [9], hờ!

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đon đả :

- Ăn thật nhá! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn

xong thị cầm dọc đôi đũa quét ngang miệng, thở :

- Hà, ngon! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười :

- Làm đêch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chọn [10], nghĩ: thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bông [11]. Sau không biết nghĩ thế nào hắn chặc lưỡi một cái :

- Chắc, kệ!

Hôm ấy hắn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về...

Tràng chột đứng dừng lại, lắng tai nghe. Ngoài ngõ có tiếng người húng hắng ho, một bà lão từ ngoài rặng tre long khong đi vào ngõ. Bà lão vừa đi vừa lẩm bầm

tính toán gì trong miệng.

Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với vào trong nhà :

- U đã về đây!

Hắn lật đật chạy ra đón :

- Hôm nay sao u về muộn thế! Làm tôi đợi nóng cả ruột.

Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn Tràng, chậm chạp hỏi :

- Có việc gì thế vậy?

- Thì u hẵng cứ vào trong nhà đã nào.

Bà lão phấp phồng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con

cái Đục mà. Ai thế nhỉ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn vì tự dung bà lão thấy mắt mình nhoèn ra thì phải. Bà lão nhìn kỹ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Tràng tươi cười :

- Thì u hăng vào ngồi lên giường lên điếc chính chện cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị cật tiếng chào lần nữa :

- U đã về ạ!

Ô hay, thế là thế nào nhỉ? Bà lão bắn khoăn ngồi xuống giường.

Tràng nhắc mẹ :

- Kìa nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hấn bước lại gần nói tiếp :

- Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đây ư! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con để cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rủ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?

Bà lão khẽ thở dài đứng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bốn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này [12] thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giò bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được?

Bà lão khẽ dặng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với “nàng dâu mới” :

- Ủ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẫng đi. Hẳn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời :

- Nhà ta nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đồng rậm [13] ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?...

- Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật :

- Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhận chỉ cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hòa thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng. Tràng đứng ngoài thấy vậy, hấn bực mình quá hàm hàm bước vào trong nhà, đánh diêm đốt đèn. Thấy sáng, bà lão vội vàng lau nước mắt ngừng lên :

- Có đèn đấy à? Ừ thắp lên một tí cho sáng sửa...
Dầu bây giờ đắt góim lên ấy mày ạ.

Bà lão đứng dậy uể oải sang giường bên kia nằm.
Tràng lầu bầu trong miệng: “Chán quá, chẳng đâu vào đâu tự nhiên cũng khóc!”

Tiếng bà cụ Tứ bên kia nói với sang :

- Hôm nào nghỉ ở nhà kiếm lấy ít nửa về đan cái phen mà ngăn ra mây ạ.

- Vâng.

Tràng ngoan ngoãn đáp lời mẹ. Hấn toan quay lại bảo thị cởi áo đi nằm, nhưng thấy thị ngồi bần thần dưới chân giường tự nhiên hấn lại không dám. Hấn lẳng lặng ngồi xuống cái ghế bên cạnh, cả hai cùng sượng sùng chẳng biết nói gì. Ánh đèn vàng đục ở góc nhà tỏa ra ấm áp và kéo dài hai cái bóng trên vách. Bên ngoài gió từ mặt sông thổi lên rì rào như tiếng người thầm thì nói chuyện. Giữa sự im lặng của đôi vợ chồng mới, có tiếng ai hờ khóc [14] ngoài xóm lọt vào tí tê lúc to lúc nhỏ. Người đàn bà bỗng thở dài. Tràng quay lại khẽ hỏi :

- Buồn à?

- Không.

- Gớm sao lúc này nói chuyện dai thế, đợi sốt cả ruột.

Thị lườm hấn không trả lời. Hấn xích lại cười cười :

- Thôi khuya rồi đây, ngủ đi.

Thị giơ tay củng vào trán hấn :

- Chỉ được cái thế là nhanh. Dơ!

Hấn cười khì khì, vươn cổ thổi tắt phụt ngọn đèn.
Trong đêm khuya tiếng hờ khóc tí tê nghe càng rõ...

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hấn có vợ đến hôm nay hấn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hấn chấp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào hai con mắt còn cay xè của hấn. Hấn chớp chớp liên hồi mấy cái, và

bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mươi niên [15] ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước [16] vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung hoành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang lúi húi giẫy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng

bảo nàng dâu :

- Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

- Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn [17] như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn [18] thu dọn quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nề nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau

này :

- Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tin rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Nay ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo lỏng bồng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đĩa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ :

- Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lật đặt chạy xuống bếp, lễ mễ bung ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:

- Chè đây. - Bà lão múc ra một bát - Chè khoán [19] đây, ngon đáo để cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả :

- Cám đây mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khỏi nhà còn chả có cám mà ăn đấy.

Tràng cầm đôi đũa, gọt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hấn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, dồn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vùn trên nền trời như những đám mây đen.

Người con dâu khẽ thở dài, thị nói lí nhí trong miệng :

- Trống gì đấy, u nhỉ?

- Trống thúc thuế đây. Đằng thì nó bắt gồng đây, đằng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... - Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Người con dâu có vẻ lạ lắm, thị làm bầm :

- Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à?

Im lặng một lúc thị lại tiếp :

- Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó dăm dăm. Miếng cám ngậm trong miệng hần đã bã ra chát xít... Hần đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật.

Tràng hỏi vội trong miếng ăn :

- Việt Minh phải không?

- Ủ, sao nhà biết?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hắn vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói âm âm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đàng trước có lá cờ đỏ to lắm.

Hôm ấy hắn lảng máng nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì sợ quá, kéo vội xe thóc của Liên đoàn tắt cánh đồng đi lối khác.

À ra họ đi phá kho thóc chia cho người đói. Tự dưng hắn thấy ân hận, tiếc rẻ vẫn vợ, khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

Chú thích:

[1] Lúc chạng vạng mặt người: lúc chiều muộn, nhìn không rõ mặt người.

[2] Ngụ cư: người quê ở nơi khác đến ngụ trú ngụ.

[3] Tàng: cũ.

[4] Đội chiếu: Lấy cái chiếu, cuộn lại, buộc túm một đầu, chụp lấy đầu và cuộn quanh người mà đi để chống rét. Đây là hình ảnh rất phổ biến ở miền Bắc nước ta thời kỳ có nạn đói khủng khiếp giết hại hơn hai triệu người vào mùa đông 1944 và mùa xuân 1945.

[5] Còn mồ ma ông cụ Tứ: lúc cụ Tứ còn sống.

[6] Tư lự: suy nghĩ và lo lắng.

[7] Chỉ tầm phơ tầm phào: chỉ nói chơi, nói đùa.

[8] Thóc Liên đoàn: Liên đoàn là một tổ chức chuyên thu mua thóc cho Nhật hội trước Cách mạng Tháng Tám 1945.

[9] Rích bố cu: tiền nhiều lắm (tiếng Pháp phát âm theo lối bình dân).

[10] Chọn: sợ.

[11] Đèo bông: mang thêm, vương bận thêm vào một cái gì khó gỡ ra được. “Vì cam cho quýt đèo bông. Vì em nhan sắc nên lòng nhớ thương...” (Ca dao). “Đôi ta chút nghĩa đèo bông. Đến nhà, trước liếu nói sòng cho mình” (Truyện Kiều).

[12] Tao đoạn này: thời buổi này, giai đoạn này.

[13] Đốt đồng râm: đốt cháy âm i (thường là một đồng trấu) cốt có khói để xua bớt tử khí.

[14] Hờ khóc: khóc to, vừa khóc vừa kể lể.

[15] Khuom mười niên: rất lâu rồi.

[16] Cái ang nước: dụng cụ đựng nước bằng gốm, thân tròn, miệng rộng giống như cái vại.

[17] Chông lòn: nói năng đánh đả, xác xược; trái nghĩa với dịu dàng, lễ phép.

[18] Xăm xắn: mau mắn, hăng hái.

[19] Chè khoán: một thứ chè ngon nấu bằng đỗ xanh

đãi sạch vỏ, nấu nhuyễn và đặc, đổ ra đĩa và xắt thành từng miếng. Có lẽ đây là tiếng địa phương vùng quê tác giả (giống như chè kho ở nơi khác).

TUYỂN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Làng:

Ồi nào cũng vậy, cứ đến lúc con bé lớn con ông Hai thu thủ que đóm cháy lập lòe trong chiếc nón rách tất tả đi từ nhà bếp lên, bà Hai ngồi ngây thuôn cái mặt trước đĩa đèn dầu lạc, làm bầm tím những tiền cua, tiền bún, tiền chuối, tiền kẹo... thì ông Hai vùng dậy, sang bên gian bác Thứ nói chuyện.

Không hiểu sao cứ đến lúc ấy ông Hai lại thấy buồn. Nằm nghe tiếng súng dội trong đêm tối và nhất là tiếng rì rầm tính toán tiền nong của mẹ vợ, nó cứ bức dọc làm sao ấy. Mà ông, thì ông không thích nghĩ ngợi như thế một tí nào. Ông vốn là người hay làm, ở quê ông làm suốt ngày, không mấy lúc chịu ngồi chân ngồi tay. Không đi cày đi cuốc, không gánh phân tát nước thì ông cũng phải bày vẽ ra công việc gì để mà làm: đan rổ, đan rá hay chữa cái chuồng gà, cạp lại tấm liếp.

Từ ngày tản cư lên đây, suốt ngày mấy bố con nhong nhong ngồi ăn, tối đến lại ngồi nghe những tiếng rì rầm tính toán ấy, ruột gan ông cứ nóng lên như lửa đốt. Ông phải đi chơi cho khuây khỏa.

Lần nào cũng như lần nào, cứ vừa nhô đầu qua cái mái lá bên gian bác Thứ là ông lão hỏi ngay :

- Thế nào, hôm nay có gì khác không bác?

Không đợi trả lời, ông lão nói luôn :

- Nay Đắcgiăngliơ nó lại mới về Pháp đấy nhé. Hừ, chơi vào. Còn là đi đi về về.

Hoặc :

- Báo Cứu Quốc hôm nay nghe sướng quá. Cụ Hồ đối đáp với các nhà báo ngoại quốc đầu vào đấy. Cứng rắn mà lại mềm mỏng lắm. Cụ bảo rằng thì là dân ta chỉ muốn Độc lập Thống nhất thôi, không thì dân ta đánh đến cùng. Thật đấy, chuyện này không được Độc lập thì chết cả chứ sống làm gì cho nhục. Mà có khi nào mình lại không Thống nhất, Độc lập được hả bác?

Rồi ông nói đến chuyện tản cư, chuyện Tây khùng bố, chuyện Việt gian, chuyện thổ phi... những chuyện ông lượm được hồi trước, ở ngoài điểm. Cả chuyện chính trị, quân sự nữa? Ta bố trí nó thế này, ta bố trí nó thế kia. Ta chính trị nó thế này, ta chính trị nó thế khác. Rất trơn tru, rất thành thạo mà chẳng đầu vào đầu cả.

Ông lão kéo dài một bên ria mép ra, tùm tùm :

- Cũng là học lỏm cả đấy thôi bác ạ... Chả là tôi cũng là phụ lão cứu quốc mà.

Và cuối cùng, khi câu chuyện tin tức hằng ngày đã nhạt rồi, thì ông xoay đến chuyện cái làng của ông.

Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển, hoạt động. Ông khoe làng ông có cái phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằng ngọn tre, chiều chiều loa gọi cả làng đều nghe thấy. Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh. Đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa, trời gió tha hồ đi khắp đầu làng, cuối

xóm bùn không dính đến gót chân. Tháng năm ngày mười phơi rom, phơi thóc thì tốt thượng hạng, không có lấy một hạt thóc đất.

Ông Hai vẫn có tính khoe làng như thế xưa nay. Hồi còn đế quốc Pháp, mỗi bận đi đâu xa, khoe làng ông chỉ khoe cái sinh phần của viên Tổng đốc làng ông. Ông có vẻ hãnh diện cho làng có được cái sinh phần ấy lắm: “Chết! Chết; tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi. Có lắm lắm là của. Vườn hoa cây cảnh nom như động ấy. Thấy bảo còn hơn cái lăng cụ thiếu Hà Đông nhiều cơ mà”.

Mỗi bận có khách bên họ ngoại ở dưới tỉnh Nam lên chơi, thế nào ông lão cũng phải dắt ra xem lăng cho kỳ được. Ông mê man giảng giải cho họ: Cái tượng đá này là ông Hoàng Thạch Công đánh rơi giấy. Những người bằng sứ kia là bát tiên quá hải. Cái ông đắp bằng xi-măng lù lù ở giữa hồ bát giác kia là là... lấy kiêu tận xa lắm, đâu như tận bên chùa Đế Thích. Còn như cái cọc sắt nhọn hoắt cắm vào cái bầu rượu có đắp bốn con dơi quét vôi vàng mãi tít trên ngọn sinh phần kia là máy thu lôi. Khiếp lắm! Sấm sét là thu tất cả vào trong ấy.

- Chả nguyên là “Cụ tôi” phòng sau này nằm xuống bất hạnh sét có đánh phải cũng không việc gì mà. Xem! Trí lực của người ta có khiếp không?

Ông lão vừa nói vừa chăm chăm nhìn vào cái bộ mặt lì sì của người bà con họ bên ngoại dẫn ra vì kinh ngạc ấy mà ông lão hả hê cả lòng. Ông thấy cái lãng ấy một phần như có ông.

Nhưng từ ngày khởi nghĩa thì người ta không còn thấy ông đả động gì đến cái lãng ấy nữa. Ông đã bảo ông thù nó cơ mà. Cái lãng ấy nó làm khổ ông, nó còn làm khổ bao nhiêu người làng này nữa. Xây cái lãng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. Có người ốm, có người chết, có người làm mấy tháng trời không được một đồng công nào. Cái chân ông đi khắp khiêng bây giờ cũng vì cái lãng ấy. Ông bị một chồng gạch đổ vào bại một bên hông.

Bây giờ khoe làng, ông lão lại khoe khác. Ông khoe những ngày khởi nghĩa rồn rập ở làng, mà ông gia nhập phong trào từ hồi kỳ còn bóng tối. Những buổi tập quân sự. Cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy

đi tập một hai. Mỗi lần hô động tác, anh huấn luyện viên lại phải đệm tiếng ạ... thườn thượt đằng sau: “Nghiêm ạ!... Nghỉ ạ... Vác súng lên vai ạ!...”

Nhất là những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông thì làm công trình không để đâu hết. Ông lão kể rành rọt từng cái một. Cái thì đắp ở đầu xóm ba khu, cái thì xây ở Ngõ Mái, cái thì xẻ thông từ đầu phố trên đến tận đầu phố dưới. Cửa mạch nhà nào cũng đục, có thể đi suốt làng không phải ra đến đường cái.

Cũng có khi ông lão lại ngậm ngùi kể lại những chuyện ngày xưa ngày xưa nào không biết, ông bị bọn hương lý trong làng truất ngôi từ ngoại siêu dạt đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lần mò vào đến tận Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán.

Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bẹn trên chiếc chõng tre nhà bác Thư mà nói liên miên hết cái đường xóm kia tốt, cái giếng xóm kia trong với những chuyện đầu chuyện đầu về cái làng của ông lão, làm như bác Thứ cũng quen biết và bận tâm đến

những thứ ấy lắm.

Thực ra ông lão chỉ nói cho sướng miệng và đỡ nhớ cái làng của ông chứ ông cũng chẳng chú ý gì đến người nghe có thích nghe lắm không. Đôi khi thấy mình mãi nói quá, mà bác Thứ thì hình như lơ đãng những đâu đâu. Ông lão lại nhắc :

- Cậu vẫn nghe đấy chứ?

Thì bác Thứ giật mình, trả lời vội vàng :

- Có! Có! Tôi vẫn nghe đây, ông kể nốt đi...

Thế thì ông lão lại kể.

Nhưng cũng có nhiều bận đang ngồi nói mãi mê như vậy bỗng dưng ông ngắc lại, mặt ông thán ra, ông nghĩ ngợi một lúc lâu rồi thủ thỉ :

- Chuyến này bước chân ra đi... năm năm, ba năm hay mười lăm năm, không biết còn về được đến làng đến nước nữa không đây.

Ông lão im lặng thở dài :

- Nó chết một cái nhà tôi neo người quá, phải đi, chứ những như một mình tôi, thì tôi ở lại làng với anh em cơ đấy. Quê cha đất tổ một lúc đứt ruột bỏ đi làm gì mà không đau xót hả bác?...

Thực tình ông Hai không muốn tản cư lên trên này một tí nào. Trong làng còn một số anh em ở lại, họ quây quần với nhau khoảng chừng năm, sáu nóc nhà giữa làng. Ngày ngày cùng anh em đi đào đường đắp ụ, công việc bề bộn, ông chẳng còn kịp nghĩ gì đến vợ con, nhà cửa nữa. Năm bảy lần bà Hai nhắc về thúc phải lên ngay, ông chỉ nhăn mặt kêu: “Công việc đang như lửa đốt đầu thế này đã lên thế nào được”.

Hôm bà Hai về đón, ông lão lại toan không đi. Ông nghĩ: Mình sinh sống ở cái làng này từ tấm bé đến giờ. Ông cha cụ kỵ mình xưa kia cũng sinh sống ở cái làng này đã từ bao nhiêu đời nay rồi. Bây giờ gặp phải cái lúc hữu sự như thế này mình lại đâm đầu bỏ đi còn ra thế nào nữa. Công việc là công việc chung chứ của riêng mình ai?

Ông lão bảo vợ :

- Tôi thì tôi không đi được đâu. Mẹ con mày trên ấy liệu bảo nhau xoay xỏa mà làm ăn. Ở nhà rồi tôi cũng cõ cày cấy, thêm thắt vào tôi gửi lên cho, tản cư thì cũng phải thiếu thốn một tí chứ, lại như ngày trước thì có đâu.

Nhưng bà Hai khóc lóc, bà năn nỉ bắt ông phải đi, bà bảo :

- Thế ông định bỏ mẹ con tôi chết đói à? Ông phải lên trông nom chúng nó cho tôi còn xoay xỏa chứ.

Rồi bà khẩn khoản nói với mọi người, khẩn khoản nói với đồng chí thôn đội trưởng, mọi người đồng ý, để ông Hai đi. Ông Hai đành phải nghe theo. Ông buồn khổ lắm, nhưng cũng không biết làm thế nào. Tình cảnh mẹ con chúng nó quả có gieo neo thật. Một nách ba đứa con đại, vốn liếng lại chẳng có, cứ nhong nhóng ôm con ở nhà thì lấy gì mà ăn? Nhà có người đàn ông nó như nhà có nóc ấy. Ông lên rồi làm thuê làm mướn thêm cặp vào cũng đỡ cực được ít nhiều.

“Thôi thì chẳng ở lại cùng anh em được, thì tản cư âu cũng là kháng chiến”.

... Những ngày đầu ở trên này công việc không có, trong người ông lúc nào cũng bức bối. Ông ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lầm lìm. Xin được miếng đất sau nhà, ông hăm hụi cuốc xới suốt ngày, vừa được mấy luống rau cải, bèn chân thì đàn gà nhà chủ kéo ra vật trọi tiết. Ông lão cáu lắm. Không thể cáu được với ai ông quay ra cáu với vợ con. Hơi một tí là gắt, hơi một tí là chửi, lắm khi chuyện chẳng đâu vào đâu, ông cũng khởi ra to để gây sự. “Chúng mày làm khổ ông! Chúng mày làm khổ ông vừa vừa chứ! Ông giết, ông thì ông giết hết!”

Mỗi lần ông lão bước chân ra khỏi cái gian nhà tối thấp, bẽ bộn những bồ, bị, nôi niêu, và những dây quần áo ẩm sì, là mặt ông lão nhẹ nhõm, tươi tỉnh hẳn lên. Sao mà ông lão sợ cái gian nhà ấy thế! Nhất là những buổi trưa im vắng, oi ả, có tiếng mụ chủ nhà nói nheo nhéo ở bên ngoài, thì ông lão không sao chịu được. Ông lão phải đi cho nó khuất.

Ông Hai chưa thấy người đàn bà nào lại tham lam, tinh quái như mẹ ta. Người thì gầy đét như thanh củi khô. Cái miệng mỏng tèo tèo, nói cứ liên đi, mà chúa thần là gian. Không vào nhà thì thôi, động vào là nhòm. Mẹ nhòm xó này một tí, nhòm xó kia một tí, rồi lục. Mẹ giờ lọ tương lên ngắm rồi đặt xuống, mẹ mở thạp gạo ra xem, lại đập vào, lục bỏm moi chiếc áo ra uớu thử vào người, rồi ném trả. Hình như trong ý mẹ, mẹ nghĩ: Chúng mày ở nhà tao, thì những thứ của chúng mày cũng như của tao. Đồ ăn thức đựng của mẹ, mẹ cất kỹ đi. Con dao, cái chậu, bó củi của người ta mẹ dùng tự nhiên, hờ đi cất mẹ lại lôi ra. Không tìm thấy thì mẹ nói móc, nói máy như chính mẹ bị người ta hà hiếp. Đến cả cái ăn, cái uống mẹ cũng giây phần vào. Có cái nồi nước giải mua để tặng gia một tí, mẹ cũng lấy hết.

Trong nhà động có thứ gì mẹ đã biết rồi. Không một hôm nào bà Hai ở quán về mẹ không sấn đến vạch túi ra xem.

- Ái chà! Nhà này có mớ cá ngon gớm, chiều tớ phải xin một bát mới được.

Thế là đến chiều mẹ sai con bưng bát đến xin. Mẹ đẩy lưng thẳng bé :

- Con cứ xuống mà xin, tội gì.

Có cái gì ăn, giấu mà mẹ biết thì mẹ đánh hơi. Mẹ đứng giữa nhà, hếch cái mũi lên hít hít :

- Có cái gì mà thơm gói, y như mùi bánh rán ấy anh em ạ. Mẹ kiếp nhà này nó giấu.

Cứ lâu lâu, mẹ lại vay tiền. Lúc mua trâu vò, lúc mua diêm thuốc, mớ rau, con cá... Có đòi thì mẹ thùng thảng :

- Tớ trừ vào tiền thuê nhà đấy.

Mẹ cười rất nhạt :

- Nói đùa đấy chứ, mai tớ cuộc mẽ sẵn tớ bán tớ khắc trả.

Và mẹ tiếp luôn :

- Đây, nói thì bảo là tham, cái nhà ông Hai này, với

bác Thứ bên kia ở, thật tở đêch được cái gì, ở xóm dưới, cánh hàng xáo họ ở, họ nuôi lợn được vô khối là “khuẩn”. Nói thật, tở cho ở nhờ chỉ chủ có mỗi cái “khuẩn” thôi...

Ngay từ dạo mới lên, ông Hai đã bực mình với mẹ ấy lắm rồi. Nghe xóm giềng ở đây người ta nói, ông biết mẹ không phải là người đứng đắn. Mẹ lấy người chồng này là đời chồng thứ ba rồi; hai người trước, người thì người ta bỏ mẹ, người thì mẹ bỏ người ta. Tính nết lành chanh lành chói, chỉ bắt nạt chồng. Người chồng thì lại hiền lành quá, cả ngày cặm cùi làm. Vợ nói, có tức lắm thì cũng chỉ đỏ mặt lên văng tục văng giác mấy câu rồi thôi.

Ông Hai ghét mẹ chủ lắm. Ông không muốn ở chung ở chạ với những người như thế. Năm lần bảy lượt ông bảo vợ dọn nhà đi nơi khác. Nhưng bà Hai cứ lẩn chần. Bà bảo :

- Biết rằng đâu hơn đâu, hay là lại quá tội. Trong làng ngoài phố nhà nào cũng ba bốn bếp tản cư cả. Có được chỗ chui ra chui vào thế này là may lắm rồi còn gì nữa.

Ông lão đành phải dúi dẳng chờ vậy.

Buổi trưa hôm ấy ông Hai ở nhà một mình. Con bé lớn gánh hàng cho mẹ ra quán chưa thấy về. Hai đứa bé thì ông cất chúng nó ra vườn trồng mấy luống rau mới cấy lại chẳng gà vặt hết.

Ông Hai hí hục vờ một vạt đất rậm, ngoài bờ suối từ sáng đến giờ, ông tính để trồng thêm vài trăm gốc sắn ăn vào những tháng đói sang năm. Có một mình, ông phải làm cỏ, hai vai ông mỏi rù. Ông nằm vạt trên giường vát tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng, cũng đào, cuốc, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc là còn khurót lăm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

Bên ngoài, ánh nắng rọi xuống mặt sân sáng lóa, có mấy tiếng gà trưa cất lên eo éo. Gian nhà càng như lịm đi, mờ mờ hơi đất. Giờ này là mục chủ sắp đi làm đồng về đây. Ông lại sắp phải nằm trong này mà nghe mục chủ con mắng cái, kêu vại nước chóng cạn, cái bếp bừa bộn neho neho lên đây.

Tám liếp che cửa bỗng kêu lạch xạch, gian nhà sáng bừng lên. Ông Hai giật mình, ngóc đầu nhìn ra. Đứa con gái lớn gồng đôi thúng không vào được.

Ông cất tiếng hỏi :

- Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế này?

Không để đứa con kịp trả lời, ông lão nhồm dậy vớ lấy cái nón :

- Ở nhà trông em nhá! Đừng có đi đâu đấy.

Ông lão giơ tay chỉ lên nhà trên :

- Nó thì rút ruột ra biết chưa!

Dứt lời ông bước vội ra ngoài. Trời xanh lồng lộng, có những tảng mây sáng chói, lờ lờ. Đường vắng hắt người qua lại. Họ rạt cả vào các khoảng bóng cây tránh nắng. Một vài tiếng động nhẹ khẽ gợn lên, oi ả.

Ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng, cái đầu cung cúc lao về phía trước. Hai tay vung vẩy, nhấp nhồm. Gặp ai quen ông lão cũng nín lại, cười cười :

- Nắng này là bỏ mẹ chúng nó!

Có người bỡ ngỡ hỏi lại: “Chúng nó nào?” Thì ông lão bật cười, giơ tay trở về phía tiếng sủng :

- Tây ấy chứ còn chúng nó nào nữa. Ngồi trong vị trí giờ bằng ngồi tù.

Dứt lời, ông lão lại đi, làm như đang bận nhiều công việc lắm. Cũng như mọi hôm, việc đầu tiên là ông vào phòng thông tin nghe đọc báo. Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe

lỏm. Điều này ông khổ tâm hết sức. Ông cũng đã có học được một khóa bình dân học vụ ở làng, cũng đã biết đọc, biết viết. Những chữ in khó nhận mặt chữ, ông đọc nó cứ bập bõm, câu được, câu chẳng, mà chả lẽ cứ nghech mãi cổ lên giữ chặt lấy tờ báo không cho người khác xem nữa? Ông ghét thậm những anh cậy ta đây lắm chữ, đọc báo lại cứ đọc thầm một mình, không đọc ra thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy.

Hôm nay may quá, vớ được một anh dân quân đọc rất to, đồng dục, rành rọt từng tiếng một. Cơ chừng anh ta cũng mới học, đánh vần được chữ nào anh ta đọc luôn chữ ấy. Ông lão nghe chẳng sót một câu nào. Bao nhiêu là tin hay. Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kỳ lên tháp Rùa. “Đấy, cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa?” Một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng. Đội nữ du kích Trưng Trắc giả làm người đi mua hàng đã bắt sống một tên quan hai bớt Thao ngay giữa chợ.

“Khiếp thật, tinh những người tài giỏi cả”. Lại còn bao nhiêu tin đột kích nữa, chỗ này giết được năm Pháp với hai Việt gian; chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe díp. “Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng ống cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, tích tiểu thành đại làm gì mà rồi thằng Tây không bước sớm”. Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!

Ông lão náo nức bước ra khỏi phòng thông tin, rẽ vào quán dặn vợ mấy việc cần rồi đi thẳng ra lối huyện cũ. Ở đây những tốp người tản cư mới ở dưới xuôi lên đứng ngòai lố nhố cả dưới mấy gốc đa xù xì, cành lá rườm rà ken vào nhau, rải xuống mặt đường và bãi cỏ một vùng bóng mát rộng. Ông lão ngòai vào một cái quán gần đấy. Hút một điếu thuốc lòn, uống một hụm chè tươi nóng, ông chóp chép cái miệng ngẫm nghĩ: bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc. Tiếng thở, tiếng trẻ con khóc, cùng với tiếng cười nói của cánh đi phá đường về râm ràn một góc đường. Dưới chân đồi, những thửa ruộng lúa xanh mượt, uốn quanh co dưới trời nắng, lấp

**loáng như một khúc sông. Có mấy bóng cò trắng bay
đật dờ...**

- Các ông các bà ở đâu ta lên đây ạ?

**Ông Hai đặt bát nước xuống chống hỏi. Một
người đàn bà mau miệng trả lời :**

**- Thưa ông chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ. Đi
bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá!**

**- Ở Gia Lâm lên ạ? Lúa má dưới ta thế nào, liệu
có cấy được không bác?**

**- Chả cấy thì lấy gì mà ăn. Cấy tất ông ạ. Chân
ruộng dưới chúng cháu còn tốt hơn trên này nhiều.**

- Thì vườn. Lúa dưới ta tốt nhiều chứ.

**Ông lão rít một hơi thuốc lào nữa, gật gù cái đầu:
“Hừ, đánh nhau cứ đánh nhau, cấy cấy cứ cấy cấy,
tản cư cứ tản cư... Hay đáo để”.**

- Nay, bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở

đâu mà nghe rất thể không?

Một người đàn bà cho con bú mé bên kia nói xen vào :

- Nó rút ở Bắc Ninh về qua chợ Dầu nó khùng bố ông ạ.

Ông Hai quay phắt lại lắp bắp hỏi :

- Nó... Nó vào chợ làng Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng?

Người đàn bà ẵm con cong môi lên đồng đánh :

- Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây còn giết gì nữa!

Cổ ông lão nghẹn ắng cả lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặng ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi :

- Liệu có thật không hả bác? Hay là chỉ lại...

- Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Viêt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Tây vào làng chúng nó bảo nhau vác cờ thần ra hoan hô. Thằng chánh Bệu thì khuân cả tủ chè đỉnh đồng, vải vóc, lên xe cam nhông, đưa vợ con lên vị trí với giặc ở ngoài tỉnh mà lại.

Có người hỏi :

- Sao bảo làng chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?...

- Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to :

- Hà, nắng گرم! Về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên ấy vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú :

- Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp

ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mộ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân nước mắt ông lão cứ dàn ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên :

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chẳng nhữ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn những người có tinh thần cả

mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!...

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người mỗi phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...

Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác. Bà bước từng bước uể oải, cái mặt cúi xuống bần thần. Đôi quang thúng thông thẹo trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng vào một xó, rồi lẳng lẳng ra bậc cửa ngồi ôm má nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đứa nào dám đòi quà. Trong nhà có cái im lặng thật là khó chịu, không ai dám cất

**tiếng lên nói, cả đến nhìn nhau họ cũng không dám
nhìn nhau nữa.**

**Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà
lẳng lặng xuống bếp châm lửa ngồi tính tiền hàng.
Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đồ, tiền kẹo...
Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.**

- Này, thầy nó ạ.

Ông Hai nằm rũ ra ở trên giường không nói gì.

- Thầy nó ngủ rồi à?

- Gì!

Ông lão khẽ nhúc nhích.

-Tôi thấy người ta đồn...

Ông lão gắt lên :

- Biết rồi!

Bà Hai nín bật. Gian nhà lặng đi, hiu hắt. Ánh

lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà.

- Thế nhưng người ta đồn trên này người ta không chứa những người chợ Dầu nữa thầy nó ạ.

Nghe ngóng một chút, không thấy chồng trả lời, bà lão lại cúi xuống làm bầm tính. Nét mặt bà lặng đi, chịu đựng và nhẫn nhục.

Bên gian bác Thứ đã ngủ từ lâu, chung quanh đều im lặng... Một vài tiếng chó nhúc nhắc sữa phía xa, và có tiếng trẻ khóc vắng vắng trong tiếng gió.

Ông Hai vẫn trần trọc không sao ngủ được. Ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lặng hẩn đi, chân tay nhún ra, tưởng chừng như không cất lên được... Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mẹ chủ...

Mụ nói cái gì vậy? Mụ nói cái gì mà lào xào thế?

Trống ngực ông lão đập thành thịch. Ông lão nín thở, lắng tai nghe bên ngoài...

Bà Hai bỗng lại cất tiếng :

- Thầy nó ngủ rồi ư? Dậy tôi bảo cái này đã.

Ông Hai bật ngóc đầu dậy, giơ tay trở lên nhà trên, ông hít hai hàm răng lại mà nghiêng :

- Im! Khổ lắm! Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bây giờ.

Ông lão lại ngả mình nằm xuống, không nhúc nhích.

Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bác Thứ ông cũng không dám sang.

Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. Ông ngóng xem binh tình bên ngoài ra sao? Một đám đông túm lại ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa ông

cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!

Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê rợn hơn cả những tiếng kia nhiều. Ấy là mẹ chủ nhà. Từ ngày xảy ra chuyện ấy, hình như mẹ ta lấy điều làm cho vợ chồng ông khổ ngấm khổ ngấm là mẹ thích.

Sáng chiều bốn buổi đi làm đồng về, mẹ kéo lê cái nạo cỏ quèn quẹt dưới đất, qua cửa, mẹ nhòm vào nói những câu bóng gió xa xôi, như khĩa vào thịt ông lão. Thôi thì bây giờ thế nào mà chả phải chịu. Có được chỗ chui ra chui vào là may lắm rồi. Mỗi lần mẹ nói, ông lão chỉ cười gượng làm như không biết chuyện gì.

Ông thì ông muốn lặng đi như thế, nhưng mẹ chủ nhà có để cho ông yên đâu.

Sáng hôm nay lúc bà Hai sắp sửa quang gánh ra hàng thì mẹ chủ nhà không biết đi đâu về, mẹ đứng dặng háng ở ngoài sân nói chỗ vào :

- Bà lão chưa đi hàng cơ à? Muộn mấy?...

- Chưa bà ạ. Mời bà vào chơi trong này.

- Vâng bà để mặc em... A bà Hai này!...

Mẹ chạy sát vào bọc cửa, thân mật :

- Trên này họ đồn giảng giảng ra rằng thì là làng dưới nhà ta đi Việt gian theo Tây đấy, ông bà đã biết chưa nhỉ?... Nghe nói, bảo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này không cho ở nữa.

Mẹ chủ chép miệng, giọng ngọt xót :

- Em cứ khó nghĩ quá... Ông bà cũng là người làm ăn tử tế cả. Nhưng mà có lệnh biết làm thế nào. đành nhẽ là ông bà kiếm chỗ khác vậy... Đây, ở với nhau đang vui vẻ, ông bà dọn đi, em lại cứ nhớ đáo để đấy nhớ.

Bà Hai cúi mặt xuống rân rân nước mắt, bà nói :

- Vâng... thôi thì dân làng đã chẳng ở nữa, chúng tôi cũng đành phải đi nơi khác chứ biết làm thế nào. Nhưng xin ông bà trên ấy nghĩ lại thư thư cho vợ chồng chúng tôi vài ba hôm nữa. Bây giờ bảo đi, vợ chồng chúng tôi cũng không biết là đi đâu...

Mụ chủ đi rồi, bà Hai và con bé lớn nước mắt ròn ròn, lẳng lẳng gánh hàng ra quán. Vợ chồng cũng chẳng dám nói với nhau câu gì.

Ông Hai ngồi lặng trên một góc giường. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn, nổi tiếp bời bời trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ? Biết đâu người ta chứa bố con ông mà đi bây giờ?...

Thật là tuyệt đường sinh sống! Mà không một gì cái đất Thăng này. Ở Đài, ở Nhã Nam, ở Bồ Hạ, Cao Thượng... đâu đâu có người chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dầu vì chính sách Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu.

“Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây...” cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.

Hay là quay về làng?...

Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay, về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ...

Nước mắt ông giàn ra, về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. Ông lão nghĩ ngay đến mấy thằng kỳ lý chuyên môn khoa khoét ngày trước lại ra vào hống hách ở trong cái đình. Và cái đình lại như cửa riêng chúng nó, lại thâm nghiêm ghê gớm, chứa toàn những sự ức hiếp, đè nén. Ngày ngày chúng dong ra, dong vào, đánh tổ tôm mà bàn tư việc làng với nhau ở trong ấy. Những hạng khổ rách áo ôm như ông có đi qua cũng chỉ dám liếc trộm vào, rồi cắm đầu xuống mà lủi đi. Anh nào ho he, hóc hách một tí thì chúng tìm hết cách để hại, cật phần ruộng, truất ngôi, trừ ngoại, tống ra khỏi làng...

Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, làm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à?

Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.

Ông lão ôm thẳng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi :

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé. Con là con nhà ai?

- Là con thầy mấy lị con u.

- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng chợ Dầu.

- Thế con có thích về làng chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ :

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi :

- A, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt :

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ :

- Ủ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại mình oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ

**dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.
Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong
lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.**

**Khoảng ba giờ chiều hôm ấy, có một người đàn
ông đến chơi nhà ông Hai. Hẳn cũng là người làng
chợ Dầu. Hai người thì thăm ở góc nhà một lúc lâu
rồi thấy ông Hai đóng khăn áo chỉnh tề tất tả theo
hắn. Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà.**

**Ông Hai đi mãi đến sẩm tối mới về. Cái mặt
buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên.
Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ,
hấp háy... Vừa đến ngõ ông lão đã lên tiếng :**

- Chúng mày đâu rồi, ra thầy chia quà cho nào.

**Lũ trẻ ở trong nhà ủa ra, ông lão rút vội cái gói
bọc lá chuối khô cho con bé lớn :**

**- Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một
cái.**

Dứt lời ông lão lật đật đi thẳng sang bên gian bác

Thứ.

Chưa đến bậc cửa, ông lão đã bô bô :

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác Thứ ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... Cải chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.

Bác Thứ chưa nghe thử câu chuyện ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên.

- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông Chủ tịch làng em vừa lên cải chính... Cải chính cái tin làng chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác. Còn phải để cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai cũng mừng cho ông lão.

Đến cả mẹ chủ nhà là người ông lão yên trí, nghe tin này thế nào mặt mẹ cũng sa sầm xuống mà nói tức nói xóc, thì trái lại, mẹ lại tỏ vẻ rất sung sướng.

Mẹ giương tròn cả hai mắt lên mà reo :

- A, thế chứ! Thế mà tớ cứ tưởng dưới nhà đi Việt gian thật, tớ ghét ghê ấy... Thôi, bây giờ thì ông bà lại cứ ở tự nhiên ai bảo sao. Ăn hết nhiều chứ ở hết bao nhiêu.

Mẹ cười khi khí :

- Này, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đấy!...

Ông Hai gật gật :

- Được, được, chuyện này rồi phải nuôi chứ...

Tối hôm ấy ông Hai lại sang bên gian bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông.

Ông kể lại hôm Tây vào khủng bố. Chúng nó có

**bao thẳng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi
những đường nào, đốt phá những đâu đâu, và dân
quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao, rành rọt
tỉ mỉ như chính ông lão vừa dự trận đánh giặc ấy
xong thật...**

TUYỂN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Con Mã Mái:

ảnh sân đất nhỏ hẹp chạy dài trước ba gian nhà tranh lụp xụp. Bề ngang không đầy hai thước; bề dài chỉ đến tám bước chân là quá. Vậy mà Cả Chuẩn cũng cố bày biện cho nó ra vẻ một cái vườn cảnh. Giàn thiên lý, chính giữa, thấp lè tè, cành lá xum xuê che chiếc bể cạn thả cá vàng và bốn chậu lan đặt trên đôn sứ cũ kỹ, sứ mẻ: hai chậu bạch ngọc và hai chậu nhất điểm. Trong bể, kê một hòn non bộ sần sùi gân guốc; cỏ tóc tiên mọc um tùm giữ một vẻ hoang vu bí mật đối với bọn người sành bé nhỏ, đặt theo điển tích. Nào chùa, tháp, cầu, quán chêngh vênh hiem trở; nào ngư, tiều, canh, độc; nào cầm, kỳ, thi, tửu; nào Bá Nha ngộ Tử Kỳ; nào Sào Phủ tẩy nhĩ... Tất cả ngụ một vẻ an nhàn thư thái, gác đường danh lợi ra ngoài như thời Nghiêu Thuấn. Che tất cả hòn non bộ là một cái tán si. Gốc si xù xì, thân uốn éo theo một kiểu nhất định.

Mỗi lần có khách lạ, ông Cả không quên giảng giải kỹ lưỡng về chiếc bể này :

- Có người trả năm chục bạc rồi, tôi không bán đấy nhé. Những người sành này tôi gửi mua tận chợ Đồng Xuân ngoài Hà Nội, toàn sứ tàu cả; lại còn cây si này nữa. Ông thử để ý ngắm kỹ mà xem: kiểu long cuốn thủy đấy!... Này nhé, cái gốc là cái đầu vực xuống uống nước này. Hai vầu này là hai con mắt này. Cái thân uốn éo như hình con rồng cuộn khúc này. Cái tán ở trên xòe là cái đuôi này. Còn cây nhỏ dưới gốc là cây tử này. Chơi cây phải có mẫu, có tử mới không sai ông ạ.

Cả Chuẩn khoe khoang hòn non bộ cũng như ông vẫn thường khoe hai cây cau lợn cọt trồng hai bên vại sói trắng. Mấy khóm lan, hai chậu bạch trà hay bất cứ một thứ gì trong sân cảnh đều mang một lịch sử cầu kỳ, khó khăn.

Khi người ta là một nhà nho - mặc dầu không hay chữ - nhất là là nhà nho kiết nữa, thì càng sành chơi cái thú thanh tao này. Cả Chuẩn cũng vậy. Ông chơi cây cảnh chẳng qua để đôi lúc rượu say, tức đòi đem câu

“đanh lợi bất như nhàn” hay “bần thanh còn hơn phú trọc” ra mà an ủi mình và để lên mặt khinh đời, nghĩa là khinh mấy bác giàu có trong làng, mà ông cha là những hạng người keo bẩn, thô tục, không bao giờ hiểu biết được cái thú nhàn nhã như ông. Ông thường dè bủ :

- Hừ! Sống ở trên đời mà bo bo đồng tiền, chẳng biết ăn chơi là cái gì, chết thì cũng hai tay buông xuôi, dễ mang được của đi chắc!

Rồi ông cất giọng sang sảng ngâm:

Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp,

Trong thú yên hà mặc tỉnh say.

Chính ra, Cả Chuân cũng không tha thiết gì với cái vườn cảnh cho lắm. Sở dĩ có nó, chẳng qua vì ông rỗi rãi quá và cũng vì những lẽ trên kia. Thật tâm, ông chỉ thích gà chọi thôi.

Trong cái vườn cảnh bề bộn, nhỏ hẹp ấy, ông cố chen thêm vào một chuồng gà và hai chiếc bu thừa, cao lớn lênh khênh coi rất chướng mắt.

Cả Chuẩn mê thích gà chọi lắm. Suốt ngày chỉ lẫn lóc với gà. Ngay từ tờ mờ sáng, chưa dậy được, nằm trên giường, ông đã để ý nghe xem hôm nay con Chuối gáy mấy tiếng, con Bạch Nhạn gáy mấy tiếng. Có được mạnh mẽ không? Ông mê đến nỗi chẳng thiết làm ăn gì cả. Chỉ khổ bà Cả và cô Tường. Hai mẹ con đầu tắt mặt tối, ngược xuôi, tần tảo lấy tiền về nuôi gia đình. Thằng cu Trám lớn rồi vẫn không được đi học. Phải ở nhà hầu hạ bố, nói là hầu hạ gà mới đúng. Lúc nào nó cũng la cà ở ngoài bờ ruộng bắt nhái, hoặc cào cào, châu chấu đem về cho gà ăn. Thằng bé đầy nắng đen sạm hẳn đi.

Ông Cả để cu Trám sống theo vết cũ của mình. Cũng như phần đông trai làng: lớn lên lấy vợ, rồi nhờ vợ sống một cuộc đời ỷ lại vô lo vô lự. Nếu nhờ trời khăm khá có đồng ra đồng vào một chút, ra hương chính, cai đám; hơn nữa, lý, phó tổng chưa biết chừng. Thế là danh phận chán rồi.

Hiện giờ, trong nhà có hai con gà đá được. Cả Chuẩn vẫn chưa vừa ý con nào. Cái Chuối chân vàng “chịu buộc bắt tâng” [1]. Dầu hay, mau đòn, nhưng phải cái đá nhẹ. Cái Bạch Nhạn “Cần lập trụ” [2] đòn nặng, gan lì,

thì lại chậm chạp; mặt bành xe, dài dần lăm.

Cho nên Cả Chuẩn vẫn để ý tìm tòi một tông gà hay nuôi cho bồ công vằn vố. Ông thường phàn nàn :

- Nuôi được con gà đi đám, công phu lắm, chứ có phải dễ đâu. Hạng táp nham thì vô thiên lủng ra đấy. Nhưng không bồ.

Một bận, ông sang Tư Méo bên Bính Hạ chơi. Gớm! Ông cứ mê lên về gà của hắn. Ông thuật lại với anh em bằng một giọng vô cùng thèm muốn :

- Chết! Chết! Chơi như người ta mới là chơi, chứ như mình ấy à! Một tay lão ta nuôi hai mươi năm con gà, ở trong một cái trại bát ngát. Mà con nào cũng như công như phượng ấy!

Cả Chuẩn còn sang bên Tư Méo bốn năm bận nữa. Ông mày mò muốn mua một con gà mái. Cho rằng: “Chó giống cha, gà giống mẹ”. Gà mẹ có hay, gà con mới đá được. Tư Méo có cái Mái Ô sô mặt tông siếc, ông mê thích quá: “Chân tay mặt mỏ ấy, nó đá như vũ

như bảo chứ chẳng không”.

Nhưng khản khoản thế nào, Tư Méo vẫn không bán, mà hỏi mượn về “đúc” một lứa, hấn cũng không cho. Càng thế, Cả Chuẩn càng mê mẩn con mái xồm. Ông nhất quyết phải chiếm cho kỳ được mới yên lòng, nhưng vẫn băn khoăn chưa tìm ra cách nào.

Một buổi tối, người hàng xóm ông mất gà. Mụ xắn váy quá đầu gối, dạo khắp ngõ trong, ngõ ngoài, quai xanh vành mỏ ra sa sả rửa đũa nào đã chấp chiếm con gà mái của mụ.

Nghe vậy, Cả Chuẩn bỗng nảy ra một ý kiến. Ông mỉm cười gật gù khoan khoái, lấy làm đắc sách lắm. Sáng hôm sau, mặc dầu trời lạnh, ông đã lọ mọ xuống xóm dưới vào nhà Cả Cúi chơi. Đôi bên thì thăm bàn tán với nhau có vẻ bí mật lắm. Lúc ra về, ông còn cặn kẽ dặn đi dặn lại :

- Thế nào anh cũng cố lưu tâm giúp tôi nhé!... Nhớ con gà đen và xồm mặt ấy. Tôi không để anh thiệt đâu.

Cả Cúi gật đầu :

- Được! Được! Con nhớ kỹ rồi, ông cứ yên tâm.

Thỉnh thoảng, Cả Cúi lại lên nhà Cả Chuẩn chơi. Có lần hẳn còn ở lại uống rượu nữa. Ông cũng chẳng nề hà tai tiếng chơi bời với quân câu gà với làng nước nữa.

Nửa tháng sau. Một đêm tối trời. Cả Chuẩn đã đi nằm từ lâu. Ông đang mơ mơ màng màng đến con gà mái của Tư Méo. Chợt có tiếng Cả Cúi gõ cửa rất gấp, giọng nhỏ và có vẻ sợ sệt :

- Ông Cả ơi! Ông Cả! Ông Cả ơi! Ông Cả!

Đoán chắc thế nào cũng có kết quả tốt đẹp, Cả Chuẩn sượng rơn lên. Ông vùng trở dậy, hấp tấp không kịp thấp đèn, bước thấp bước cao ra mở cửa. Ông hồn hên hởi bóng người trước mặt :

- Cúi đây à? Thế nào?

Hắn lách người qua cửa ngõ hé mở, thì thào :

- Được rồi.

Ông Cả vội vã đi thắp đèn, rồi ngồi ngẩn người ra ngắm con gà nghiêng nghé trong ánh sáng vàng kệch, tần ngần chẳng nói chẳng rằng. Cả Cúi sốt ruột cất giọng lẽ nhè đỏi thuốc nhắc :

- Ông cho con xin... con về chẳng khuya.

Ông Cả giật mình tỉnh mộng :

- À, nhỉ!

Rồi cứ cầm cả gà trên tay đi vào buồng, nâng đầu vợ gọi :

- Này! Này! Đưa mượn tạm năm đồng.

Bà Cả oằn oại, ậm ờ, giọng khô nồng nặc :

- Bây giờ còn lấy tiền làm gì?

Ông phát bần :

- Có việc chứ còn làm gì nữa? Hỏi lần thân mãi!

Bà Cả đành phải đầu dụ. Bao giờ ông gặt, bà cũng phải đầu dụ như thế :

- Ở cái bao trong bồ hàng ấy. Lấy đúng năm đồng thôi nhé.

Trả tiền Cả Cúi, đưa hấn ra về rồi, ông Cả vẫn còn ngồi mê man ngắm gà đến mãi khuya.

Đêm ấy, Cả Chuẩn trần trọc không sao ngủ được. Ông cứ nghĩ luẩn quẩn về con gà mới mua, và tưởng tượng đến bao nhiêu chiến công rực rỡ của đàn con nó sau này, mãi gần sáng, mới chợp đi được một lúc. Trong giấc mơ, ông chập chờn thấy toàn những gà là gà.

Hôm sau, ông đi khắp mặt làng chơi trong làng khoe mình mới mua được con gà mái ô đẹp lắm, của anh bán cúi gánh qua. Và nhân thể ông đặt luôn nó là cái Mái Cúi Tạ.

Con Cúi Tạ đá nặng đòn lắm. Ai xem cũng phải thán phục nó có đôi quặp đẹp. Cả Chuẩn đã cho thử tài đến năm sáu bận. Không con nào chịu nổi nó đến ba hồ. Lần

nào cũng chỉ hai hồ, hai hồ rười đảo về là nó đánh con
địch một đòn cú biệng siêng như người say. Cho đến hết
hồ thứ ba là phải chạy. Duy có con Mái Xám của phó
Tiệm trên phố phủ, gan liền mới chịu được năm hồ, thì
hôm sau ngã gục xuống chuồng lợn chết.

**Độ rầy, con Củ Tạ mới đổi lông, óng ả, mượt mã
và béo tốt ra. Cái mặt đỏ gay lên. Nó dạo hết nhà
trước vườn sau, thần thờ gọi trống: “Coóc!...
Coóc!... Coóc!... Coóc!... Coóc!...”.**

**Cả Chuẩn càng bận khoản lo nghĩ. Từ ngày có
con Củ Tạ, ông vẫn để ý tìm ở vùng này một con gà
hay “đúc” [3] một lứa. Ông đem ý này bàn soạn với
các bạn :**

**- Ở ta bây giờ, tôi xem không có một mái gà nào
gọi là đá được để “rầy” con Mái Củ Tạ, các ông ạ.**

**- Thiếu gì? Cái Tía khuyển ba kỳ của đồ Thảo
thế nào?**

- Cái ấy đá thì có gì, ông bảo! Để cứ ăn ba kỳ là

gà hay chắc? Chả cứ, ông ạ!

Hương Chế biểu đồng tình :

- Phải! Ông Cả nói phải, có cứ gì ăn giải là gà hay đâu. Chả qua là hợp “vở” [4] thì ăn thôi chứ khó gì. Chả hạn như gà mình chui, gặp phải con đấm, cứ mạng sườn nó thúc thì hỏi “ông” chui vào đâu?

Chỉ ba hồ hương là “ông” sẽ cánh buồm xuống, “ông” bước. Nếu biết kháp [5] ra, gặp con đề cần bắt tâng [6] thì ông đã lại tiền bỏ túi.

Con Tĩa khuyển chân sương [7] ông Tư vừa nói, có đòn gì? Tôi chả thấy nó đánh cần cáo bao giờ gọi là có. Độc vị “thông vĩa hai mang” [8], gặp phải con đấm hay, cu cậu đâm ra tháo chái. “Cần chạy vài nhì” [9] lắm khi còn đánh “sà leo” [10] ngã quật mình xuống đất như trời giáng nữa mới chết chứ.

Gà hay vùng này bây giờ tôi chỉ thấy có ba con thôi: Củi Tĩa Nồi của Tư Méo là một. Nó đá thì không phải bàn cãi nữa rồi. Cái Ô Chuốt gan liền tướng quân của lang Mão Đồng Kỵ là hai. Với lại cái

**Bíp Tầm đại [11] của đồ Đán bên Đình Bảng là ba.
Thế thôi đấy. Còn ngoại giả tôi không còn ưng ý một
con nào nữa.**

**Hương chế nói rất chí lý. Cả Chuẩn cũng nhận
thấy thế. Vùng này xem ra chỉ có ba con gà ấy là
xứng đáng rầy [12] cái Mái Cui Tạ thôi. Con Tía Nồi
của Tư Méo thì ông Cả không dám màng đến rồi.
Con Bíp được cái phủ đòn và cũng có cần cáo đấy.
Nhưng ông ghét nó phải cái lớn quá. Chơi gà tầm đại
ra đám khó kén được con “đồng cân đồng lượng” mà
đá.**

**Cả Chuẩn nghĩ chán rồi. Ông nhất định lên Đồng
Kỵ mượn cái Ô Chuốt. Con này tầm trung vừa chơi.
Nó đá nhiều cần cáo lắm; lắm đòn đánh con địch kêu
quang quác, bay vù ra ngoài sới. Khốn nỗi lang Mão
không cho mượn. Cả Chuẩn cố nài nỉ mãi khản
khoản mãi. Nể lời quá, và là chỗ bạn bè thân thiết,
lang Mão đành bàn khéo :**

**- Thật tình tôi không dám tiếc anh em đâu. Ở
nhà tôi cũng đang cho rầy mái! Khó nghĩ quá! Hay là**

**thế này. Ông đem con Củ Tạ để trên này đúc một
thế?**

**Cả Chuẩn không bằng lòng. Ông cười gượng gạo
bàn ra cách khác :**

**- Ủ! Thế cũng được. Nhưng mà... Nhưng mà...
Hay thế này tiện hơn. Mỗi hôm tôi sai cháu nó đem
lên đây. Ông cho cái Ô Chuốc đập một lần, có nhẽ
tiện hơn.**

**- Vâng! Thôi thế cũng được. Chỉ khí vất vả cậu
em một tí.**

**Hôm ấy ra về, Cả Chuẩn nghĩ lung lắm. Ông tự
nhủ: “Cho đem lên như thế này, ngộ nhớ gắp Tư
Méo thì sao”. Trí óc rối ren lên không biết bao nhiêu
là ý định. Ông tìm cách này, cách nọ, chưa bề nào ổn
cả. Không lẽ cho vào lồng rồi phủ giấy ra ngoài? Hay
nhét vào cái bị? Ủ, nhét vào cái bị có nhẽ là tiện.
“Nhưng lang Mảo thấy mình giấu giấu, diêm diêm
như vậy thì có phải lòi cái gian ra không?”.**

Sau cùng, Cả Chuẩn chắc lưỡi quyết định như thế này: “Cứ đem tự nhiên. Nhưng phải đi vòng cánh đồng. Khí xa thực đấy. Nhưng thôi, chịu khó một tí vậy, cho chắc chắn”.

Thế là ngay hôm sau, cơm nước xong, cu Trạm lẹch thệch ôm con gà vòng cánh đồng lên Đồng Kỵ lấy giống. Cứ ròn rã như thế hơn nửa tháng trời, cho đến ngày con Củi Tạ rạo rục tìm ổ mới thôi.

Rồi con Củi Tạ đẻ. Mỗi lần nghe nó “cục ta cục tác” hòa với hai con gà trống kêu inh nhà lên, ông Cả lại sung sướng rộn rã. Có bận, chừng chênh choáng say, ông liếc bà, tủm tỉm nói lỡm :

- Đấy bà mày nghe xem. Có phải con gà mái kêu: “Vừa đau vừa rát! Vừa đau vừa rát!” thì con gà trống ở đâu te tái chạy lại đỡ dành: “Ai cũng thế! Ai cũng thế!” không?

Dứt lời, ông cười ha hả.

Bà Cả nguýt chồng, nguẩy xuống nhà bếp, lảm

bầm :

- Người đầu khổ là người! Vài ba hộp rượu vào là như trẻ con ấy.

Cả Chuẩn cũng chẳng để ý đến lời vợ: ông còn mãi lấy thóc cho gà ăn và đi cất trứng cho cẩn thận. Chẳng nữa chuột tha hoặc rắn nuốt mất. Cái trứng nào ông cũng đánh số nhất, nhì, tam, tứ, thứ tự trước sau.

Thấm thoát, con Cui Tạ đã ấp. Những lúc nó rời ổ đi ăn, uống, Cả Chuẩn lại vào nhòm xem ổ trứng thiếu đủ ra sao. Ông đoán cái nào tròn là nở ra con đực, cái nào dài là nở ra con mái. Và để ý từ màu sắc thay đổi, từ màu hồng hồng đổi dần sang màu xám. Những công việc tỉ mỉ không đâu ấy cũng đủ khiến ông vui thích mà bận rộn suốt ngày.

Ấp được hai mươi hôm thì nở. Hôm ấy, Cả Chuẩn ở luôn bên ổ săn sóc. Mỗi con gà ráo lông, ông lại bắt ra bầm cái mỏ chấu [13] đi. Việc ấy đối với ông quan hệ lắm. Chả thế mà trứng chưa nở

hết, ông phải ngồi chờ quá nửa đêm vẫn chưa đi ngủ.

Bà Cả thương chồng vất vả, mấy lần nhắc nhở :

**- Thì mặc nó có được không? Việc gì mà thức cho
mệt người!**

Ông bực mình, gắt lên :

- Bà thì có biết cái gì nữa mà cũng cứ nói mãi!

**Không chờ bóc vỏ châu về sau này đá độ vài ba hồ đã
tuột mỏ của người ta đi à?**

**Vả lại ông cũng không muốn ngủ, cứ thích ngồi
rù trong chăn bông bên ngọn đèn hút thuốc Lào Vặt
và chú trọng nghe tiếng gà con chiêm chiếp, xao xác
đến vui tai.**

**Lứa gà ấy của Cả Chuẩn chỉ để lại có hai con:
một cái Ô Mã Mái và một cái “nảy nòi” Sám Miến
Hồng. Đôi gà này mỗi con đều có một đặc biệt riêng.
Ngay từ khi hấy còn lông tơ, con Sám Hồng đã bỏ
đàn đi bới sâu ăn riêng một mình rất xa đàn. Còn
con Mã Mái ăn no lại nằm châu hấu ngay mỏ mẹ,**

đúng với câu: “Thứ nhất ăn sâu, thứ nhì châu mả”.

**Ông tin chắc thế nào đôi gà ấy cũng có tài xuất
chúng.**

**Bảy, tám tháng sau, đôi gà ấy đã qua thời kỳ “bóc
dò”; rồi gáy căng. Cả Chuẩn đem sữa sang cắt tai,
cắt mào; và gọt lông ở bụng ở đùi cho dễ om bóp vằn
vỗ. Bây giờ, chúng có vẻ con nhà tướng lắm. Mỗi khi
nhác thấy nhau là ngẩng cao cái đầu đỏ chót lên,
“cục tét” một tiếng lớn. Rồi vỗ cánh phành phạch,
cất tiếng gáy khiêu khích. Chúng nghiêng mình
đứng kình, dử tợn nhìn nhau và bước lên những
bước đi đỉnh đạc, chắc chắn, quả quyết cùng nhau
một trận thư hùng. Ông Cả phải nhốt riêng mỗi con
một nơi.**

**Tuy rằng cùng đàn với nhau mà đôi gà ấy mỗi con
một vẻ, mỗi con đánh một đòn. Con Ô Mã Mái tạng
dày, mí trờm làm cho đôi mắt ếch sâu hoắm vào. Mỏ
tam sơn, ba múi, quăm quăm như mỏ điều hâu.
Mình củ đậu [14], đuôi lá vả, tỏ ra có sức bền bỉ, gan
góc. Nhất là đôi mắt đen bóng, rắn cứng như thép
ngươi. Hai hàng vẩy một song song chạy từ kheo**

đến bàn. Quản bên phải, sóng ngang với cựa có một chiếc vẩy rất nhỏ cài vào nữa. Theo những tay chơi, đó là chiếc vẩy cáo, lợi hại lắm. Nó chuyên “hầu dọc” [15] rất nhiều cần, cáo [16]. Ai cũng phải chịu là con gà hay.

Nhưng đến con Sám Miến Hồng thì mới thực là tài ba có một. Với đôi quản đầy vẩy “khâu dao” [17], chỉ buông không cũng thành cần, cáo. Và nhất là hai ngón “thái” [18] vênh vênh kỳ quái. Nó đã lấy vừa đúng mười hai con mắt trong mười hai trận đá. Sám Hồng khét tiếng là con gà kỳ tài. Đến nổi vằn khấu mỏ [19] lấy giẻ quấn chân lại, nó còn “buông” [20] một đòn khiến con Mã Mái giẫy lên đành dạch.

Từ đấy táng kệt, không ai còn dám cho gà vằn với nó nữa. Vì thế, con Sầm Hồng chưa bao giờ đá đến quá hồ rươi. Cả Chuẩn vẫn sợ sau này, ra hội, nó không đủ hơi, nên ông đành phải cho vằn lồng với con Mã Mái vậy.

Sầy - khách - lai ngoài Hà Nội về đã trả con Sám Hồng tới năm chục bạc. Nhưng Cả Chuẩn nhất định

không bán. Ông cười chậm rãi :

**- Vâng! Cứ kể ra năm chục thời cũng to đấy!
Nhưng cái lòng thích với cái công phu nuôi nó thì
nhiều chứ! Ai lại đem bán đi!**

**Thường thường, Cả Chuẩn vẫn ngâm câu: “Chân
chì mắt ếch đếch sợ ai. Quán ngắn đuôi dài đá chẳng
sai” tả cái gan góc của con Mã Mái và câu: “Đầu
công, mình cóc, cánh vỗ chai. Quán ngắn đuôi dài đá
chẳng sai” tả cái gọn gàng nhanh nhẹn của con Sám
Miến Hồng.**

**Bỗng một hôm tiết trời đổi khác. Gió heo may
lạnh lẽo vi vút từng cơn. Cả Chuẩn sổ suốt nói tiếng
đăng tai. Ông thấy trơn trơn người; gáy gáy sốt, da
nổi gai ốc lên. Cái dĩ Biểu cũng ươn người, quấy mẹ
suốt đêm. Ông Cả cất giọng ngàn ngạt bảo vợ :**

**-Trở trời đây mà! Khí tiết này độc lắm đấy, bà nó
ạ.**

Sáng hôm sau, Cả Chuẩn nằm nghe đôi gà gáy,

thấy kém mọi ngày đến mười mười lăm tiếng và giọng không được mạnh mẽ, xói vào tai như trước.

Ông sợ hãi vùng trở dậy. Quên cả mình còn đang ngúng nguẩy, mặc gió lạnh, ông hấp tấp chạy ra chuồng gà, ông còn rên rầm làm nũng vợ.

Đôi gà hôm nay mất hết vẻ hùng dũng. Chúng xù lông ra, rứt đầu vào, thu gọn trong đôi vai cánh nhô lên. Mắt nhắm nghiền, cái mỏ se sẽ vẩy. Thấy động, chúng giật mình te hé cặp mắt đỏ đục nhìn ra, rồi lại từ từ nhắm lại.

Cả Chuẩn như mê sảng, chạy hết đầu hồi bên nọ lại sang đầu hồi bên kia sờ nắn gà. Cuối cùng, ông ngồi thàn ra bên bu úp con Sám Hồng. Hai tay ôm má, nâng cái đầu hoa râm rữ rượi. Ông chép miệng nói qua tiếng thở dài ảo não :

- Ôi chào ôi! Nuôi với nắng.

Con Mã Mái vốn có sức, không đến nỗi nào. Con Sám Hồng thật hết cỡ. Mới có một đêm mà thịt

nhão rào rào, nhẹ thộp hẫ đi. Cái điều đầy cơ không tiêu, rắn chắc. Da dễ xám ngoét và lạnh ngắt. Đờm vương trong cuống họng, nó khò khè thở. Chốc chốc bị tắc hơi, nó lại vẫy mạnh cái mỏ kêu “quéc” lên một tiếng lớn.

Cả ngày hôm ấy, ruột gan Cả Chuẩn rối bời lên để chạy thuốc cho hai con gà. Đứng không yên, ngồi không yên. Ai mách lối nào ông cũng làm. Giã gừng cho uống, nướng tỏi cho ăn, xoa dầu Nhị Thiên Đường, đốt bồ kết, xương truật, thôi thì đủ thứ. Trong đời ông, từ cha sinh mẹ đẻ đến vợ con đầu gối tay ấp, ông chưa phải hầu hạ ai khổ sở lo lắng đến như thế này. Cả Chuẩn như mất hồn, trông người sút hẫ đi, phờ phạc, xanh xao. Suốt đêm không ngủ, hai mắt cứ chang chang; và đôi tai rất thính nghe không sót một tiếng quéc nào của hai con gà quý báu theo gió lạnh đưa vào.

Thế rồi con Sám Miến Hồng chết rũ ngay đêm hôm thứ hai. Cái mỏ há rộng, đờm rãi xộc cả ra mũi. Một đàn kiến nhỏ tung tăng ở đó kiếm mồi. Cả Chuẩn lặng người đi. Ông trân trân nhìn gà. Nét

mặt trơ trơ như chẳng hề mảy may buồn tiếc. Có lẽ ông biết trước số phận con gà ấy rồi. Ông thở dài, từ từ nhấc xác con vật lên ngắm nghía một hồi lâu. Nửa cười nửa mỉa, ông nghiêng răng cay đắng :

- Rõ công cóc!...

Dứt lời, ông ném phịch xác con gà quý báu xuống đất, đoạn vỗ tay phủi bụi, thông thả đi lên nhà trên, cất tiếng gọi :

- Cu Trạm đâu rồi!... Vút cổ nó ra cầu Bò đi cho ông.

Thằng bé ngơ ngẩn hỏi :

- Vút gì cơ ạ?

Ông chỉ con Sám Hồng, trợn mắt nghiêng răng, quát :

- Mù à? Vút đi. Hỏi mãi!... Hỏi mãi!...

Từ hôm đó, Cả Chuẩn sinh ra khó tính và nóng

nảy. Hơi một tí là thét lác inh hàng xóm lên. Thằng cu Trạm sợ len lét không dám đàn mặt bố. Nó lĩnh đi chơi suốt ngày.

Con Mã Mái bỏ dài, ông cũng chẳng thiết trông nom. Con Bạch Nhạn và con Chuối cũ, một người em họ và Tư Chuyên mỗi người bắt một. Giá cái Ô Mã Mái khỏe khoản ra thì cũng chẳng còn. Ai cũng như ai, tưởng thế nào nó chẳng chết! Thế mà trái lại, Ô Mã Mái cứ tỉnh dần, rồi khỏe khoản bằng cũ. Trong nhà bây giờ không còn con gà nào, cái kiêu hùng của Mã Mái càng nổi bật lên. Lúc nào nó cũng nghênh ngang đi sóng đôi với một cái cần đỏ chót vươn cao lên đôi cánh phệnh phạng, nhô lên thụt xuống theo bước đi, trông đặc du côn.

Rồi con mẹ nó ấp. Ô Mã Mái sinh ra chơi bời lêu lổng, đi lang thang hết nhà này, nhà khác trong xóm. Đến đâu là đánh bật gà trống ở đấy để chiếm những con mái tơ giống Ri, giống Pha bé bằng nửa làm vợ. Chán rồi, nó lại đi và đánh nhau như thế mãi... mãi... Lúc nào nó cũng lén lút ở bờ tre, bờ giậu hay bên những đồng rơm ve gái. Bộ lông mờ

màng đen láy của nó xơ xác và đỏ kệt ra.

Từ ngày con Sám Hồng chết, Cả Chuẩn chẳng còn thiết nhìn nhỡ gì đến gà quế nữa, thì cái vườn cảnh lại được ông săn sóc đến luôn. Cái vườn cảnh có lẽ chỉ để giải buồn cho những người sinh là nhà nho trong lúc chán chường thất vọng bất cứ vì lẽ gì.

Một buổi chiều kia, rượu đã ngà ngà, Cả Chuẩn tha thân bên vườn cảnh ngắm hòn non bộ, tĩa vài chiếc lá lan, nắn lại cành si cho đúng kiểu. Chốc chốc lại khe khẽ ngâm một vài câu thơ cổ, giọng trầm trầm như len lõi trong đám lá xanh thì thắm với bóng chiều tàn tạ. Một vẻ buồn cổ kính vương trên nét mặt ưu tư.

Bỗng tiếng gọi choang choang của Tư Chuyên bên hàng xóm phá tan sự tĩnh mịch, êm ả, thơ mộng ấy :

- Ông Cả! Thế này có chết không...

Vừa nói ông vừa giơ con Bạch Nhạn, rũ rượu trên tay cho Cả Chuẩn xem :

- Ông có cho nhốt cái Mã Mái lại không. Hôm nay nó sang đá hồng cái Bạch Nhạn này rồi.

Cả Chuẩn thông thả hỏi :

- Sao? Chạy à?

- Nào đã chạy ở đâu. Thế này: tôi đi thăm đồng vắng, hai con ở nhà đánh nhau, mãi lúc về mới biết. Bắt ra thì con Bạch Nhạn gãy cần và tuột mỏ.

- À! Hồng thì thật! Làm chết gì! Nếu phải gà hay thì đã đánh được con Mã Mái. Ấy, tôi vẫn bỏ dài cho rầy mái hoang đấy.

- Chớ! Chớ! Ông không biết, chớ cái Mã Mái nó đánh như vũ bão ấy. Tôi dám nói quyết rằng cả vùng này từ con Chuối của lang Mão đến con Bịp của đồ Đản, không con nào ăn đứt được nó.

- Đành thế! Nhưng nói cho cùng: hay mấy thì hay cũng không thể bằng cái Sám Miến Hồng được.

- Chuyện! Bì thế nào được với con Sám Miến

Hồng. Con Sám Miến Hồng nó là thần gà, thánh gà, đầu có phải gà thường.

Tư Chuyên hấn nói rất phải: con Mã Mái cũng không phải gà thường thật. Cả Chuẩn nhủ thầm: “Giả thử không có con Sám Hồng, xem mình có quý nó không nào?” Càng nghĩ, ông càng thấy hồi vì đã bỏ phí cho con Mã Mái rầy mái hoang, không chịu săn sóc.

Hôm sau, xem xét gà, thì tai hại, con Mã Mái bị kén mép và gãy hết cả lông cánh. Cả Chuẩn cắn cẩu gât mình :

- Thế này còn đá đấm gì nữa!

Cả ngày hôm ấy, hai bố con loay hoay cấy cánh cho Mã Mái. Cu Trạm ôm gà, Cả Chuẩn khâu những lông cánh tích được vào những cuống lông gãy. Ông cẩn thận chọn lọc lông vể nào phải hợp vể ấy. Khâu xong, chấm vào chỗ chỉ vàng một ít sơn sống, ông đắc ý mỉm cười :

- Thôi, thế là tha hồ mà chắc!

Còn cái kén ở mép, Cả Chuẩn đã mổ mấy lần mà không khỏi. Sau cùng, ông đành mặc nó vậy. Và lại, cho đá thử mấy trận, Mã Mái vẫn không sao. Thế là ông đặt cho nó danh hiệu Ô Kén Mép.

Dăm tháng nữa thì hội Nhân Thọ. Cả Chuẩn ra công vằn vố cho Ô Kén Mép. Cứ cách nửa tháng, ông đem đến nhà Hương Chế vằn khâu mổ một lần. Lối vằn này không hại gà. Một miếng da khâu tròn, lồng vào mổ, hơi rộng một chút cho dễ thở. Có hai sợi dây buộc lên mào. Cứ thế, mỗi bên không thể mổ nhau được để đá. Con nọ chen con kia, thỉnh thoảng có buông được đòn nào thì buông thôi.

Trước còn cho vằn ba bốn hồ, sau dần năm, sáu hồ, rồi bảy tám hồ. Mỗi bận vằn xong, ông lại đem giã nghệ hòa với ngải cứu và một ít củ tam thất đun sôi với nước giải om bóp khắp thân thể. Thịt Mã Mái sát lại và da dày lên. Dăm bữa nửa tháng, ông lại cho nó ăn một bữa lươn sống. Ăn cái này khỏe gà lắm.

Các tay chơi gà sành sỏi trong làng, đều tin chắc chắn con Mã Mái ra hội chỉ có phần ăn với hòa chứ không thể nào thua được.

Cu Trạm ăn mặc chỉnh tề, sắp sửa phải ôm gà đi hội. Chiếc khăn xếp mốc điểm thêm vài chỗ gián nhấm lốm đốm trắng của bồ thai cho rộng sụp xuống gần lông mày, như nuốt bộ mặt choắt chéo, đen sạm. Cái áo dài vải thâm ngắn căng, đồ kệch, may từ năm lên mười. Và chiếc quần vải to hẹp ống, xoắn xoe mặc cao quá bụng chân. Tất cả bộ y phục đầu Ngô mình Sở, cũn cớn đó làm cho nó thêm ngớ ngẩn.

Nghĩ đến việc được đi hội, cu Trạm lại vui sướng rộn ràng. Nó nóng lòng sốt ruột vì mấy ông khách. “Chuyện đâu mà lắm thế! Đến bực!”. Nó đi thung thăng ngoài thêm, chán rồi ra dựa vào bu gà, bần thần ngắm con Mã Mái.

Khách mỗi lúc một thêm đông. Gian nhà vừa lụp xụp vừa chật chội bộn lên những người. Tiếng cười, tiếng nói xôn xao, ầm ĩ. Ánh sáng cửa giữa lọt qua giàn thiên lý xum xuê hắt vào xanh ngắt. Ngọn đèn

ăn thuốc bé nhỏ tù mù không đủ làm cho gian nhà sáng sủa lên chút nào. Người nhà quê vẫn quen sống với sự tối tăm như thế.

Vừa uống nước, Hương Chế vừa hỏi :

- Ông Cả đã xem xét gà cẩn thận rồi chứ?

- Đã.

- Thôi, ta đi thôi chứ?

- Hãy thông thả, còn sớm chán. Để kiểm lại tiền đã nào. Ông Tư năm đồng này. Ông Hương mười hai đồng. Ông Đồ mấy nhĩ?... À tám đồng. Tôi mười hai đồng này. Còn ai nữa.

Thơ Bình vội vã :

- Ấy, còn tôi sáu đồng với chú Tư Vo nó bốn đồng nữa.

Cả Chuẩn lẩm nhẩm một lúc, rồi thông thả gói tiền, cẩn thận bỏ vào túi, giao hẹn :

- Thế vị chi là bốn mươi năm đồng cả thầy. Sau này đánh chắc thế nào, ta sẽ lại tính.

Giữa lúc đó, có tiếng xe tay đổ ngoài cổng ngõ.

Hai người khách ăn mặc sang trọng bước xuống, một người mặc ta, một người mặc tây. Họ thông thả đi vào. Đến thêm, người mặc ta cất tiếng gióng giả :

- Thế nào? Ông Cả năm nay có mấy cái ra hội?

Cả Chuẩn trông ra, vội vàng đứng dậy vồn vã :

- A! Ông Hương! Một cái thôi, ông ạ.

Người mặc tây đi sau hấp tấp tiến lên hỏi :

- Sao? Sao lại có một?

- Ô! Lại cả ông Sầy nữa này! Có một, chứ còn sao nữa? Cái Sám Miến Hồng chết toi rồi.

Sầy sừng sốt kêu :

- Ôi trời ôi! Chết toi à? Hoài của! Ngày ấy đã bảo

ông để cho tôi thì không để.

Cả Chuẩn cười :

- Chết thì thôi, chứ để thế nào được? Mời hai ông vào trong nhà xơi nước đã.

Hương Thân khôi hài :

- Mặc nước với nôi ấy. Bắt gà xem cái đã.

Cả Chuẩn vội bắt con Ô Mã Mái lại. Vừa nhắc gà lên, Hương Thân đã tấm tắc khen.

- Ái chà! Da thịt rắn đành này thì phải biết là vắn võ kỹ càng.

Rồi ông cẩn thận xem cần, xem tảng, xem mắt; rồi xem đến mỏ.

Hương Thân kinh hoàng hỏi :

- Ô, thôi! Chết! Có kén mép hở, ông Cả?

Cả Chuẩn chậm rãi :

- Vâng! Nhưng chả hề gì ông ạ. Đá thử mãi rồi.

Sầy họa theo :

- Chân ấy nó vụt thì mấy con chịu nổi ba hồ mà lo!

- Đành rằng thế. Nhưng giá vô bệnh tật vẫn hơn.

Dứt lời, ông lại cúi xuống nâng quần xem, thận trọng ngắm nghía từng li từng tí. Cả mặt trước, lẫn đằng sau quần. Một lúc lâu, ông mới thở nhẹ ra ý tiếc rẻ :

- Ác, thì có đòn ác lắm đấy. Chỉ phải ở hàng vẩy độ [21] có chiếc “chung thân đai tật”.

Đồ Thảo lên mặt biết nhiều sách nho bắt bẻ :

- Ông nói vậy thôi, chứ biết đích làm sao được? Ông Đào Công chi phú ngày xưa chỉ làm có Mã Kinh và Khuyển Kinh. Có làm Kê Kinh bao giờ đâu?

Hương Thân tùm tùm trả lời :

- Không! Kinh nghiệm nhiều, nó quen đi chứ, cứ quen xem mắt gà như các ông, ai cũng bảo con nào đồng tử nhỏ là gan. Như thế là nhầm. Tôi đã nuôi nhiều, tôi biết: mắt con gà nào cũng vậy, sáng ngày ra đồng tử to, càng về trưa đồng tử càng nhỏ dần, nhỏ dần rồi chỉ còn bằng một cái chấm đen. Đến chiều lại to. Thế thì các ông bảo tin làm sao được đồng tử nhỏ là gan... Có cứ gì đâu, trăm nghìn lồi xem, mỗi người mỗi khác.

Sầy cười lên hềnh hệch :

- Ô! Thật à, ông Hương? Nếu thế thì y như cách xem giờ bằng mắt mèo của các báo đã đăng. Thần tình nhỉ!

- Chặc! Mắt mèo thế nào thì tôi không biết. Chớ mắt gà, nghiệm ra, hễ cứ râm trời thì đồng tử to mà càng nắng thì đồng tử càng bé. Có thể thôi!

Cả Chuẩn ôn tồn bảo mọi người :

- Ông Hương nói đúng đấy. Cái Mã Mái này thật

**bệnh tật suốt đời thật. Ngày còn bóc dò thì ốm mốc;
khỏi ốm mốc lại bị trận ốm giầy “thập tử nhất
sinh”. Đến lúc khỏi chết giầy; thì đâm ra kén mép,
chữa thế nào cũng không khỏi.**

Rồi như chợt nhớ ra, ông tươi cười bông lơn :

**- Ô chết chữa! Mãi chuyện gà quá, quên cả uống
nước.**

**Mọi người cất tiếng vui vẻ, kéo nhau vào cả trong
nhà. Sau tuần nước, câu chuyện càng thêm giòn giã,
nở nang. Hương Thân tấm tắc khen :**

- Đẹp! Trông sướng cả mắt.

Sầy trợn trừng trợn trạc :

**- Đã thấm đâu. Con Sám Miến Hồng mới thích
chứ. Nó đá mười hai con mắt mắt trong mười hai
trận đá. Chính tôi đã được xem một lần. Chết! Nó đã
cứ vun vút “liên chi thanh nguyệt chi công”. Nhắc
chân lên là thành cần cáo. Đầu công thon thon lé
đòn rất tài... Chao bên này!... Chao bên này!... (vừa**

nói Sầy vừa dựng hai canh tay lên chao bên nọ, bên kia giả làm cổ gà) cứ thoăn thoắt, thoăn thoắt! Coi sừng lạ!

- Hoài của, thế mà chết mất.

Tư Chuyên từ nãy vẫn ngồi lì xì không nói, nghe chừng đã nóng ruột ruột, nhắc nhỡm :

- Dễ thường trưa rồi đấy.

Cả Chuẩn sai cu Trạm cầm gà đi trước. Hương Thân lại gần thân mật hỏi :

- Cánh nhà định đánh bao nhiêu đấy?

- Độ năm chục đồ về thôi, ông ạ.

- Thế nào cũng cho chúng tôi ké với nhé. Dem con gà đi hội, ta phải đánh to to một chút, mới bỏ công vắn võ ông ạ.

Thế là cả bọn lục tục kéo đi.

Dưới mái đình những chiếc giải gà buộc lòng thòng. Ba chiếc giải: nhất, nhì, ba; và năm sáu chiếc giải lèo. Những vuông lụa điều uốn éo nhẹ nhàng trong cánh gió. Cu Trạm say sưa nhìn. Nó mơ ước một chiếc thất lung, trong khi mọi người chàng màng tìm gà kháp đá. Năm nay rất nhiều gà. Nhưng con thì nhỏ quá, con thì to quá. Hạng bằng trang [22] thì lại hơn xương [23], hơn cựa. Kháp gà phải thận trọng cân nhắc suy bì từng li từng tí. “Hơn một cái lông không chọi” cơ mà!

Cả hội xem ra chỉ có con Hoa Mơ của bác nhà quê ôm khư khư trên tay ngời thu hình một xó đình là “đồng cân đồng lượng”. Nhưng ngữ ấy còn làm gì ra nhiều tiền mà chơi. Vả lại Hương Thân, Cả Chuẩn cũng đã so sánh chán rồi. Chân tay mặt mỏ cái gà ấy cũng không phải vừa. Tuy rằng không có đòn linh [24] bằng Mã Mái, nhưng lại hơn ở cái không có kén mép. Vì thế các ông cũng chẳng thiết.

Họ chán nản ra hàng trầu nước làm vài khói giải buồn. Tư Méo cũng ngồi đấy, ông đơn đả hỏi :

- Thế nào cái Mã Mái ông Cả định cho đá với cái nào chưa?

Cả Chuẩn ngửa cổ, thở khói thuốc lào, lắc đầu :

- Chưa, ông ạ. Có mỗi cái Hoa Mơ xem ra cũng lợi hại lắm. Mà gà của tôi thì kén mép.

Hương Thân nói xen :

- Chả chơi được với nó!

Tư Méo xích lại gần thì thầm :

- Được! Đá được mà! Cái gà ấy ở Trung Mầu tôi biết. Nó thì hay lắm đấy. Nhưng gặp phải anh chàng không biết chơi cho đi với gà già “vỡ” rồi [25]. Chỉ đánh đến hồ thứ ba là chạy. Các ông có đá cho tôi ké ít nhiều với.

Cả Chuẩn, Hương Thân sung sướng reo khê :

- Thật à?

Thế là họ đem Mã Mái sát với Hoa Mơ. Gã nhà quê không dám cho gà đá. Nhất định kêu con Mã Mái to hơn, tuy rằng đôi gà rất bằng phân, về sau, Lý Khả Trang Liệt phát bực mình gắt :

- Sợ gì mà sợ! Cái nhà bác này! Ta đánh cái kén mép của họ.

Gã nhà quê e dè :

- Đành rằng thế! “Cơ mờ” cháu không có tiền.

Lý Khả cười kha khá. Chừng ông say. Ông hùng hổ nói :

- Bác đánh bao nhiêu thì đánh. Còn mặc tôi. Bao nhiêu cũng cân.

Đôi bên thỏa thuận đem gà vào sở tại, xin đánh giải nhất. Mỗi bên cược năm chục bạc. Còn sau này gọi thêm.

Hai ông chủ kê đem gà ra sới. Mọi người xúm đông quây vòng quanh bên ngoài vạch vôi. Hương

Thân cầm con Mã Mái. Ông bắt gà, thả gà, chữa gà khéo léo và nhiều mảnh lời có tiếng.

**Hết giao vào dúi [26], Hoa Mơ đánh Mã Mái một đòn cong hăn cần lại, quay liệng đi nửa vòng, Lý
Khản gọi liền :**

- Mười đồng ăn tám Hoa Mơ đây.

Sầy giơ tay :

- Bắt!

**Hai người vừa trao tiền cho nhau xong, Mã Mái trả một đòn hẫu dọc, Hoa Mơ ngăn ra, và tiếp thêm
mấy chiếc nữa.**

Sầy sung sướng reo :

**- Tin!... Tin!... Mã Mái năm đồng nữa! Ai bắt
không?**

**Đôi gà cùng lột quần, mau đòn nên sát phạt nhau
dữ lắm. Người xem đều xuýt xoa khen là “kỳ phùng**

địch thủ”. Mới nửa hồ đầu mà quần con nào con ấy như trát máu.

Những lúc thả gà, Hương Thân đã để ý bao giờ Mã Mái cũng buông trước một đòn. Cho nên ông thả “lơi” cho đúng tầm chân đá. Người ta thận trọng từng đòn một, trong lúc ăn thua này.

Đôi gà vẫn tranh hùng trả đòn nhau kịch liệt, xô đi đẩy lại sát vào vòng người. Hai ông chủ kê bắt gà của mình ra. Họ xoa nắn chà xát đùi vế và cho uống dấp giọng một tí nước, thấm vào khăn mặt cho tỉnh táo. Rồi cùng lừa lừa xem lối thả của người kia thế nào. Lý Khẩn cũng sợ cái đòn buông của Mã Mái. Ông đặt giúi Hoa Mơ vào sát. Nhanh nhẹn, Hương Thân nhắc lùi gà mình về phía sau. Được thế rộng, đúng “vỡ”, con Mã Mái buông liền. Hoa Mơ bị đòn rung chuyển cả người, mấp máy cả đuôi tôm. Mã Mái tiếp liền. Nó đánh một đòn rất nặng. Cái đòn di truyền của mẹ nó - con Mái Củi Tạ - khiến Hoa Mơ hoang mang, biếng siêng như say. Chân thấp, chân cao tấp tễnh và bối rối quay “tháo chái” [27].

Lập tức, gã nhà quê lúc này ôm phắt gà lên nhất định kêu quản con Mã Mái bôi thuốc độc, nếu không, sao vừa mới thả vào, gà của hắn đã hoa mắt như thế được?

Sầy sùng sộ :

- Anh định cái bây phỏng? Anh định cái bây phỏng?

Cả Chuẩn đứng giang tay, phân bua với công chúng :

- Các ông đứng quanh đây thử xem xem! Hai con vẫn ở đây, nào đã đi đâu xa mà bảo cho thuốc với cho men được? Chẳng qua là cái đòn nó như thế. Vậy xin phép các ông hàng hội cho chúng tôi vào lấy giải.

Gã nhà quê nhất định không nghe. Đôi bên cãi nhau ồn ào. Mấy ông sở tại phải ra dàn xếp khéo với Cả Chuẩn :

- Thôi ông ạ! Ta lại cứ cho vào đánh. Gà của mình

hay vẫn được. Phải cái người họ quê mùa không biết gì.

Hương Thân cười nhạt :

- Không biết gì! Không biết gì ăn người! Không biết gì đời! Ông bảo bao giờ cái Mã Mái lại đánh được một đòn như thế?

- Thôi! Xin các ông. Chơi vui với nhau ấy mà!

Bàn đi tính lại một lúc lâu nữa, Cả Chuẩn mới bằng lòng. Ông nói với mọi người :

- Tôi chơi thế này là chơi “lép vế” đấy.

Đến lúc cho gà vào đánh, mọi người đều kinh ngạc thấy Tư Méo cầm, thả con Hoa Mơ. Ông cười nháy Hương Thân chống thẹn :

- Gớm! Chơi với bời! Ai lại thả “nhà nghề” thế bao giờ! Mình đành phải cầm giúp Lý Khản vậy.

Hương Thân giận tím mặt. Bây giờ mới vỡ nhẽ.

**Thì ra con Hoa Mơ của Tư Méo. Hẳn mưu mô quỷ
quyệt cho gã nhà quê cầm rồi lại để Lý Khản vò
đánh tiền. Gớm thật. Hương Thân cười khẩy :**

**- Hừ! Bây giờ ông Tư mới chịu “ra mặt”. Màu
mãi.**

Đồ Thảo thâm hiểm, nói xa xôi :

- Vừa rồi có đám cháy ở đằng kia các ông ạ.

**Ông có ý nói xỏ: “Cháy nhà mới ra mặt chuột”.
Tư Méo găm mặt không dám nói gì.**

**Mấy viên thiết đả con Hoa Mơ ăn trong lúc nhều
nháo đã ngấm. Nó đã lại người, tỉnh táo mạnh mẽ
như trước. Hương Thân thấy hơi lo lo. Tuy rằng Mã
Mái hơn đòn một chút, nhưng cái lõi đòn cũng đã
“hầu dục” và “khóa mở” ấy rất nguy hiểm cho cái
kén mép.**

**Quả như Hương Thân đoán thật. Sang hồ tư, Mã
Mái bị vỡ kén, máu chảy rất nhiều, và kém dần dần.**

Tư Méo tũm tĩm nói khích :

- Nào đã chắc mèò nào cấn mủ nào.

Hương Thân cười gằn, nhắc lại :

- Thật đấy, đã chắc mèò nào cấn mủ nào. Chỉ một đòn lấy giải là thường.

Nói cứng vậy, chứ thật ra Mã Mái nao núng lắm rồi.

Cuối hồ năm, cái kén cương lên đau quá, mỗ không được chắc để đá nữa. Đầu Mã Mái đại đi, sung vù, mọng lên những máu, chúi vào hai đùi Hoa Mơ tránh đòn.

Đồng tiền liền với ruột. Hương Thân chẳng còn nghĩ đến bản thủ, mỗi lần bắt gà ra chữa, ông cho mồm vào hút máu, hút mũi cho nhẹ bớt mặt.

Hồ sáu, hồ bảy, Hoa Mơ đánh toàn đòn riêng [28]. Nó nhắc đầu “trao chuông” đánh như gõ vào tảng Mã Mái. Mỗi lần bị đòn, Mã Mái lại lao đao, ngật

ngưỡng cái cổ, mỗ vu vơ rồi lả dần... lả dần, gục đầu xuống đất. Mỗ tốp tốp, máu ở kén chảy rùng rùng đỏ lôm cả sôi. Những người đi xem xì xào bàn tán :

- Con Mã Mái ai ngờ bị “ba chân” các ông nhỉ!

Cả Chuẩn thương gà, nói khó với Tư Méo :

- Này, ông Tư này! Xin thua năm phân đấy.

- Thôi, cứ đá cho đến “kỳ tẩu kỳ tử”.

Hương Thân bấu môi :

- Ăn lắm mấy! Cặp này hòa cho mà xem. Nếu chạy, con Mã Mái đã chạy rồi. Tôi dám chắc...

Ông vội ngừng bật và Mã Mái bị một đòn ngã ngựa ra đằng sau. Biệng siêng, giật lùi... giật lùi...

Những người đánh con Hoa Mơ reo :

- A chạy! Chạy rồi!

Và mở một đường chờ đón. Con Hoa Mơ được

thể đá tiếp dồn dập, thốc tháo. Bỗng con Mã Mái cầu
tiết phóng liền một đòn. Hoa Mơ rụt hẫng đầu lại,
ngây mặt ra, đuôi phập phồng, người chuyển rung
rung. Hăng máu, Mã Mái ngoặt lấy hâu Hoa Mơ đá
liền hai chiếc nữa. Hoa Mơ há mồm kêu “quác” một
tiếng lớn, ngã chúi xuống, nằm thẳng cẳng, chân
cánh giãy lên đành đạch. Một lúc lâu rồi yếu dần...
dần... Máu ở mũi, ở mồm xỏ ra chan hòa.

Cu Trạm lách qua vòng người chạy ra gọi Đồ
Thảo khoe rồi rít trong khi ông này tưởng Mã Mái
thua mười mười, chán nản ra ngồi hàng nước chẳng
buồn nhìn nhởi đến gà nữa.

- A! Ha! Ha! Ông Đồ ơi! Con Hoa Mơ bị gà nhà
đánh chết rồi, ông Đồ ạ.

Đồ Thảo không kịp uống bát nước mới rót, hấp
táp chạy lại sới gà, lắp bắp hỏi :

- Thật không? Thật không?

Vòng người xô hẹp lại. Cả Chuẩn, Sầy vội gạt ra

ngoài nói :

- Các ông đẹp xa xa ra một tí, chẳng nữa người ta lại ôm gà lên kêu chúng tôi bỏ thuốc độc.

Con Hoa Mơ bị đánh chết thật. Mà Mã Mái cũng hết gân, không đá được nữa. Nó chỉ lấy chân cào cào, bới bới.

Tư Méo chịu thua. Mặt tái mét, ông run rẩy nhấc gà lên. Hương Thân mát mẻ :

- Đã chắc mèo nào cắn mỉu nào, ông Tư nhỉ!

Tư Méo tức tối, cười nhạt :

- Hừ! Chúng mình còn gặp gỡ nhau nhiều. Đã vội gì...

Hương Thân cười ha hả không trả lời. Ông ôm Mã Mái vào lấy giải.

Chú thích:

**[1] Chịu buộc bắt tởng: chui qua bụng, đợi con
địch lên mỗ vào đầu rồi đá.**

**[2] Cần lập trụ: cổ to rất cứng, đánh bao giờ cũng
đứng thẳng.**

[3] Đúc: cho đập mái, lấy gà con.

[4] Vở: lối đánh.

[5] Kháp: gán, ghép.

[6] Tởng: đầu phía trên.

[7] Chân sương: chân trắng.

**[8] Thông vĩa: chui qua cánh rồi ngoái cổ lại mỗ
đầu mà đá. Hai mang: hai bên cùng thuận.**

**[9] Cần: cổ. Chạy vài nhì: là thấp đầu nữa với
chúi đòn.**

**[10] Sà leo: ngoái cổ lại mỗ đá lung tung. Con
nào bị đè nhiều tức quá cũng đá sà leo. Đá như thế**

bao giờ cũng quật mình xuống đất.

[11] Tầm đại: sức rất to.

[12] Rầy mái: đập mái.

[13] Mỏ chấu: con gà mới nở, đầu mỏ có một cái chấu nổi lên bằng hạt tằm tức là mỏ chấu.

[14] Minh củ đậu: tròn mà to, trái với mình “công” thon.

[15] Hầu dọc: mổ vào yết hầu, đá thẳng vào cổ.

[16] Cần: đá con địch cong cổ, gãy cổ tức là đòn cần. Cáo: đá con địch kêu quang quác lên, hoặc mang liệng siêng, có khi bay vù hẫng lên, lúc là đòn cáo.

[17] Vẩy khâu dao: tức là chiếc vẩy chạy từ mặt quả bên này sang mặt quả bên kia.

[18] Ngón thái: ngón chân đằng sau.

[19] Khấu mỏ: bịt mỏ.

[20] Buông: không cần mỏ mà đá.

[21] Vẩy độ: hàng vẩy phía sau quản, thẳng với cựa.

[22] Bằng trang: bằng nhau.

[23] Hơn xương: già hơn.

[24] Đòn linh: đòn linh thiêng, rất tài và rất bất thành linh.

[25] Vỡ: hồng, đánh một lát chờn đòn, rồi chạy theo thói quen.

[26] Giao: đứng xa đá phóng. Dú: vào gần sát nhau mà đá.

[27] Tháo chái: quay ngược đầu đi một vòng.

[28] Đòn riêng: lối đòn sở trường của một con nào. Khi địch bị kém thế, giơ ra đá một mình, con

kia không trả lại đòn được.

TUYÊN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Con Chó Xấu Xí:

Ó là một con chó xấu xí! Xấu đến nỗi trong nhà chẳng ai buồn đặt cho nó một cái tên. Nó không được là tô-tô, kiki, cũng chẳng là quýt, là cún, là gì gì cả. Gọi nó người ta chỉ việc “êu, êu...” như gọi bất cứ một con chó nào là nó đến. Mỗi đến lúc nó chết, đại khi nhắc đến, vợ tôi mới gọi nó bằng cái tên nghe rất đổi thương yêu: “Con Mực nhà ta... Ngày Tây nhảy dù Việt Bắc, con Mực nhà ta... Ngày con Hiền mới chập chững biết đi, con Mực nhà ta...”

Khôn nạn, cái “con Mực nhà ta” ấy, thực ra từ lúc mua, đến lúc chết, nó phải chịu sự ghét bỏ, hắt hủi của mọi người trong nhà tôi y như đứa trẻ, con một người làm lễ thứ năm, thứ bảy trong một gia đình giàu có, đông con mà bố mẹ chết rồi phải ở với anh, chị con bà cả vậy.

Ngày ấy con bé đầu lòng của tôi chưa đầy tuổi tôi, vợ tôi cần có một con chó nhép để cho nó “dọn”. Cái trò đàn bà hay tham rẻ, chỉ tính đến chuyện được việc. Nhà tôi mua nó đâu có ba hào chỉ.

Tôi bức mình lắm. Cứ thoáng trông thấy nó, tôi đã lộn ruột lên rồi. “Chó gầy khổ mắt người nuôi!” Ừ thì trong lúc kháng chiến này cũng chẳng nên kén chọn, cầu kỳ đến những giống chó đồ, chó kiêu làm gì, nhưng đã nuôi cái của giống má trong nhà, ít ra cũng phải sạch mắt thì mới coi được. Đằng này, con chó nhà tôi mua, nom nó thảm hại quá.

Nó không còn thể gọi là con chó được nữa. Nó bằng cái nắm đấm thế này, vừa bé, vừa lười, còm dóm như con chuột trù ồm ấy. Nhất là những hôm đang lạnh bỗng dưng trở nắng, con chó nhà tôi ra sân ngồi sưởi thì, giới đất cha mẹ ơi, không còn thể sao khờ được. Bắn mắt quá! Nó ngồi gù gù ngoài bóng nắng như anh nghiện thiếu thuốc.

Cái mặt gục xuống, rớt rãi chảy ra, hai con mắt ướt nhoèn hai cục nhử trắng nhả. Cái lưng khòm khòm nổi

lên từng đốt, từng đốt xương sống. Cái con chó khôn khổ ấy nó không còn đủ cả lông để che kín thân thể nữa. Lông nó rụng ăn rụng từng đám lơ phơ, nham nhở và đỏ bầm như đám cỏ ấy. Da lưng, da bụng, da cổ trật ra sần sùi, cóc cáy, đến cả cái đuôi cũng không đủ lông. Đuôi nó thun lủn một màu xám xịt như đuôi con chuột cống già.

Dưới ánh nắng mùa hanh rất ràn rạt, lớp da răn rúm bọc ngoài cái thân hình gầy gù, lưng cũng những xương của nó, lúc lúc lại thấy rùng lên. Nó khẽ rên ư ử một cách sung sướng và thê thảm...

Tôi bảo nhà tôi đem mà vứt mẹ nó đi, không có cho ai thì cho. Nhà tôi chỉ cười :

- Cho là thế nào? Để tặng gia đây.

Nhà tôi cũng biết chót mua phải con chó xấu quá, nên mỗi bận tôi kỳ kèo chỉ cười, nói quấy quá cho xong lần. Còn con chó thì hình như nó cũng biết thân phận nó, biết tôi ghét nó, mỗi lần thấy bóng tôi từ xa, cu cậu đã lui lủi linh đi chỗ khác. Nó cúi gầm mặt xuống, mắt

lầm lét nhìn trộm, cái đuôi thun lùn một mẩu thịt cháy thì khê ngoáy ngoáy mừng nịnh. Tôi càng ghét.

Cho mãi đến hôm có Đặng ở đoàn kịch của tỉnh đi qua tạt vào thăm, con chó ấy mới được yên thân với số phận Đặng quyết định cho nó và, từ đấy tôi cũng thôi không kỳ kèo nhà tôi nữa.

Đặng là một tay bợm rượu. Anh em bạn chơi vẫn gọi anh ta là Đặng cồn. Người anh ta lúc nào nom cũng ủ dột. Mặt trắng bực, mắt ướt nhoèn, lưng gù, cặp kính trắng thông xuống đến cánh mũi. Cái miệng chảy thều ra lúc nào cũng thấy đánh tốp ta, tốp tép như cóc thềm muối. Thường khi cả ngày chẳng thấy anh ta nói một câu, ấy hể mà ngồi vào mâm rượu là cả người anh ta bỗng tỉnh táo, linh hoạt và cái khuôn mặt bệch bạc, rụng hết lông mày của anh phút chốc rạng rỡ hẳn lên. Lúc ấy sao mà anh ta nói chuyện có duyên đến thế! Anh gọi chó là “hươu thêm”, là “nàng thơ của cụ Lỗ Trí Thâm”. Chó vàng anh gọi là “ka ki”, chó đen anh gọi là “nhung Thượng Hải”. Những con chó thui nhoáng mỡ treo lưng lẳng trước quán hàng anh gọi là “leo coóc” v.v...

Hôm Đăng vào chơi tôi, con chó ấy đang ngồi phơi nắng ở giữa sân. Cũng như mọi bận, vừa thấy động bóng người, cu cậu đã lủ khủ đứng dậy, cúi đầu lặng lẽ lui lui xuống bếp. Nhưng mà Đăng đã nhìn thấy nó rồi. Anh ta tiếng rằng hấp him, cặp bà lờn nhưng lăm cái lại tỉnh ra phết. Vừa thoáng thấy con nhãi nhép ấy, anh ta bỗng reo lên :

- A ha, nhà này vừa sắm được của quý!

Nhà tôi ngồi trong bếp nhìn ra chưa hiểu nhà mình sắm được cái của quý gì, Đăng đã ngồi sà xuống đất, neho mắt khẽ gọi :

- U, chặc, chặc chặc!...

Tiếng gọi nghe thật dịu dàng, âu yếm. Con chó đứng lại lưỡng lự, nghi ngờ. Từ ngày về nhà này có bao giờ nó được nghe cái tiếng gọi thương yêu đến như thế.

- U, chặc chặc chặc!...

Con chó sững quá, ngoáy tít cái đuôi trụi, dặt dẹo trên bốn cái khoeo gày quay trở lại. Đến gần Đăng, nó

nằm rạp xuống, thè lưỡi ra liếm liếm, và khẽ rít lên ư ử.

Đặng cúi xuống nghiêng nghe cặp kính nhìn con chó hòi lâu, anh gật gù, tấm tắc khen :

- Hay! Hay lắm! Sáng kiến của bà Hiền phải không?

Nhà tôi thấy Đặng chú ý đến con chó mình mua một cách đặc biệt như vậy cũng hơi lòng hơi dạ. Nhà tôi cười bảo anh ta :

- Vâng tôi mua đấy anh ạ. Thế mà nhà tôi cứ bảo đem cho...

- Cho là thế nào! - Đặng trợn mắt lên cướp lời - Chị cứ để đấy cho tôi. Ba tháng nữa tôi gỡ lại, được vô khối là việc.

Đặng nháy tôi một cái, làm dáng điệu đang thủ một cái chày sau lưng, miệng ngọt ngào gọi “êu, chắc...” rồi thỉnh lình anh trợn mắt, mím môi bỏ xuống không khí một cái thật mạnh :

- A lê hấp! Cho một chày, chị biết chưa?

Đặng cười ré lên một hồi ròn khanh khách. Con chó dưới chân Đặng còn giật thót người, cúp đuôi chạy vút đi. Đặng càng cười đắc ý.

Đi với Đặng còn còn có Nhược Dự. Bạn nào Đặng đến nhà tôi, Nhược Dự cũng đi theo. Anh ta là người khó hiểu, khôn ngoan và kín đáo. Ngồi nói chuyện với anh ta khó mà biết được ý thật của anh ta như thế nào. Bao giờ anh ta cũng nói theo ý của người khác và nếu gặp một ý nào đối chọi lại lập tức anh ta rút lại ngay. Lúc nào anh ta cũng khoác bên ngoài cái vẻ lơ mờ, rụt rè như một người lạc lõng, hiểu rất ít về thời cục.

Hồi mới chạy lên trên này, Nhược Dự còn để cái đầu trọc. Cái đầu sinh ra từ ngày còn Nhật chưa có dịp chuyển sang đầu thường, nhưng chỉ mấy tháng sau tóc anh đã mọc rất dài, không những thế anh còn để cả bộ râu dài lượt mượt như một ông cụ nữa. Bộ râu lạc lõng trên cái mặt non choẹt, trắng nhầy nom như râu đóng kịch. Có bộ râu ấy, anh có thể rên rĩ, than thở với mấy ông xã đội trưởng rằng mình già yếu không thể đi canh gác, hay đi phá đường được; hoặc từ chối một vài việc gì đấy mà ủy ban muốn nhờ anh ta giúp đỡ. Trước ngày,

Nhược Dư cũng có viết văn. Anh ta viết những truyện “ái tình” lâm lá, suốt muốt với một thứ văn chương uốn éo, quen thuộc, rẻ tiền. Anh ta làm văn chẳng khác gì người thợ kim hoàn quen tay làm đồ Mỹ ký. Vì thế, từ ngày khởi nghĩa anh không viết gì được nữa, mà anh ta cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện tiếp tục viết văn.

Tuy vậy, cả nhà anh ta, từ bà cả già mỗ bán bún riêu ngoài quán đình Bùi, đến cô vợ hai còn trẻ măng chuyên việc bếp núc, hầu hạ chồng và con chồng ở nhà đều như còn lún quẩn, mê luyến với cái không khí của một thời “oanh liệt” của ông chồng trước kia... Trước mặt người lạ, họ đối đãi, nói năng với nhau hoa mỹ, kiêu cách như người trong truyện cả. Nghĩa là nghe nó ngớ ngẩn, giả dối rất chương tai!

Người như vậy, kháng chiến cũng không bỏ. Biết Nhược Dư trước kia có viết văn, cơ quan tôi mấy bận cử người về đón anh đi công tác. Bạn nào Nhược Dư cũng có bộ mặt rầu rĩ, bần khoản vì nỗi hoàn cảnh anh ta bó buộc, vì anh ta nặng gánh gia đình, vì anh ta bệnh tật, đau yếu luôn. Phải loanh quanh ở nhà như vậy anh ta lấy làm xấu hổ và khổ tâm lắm lắm.

Người địa phương vì thế ghét vợ chồng anh ta thậm tệ. Giữa cuộc kháng chiến bùng nổ, không ai có thể ưa một anh đàn ông sức dài vai rộng mà chỉ thấy cặp kè với hai bà vợ và nhớn nhoe với một ngôi hàng. Người ta làm vợ chồng anh khó chịu, tức tối ngấm ngấm, có khi phải tủi hổ.

Mỗi lần Đặng có việc đi qua tạt vào chơi, vợ chồng Nhược Dư rất mừng. Trong số bè bạn ngày trước chỉ có Đá Đặng là chịu chuyện được vợ chồng nhà này. Nhược Dư vợ được Đặng như người chết đuối vớ được cọc. Mỗi lần gặp nhau lại rượu. Trên mâm rượu “tha hương ngộ cố”... ít ra anh ta cũng nói được đại ba câu cảm khái vụn, ngâm ngợi một vài bài thơ than thở cho thân, cho thì. Có lần rượu vào anh ta rũ xuống mà khóc.

Hôm Nhược Dư theo Đặng đến nhà tôi chơi, thấy Đặng có ý kiến về con chó ghẻ như vậy, anh ta liền “bốc” ngay. Anh ta ca tụng các món thịt cây, ca tụng cái đạo của những ai biết thưởng thức thịt cây, cuối cùng anh ta hẹn ba tháng nữa, Đặng trở lại sẽ hội ẩm một châu thịt cây có thể gọi là “phanh dương, tề ngư...”

- Cô hai nhà moa sẽ đội sang một cái quả sơn đầy bím với hai cây rượu đặt thật trứ danh. Các toa sẽ thưởng thức của bà cả nhà moa món giò chó, món thịt chó hầm cách thủy, món thịt chó hấp... à, các toa đã được nghe bà cả nhà moa ngâm “Hồ trường” chưa? Đây “en” mà ngà ngà mấy chén vào, ngâm “Hồ trường” thì lạ lùng hết sức... Buồn mà thấm vô cùng...

Thực tình trong lúc này, tôi chẳng thấy hay ho gì những cái trò ấy. Nhưng thôi, con chó như thế, nó cũng yên với cái phận của nó rồi. Tôi cũng thôi không còn phải băn khoăn, kỳ kèo, ca thán gì về nó nữa. Trong những ngày chờ đợi nó béo, lớn lên, tôi như đã quên nó, coi như không có nó trong gia đình. Đôi lần gặp Đặng, anh ta có nhắc nhở, tôi mới nhớ ra và trả lời một cách mù mờ rằng: con chó ấy có dễ nó cũng kha khá lên rồi. Thật ra tôi có biết bây giờ con chó nó gầy, béo ra sao đâu. Một phần vì độ ấy cơ quan tôi đã chuyển sâu vào rừng, tôi ít khi về nhà; một phần vì con chó ấy cứ thoáng thấy bóng tôi, nó đã lui lui linh đi, nằm bẹp ở xó xỉnh nào rồi.

Một buổi chiều, tôi vừa ở cơ quan ra thì gặp Đặng

khoác ba lô, chống cái gậy hèo khật khưỡng đi tới. Thấy tôi, anh ta mừng quá, phì cả hơi rượu vào mũi tôi, nói choang choang giữa rừng :

- À, mày... Thằng Hiền! Thế nào, to chưa? To rồi chứ còn gì?

Tôi đứng ngây ra không hiểu Đặng hỏi tôi cái gì to chưa. Anh ta phì cười, phát đen đét vào vai tôi :

- Bớ khi, bớ đàn!... Con chó ốm nhà mày ấy, to chưa? Khử được rồi chứ còn gì?

Tôi gật đầu cười “à à...”. Ra cái tay bọm rượu này không lúc nào nó quên được con chó!

- Tao đã bảo vợ chồng nhà Nhược Dự rồi. Hai chai bố trong suốt như nước suối...

Anh nháy tôi một cái, ngấp ngó cặp kính thông xuống tận mũi, nhìn tôi :

- Kể ra vợ chồng chúng nó cũng có khí... nhạt đấy. Mặc mẹ, được việc cho mình thì thôi, hả?

Anh ta cười khá lên một dịp tròn tan.

- Chủ nhật hả! Chủ nhật này mày về, ta làm một châu văn hóa cao!

Đặng bắt tay tôi, hỉ hả chống gậy lên đường.

Nhưng sự đời có mấy khi chiều những ý muốn đã định trước. Đặng vừa đi hôm trước thì hôm sau có tin giặc nhảy dù Thái Nguyên, rồi có tin giặc từ Bắc Giang đánh lên, Bắc Ninh đánh sang. Lối Kim Tràng, cầu Xim, Cầu Đồng; bên núi Hia, núi Đót; dưới chợ Lữ, bến Lũ, bến Phà, đâu đâu cũng có giặc cả rồi. Người các mạn dưới đánh trâu, bò, bông bẻ, gồng gánh chạy giặc dạt lên đen kín cả ngoài cánh đồng.

Cơ quan tôi đã chuẩn bị từ trước, vừa có tin giặc nhảy dù Thái Nguyên, lập tức chuyển sâu thêm nữa vào rừng, sang một địa điểm tỉnh khác. Tôi được anh em đồng ý cho về thu xếp gia đình rồi sẽ theo cơ quan sau. Anh em ai cũng biết cảnh nhà tôi neo bần, chỉ có một mình vợ tôi với đứa con gái nhỏ, lại ở vào giữa vùng giặc đang đánh lên, một mình vợ tôi sẽ không biết xoay xỏa

như thế nào trong cái tình thế khó khăn, bồi rối ấy được. Tôi về chuyến ấy, có ý định sẽ đưa gia đình theo cơ quan, ở một trại áp hẻo lánh nào đấy cách cơ quan tôi chừng độ dặm bảy cây số cho tiện sự đi về thăm nom.

Con chó của tôi như thế không thể “làm một châu văn hóa cao” như Đặng hện nữa, và cái số phận của nó cũng vì cuộc chạy giặc ấy mà thay đổi.

Đêm ấy tôi từ cơ quan về đến nhà thì vợ con tôi đã chạy cả rồi. Hàng ấp cũng không còn nhà nào ở lại. Xóm ngõ vắng tanh, súng giặc nghe rền từng chập. Nghe rõ tiếng liên thanh ùng ục và, từng phát súng trường lẻ tẻ rít vào không khí.

Tôi biết vợ con tôi đã chạy vào đồng Kinh. Từ mấy tháng nay, mỗi bận tôi về nhà, hay viết thư về cho nhà, tôi đều căn dặn vợ tôi lúc nào cũng phải hết sức gọn gàng, phòng giặc đánh lên, hoặc nhảy dù là có thể bế con chạy ngay được. Trường hợp tôi chưa về kịp, mẹ con hãy chạy vào nhà cụ bếp Móm trong đồng Kinh làm chỗ liên lạc, tôi sẽ về đón.

Ở trong ấy gần rừng, hẻo lánh dễ chạy, mà cụ bếp Móm lại là chỗ đi lại quen biết từ trước, nhờ xảy gặp khó khăn có thể nhờ cậy được.

Tôi đảo về qua nhà, đi vắn vợ ngoài cái sân bỏ vắng mấy lượt, rồi cầm đầu đi thẳng vào đồng Kinh. Bấy giờ đã khuya lắm. Đêm tối vẫn rừng rùng bóng người, bóng trâu bò chạy giặc. Người ở vùng dưới chạy lên đây, người ở đây lại chạy mãi vào những mạn ven rừng. Trong các búi cây, bờ ruộng, khe suối, rệ đồi, trong các lều quán ven đường, chỗ nào cũng thấy nhan nhản những người. Chỗ nào cũng nghe tiếng trẻ khóc, tiếng gọi thưa, tiếng than thở, chửi rủa. Ruột gan tôi càng rối lên.

Vào đến nhà cụ bếp Móm, tôi giục nhà tôi thổi cơm ăn, chuẩn bị đi ngay đêm nay. Bấy giờ tôi mới chợt nghĩ đến con chó. Tôi thấy nó vương vương. Dem nó theo gia đình lúc này thật chẳng được tích sự gì, rất phiền, mà rất có thể nguy hiểm. Mà bỏ nó lại thì... thật ra trong lòng tôi cũng áy náy. Trong cái lúc chạy giặc này, trong cái lúc con người ta đang phấn đấu giành lấy sự sống, sự đoàn tụ, yên vui, phải bỏ lại bất cứ một vật gì đã có

trong gia đình mình cũng đều thấy xót xa như phải bỏ lại một con người và có cảm giác như đây là một cuộc chia ly phũ phàng giữa cái sống và cái chết.

Con chó ấy, từ trước vẫn sợ tôi, thoáng thấy bóng tôi là tránh cho thật xa, đêm nay hình như nó cũng thấy có những cái gì khác hẳn, cái gì như là tan nát, thấy tôi về, nó mừng quá, nó quên cả cái thói quen sợ tôi của nó, nó chạy bổ ra với tôi, mừng rồi rít. Nó quấn lấy tôi, đều đều theo tôi, nằm phục dưới chân tôi mà hít hít, ngửi ngửi rên lên những tiếng ư ử sung sướng, thân thiết. Thì ra những lúc gian nguy, chẳng những con người, đến con vật cũng quên hết những ghét bỏ, hiềm khích cũ mà gần gũi, thương yêu nhau, thấy cần phải nương tựa vào nhau mà sống. Tôi bỗng đâm ra lưỡng lự không biết đối xử với con chó này như thế nào, bỏ nó lại, hay là mang nó đi?...

Người chạy giặc vẫn kéo lên mỗi lúc một đông. Có tốp tiếp tục đi mãi vào trong mạn rừng, có tốp nghỉ lại ở đây. Cái túp nhà ông cụ bếp Móm chật nê những người. Trong số những người mới đến tôi thấy có cả ba vợ chồng Nhược Dự, tôi mừng quá, chạy ra hỏi tin giặc.

Nhược Dự với cô vợ hai không nói gì. Đêm nay anh ta thay đổi hẳn, gặp tôi anh ta cũng chẳng thấy nhích lên được một nét vui nào. Anh ta chỉ lằm lằm cái mặt và thở dài. Sự lo lắng, chán nản, oán trách hiện lên đầy mặt. Anh ta đối với tôi lúc này lại như có vẻ hờ hững, khó chịu. Trái lại chị vợ cả lại nói rất nhiều, cặp môi ăn trầu thuốc thâm đen của chị cuốn lên. Chị nói bằng mắt, bằng tay, bằng nét mặt, bằng tất cả cái sắc sảo của một tay buôn lợc lỏi. Có lúc chị nói liên liền một hồi như cái máy khâu đạp cổ rồi đột nhiên ngừng lại, đưa mắt dò la đánh giá người nghe, có lúc chị nói khoan thai thẽ thọt như thể giọng mẹ chồng ngồi kể xấu nàng dâu. Có lúc chị giả giọng ba bốn người trò chuyện đối đáp với nhau. Chị vừa nói vừa cười ròn khanh khách. Kể chuyện giặc đánh lên, giặc đốt làng mà giọng chị nghe văn hoa, hồ hồ như chuyện vừa kiếm được món hời.

- Tại anh Nhược Dự đấy, kêu là chiều tối rồi, nó không lên nữa, để sáng sớm mai hẵng chạy còn kịp chán. Thế mà ai ngờ nó đi đêm anh ạ. Nó đốt cái quán ở đình Bùi của tôi rồi. Tiếc quá.

- Nó lên đình Bùi rồi chị?

Chị bỏ cái mặt chị vào mặt tôi :

- Chả có hai lần đình Bùi! Nó đến Nhã Nam rồi anh ạ. Thật cả là một sự điều linh. Cũng chỉ tại mấy bố du kích nhà ta thôi anh ạ. Súng ông chẳng có, có mấy khẩu súng kíp còm cũng đậm đọp bắn nó. Nó mấy cái, nó mấy đót cho. Nó đót đình Bùi, đót Cao Thượng, bây giờ nó đang đót Nhã Nam đấy. Vợ chồng tôi vừa chạy giặc, vừa ngoảnh lại nhìn ngọn lửa quân xâm lăng tàn bạo nó đót nhà, đót cửa của đồng bào mà trái tim của vợ chồng tôi tưởng chừng như sắp sửa tan vỡ ra từng mảnh... hé, hé, hé...

Chị ngửa cổ, bung miệng cười khé lên. Mặt anh chồng cứ nhăn như bị. Nhược Dữ vốn là người kín đáo, giữ gìn, có điều gì hậm hực, không được như ý, anh ta chỉ hậm hực riêng với mình, hoặc quá lắm thì anh hậm hực với hai bà vợ của anh. Cái lối văn hoa giả khôn, giả đại của bà vợ anh, thường ngày làm cho cái cửa hàng bún riêu của vợ chồng anh đông khách, người ta ngồi ăn hàng và xem một người ăn nói lạ tai như vậy cũng thấy hay hay, nhưng hôm nay, nghe vợ nói năng như vậy Nhược Dữ ta khổ tâm quá, khổ tâm lắm. Anh khổ tâm

không phải cái lỗi nói ba hoa, giả dối của vợ mà có lẽ anh khổ tâm vì bà vợ của anh không biết giữ mồm giữ miệng, nói những điều mà anh chỉ dám nói trong cổ họng. Anh ta vội hỏi tôi một câu, có ý lái khéo câu chuyện sang hướng khác :

- Lâu nay toa có sáng tác được cái gì mới không?

Hình như thấy câu nói của mình lạc lõng không hợp với tình thế lúc này, anh ta hỏi thêm :

- Lâu nay toa có gặp Đặng không? Toa có biết lúy chạy đâu không?

Tôi chưa kịp trả lời, Nhược Dự đã quay ra nói gì nhỏ nhỏ với bà cả. Hình như anh không cần thiết câu trả lời của tôi cho lắm. Tình hình lúc ấy đột nhiên lại thấy lộn xộn. Người ở ngoài chạy dồn vào, người ở đây lại nhón nháo kéo nhau đi. Tin người tản cư nghe mỗi lúc một khác, những tin không biết từ đâu truyền đi rất nhanh. Lúc có tin giặc đã đến Nhã Nam, lúc có tin giặc ở Thái Nguyên đánh sâu vào rừng lũng các cơ quan, lúc lại có tin giặc ở Thái Nguyên đốt phá Thác Huống, Đá Gân.

Mạn Vĩnh Yên, Phúc Yên cũng có tin giặc vào đến chân Tam Đảo. Con đường tôi và vợ con tôi phải đi qua đêm nay cũng có tin giặc đánh đến nơi rồi. Đằng nào cũng phải vượt thôi!

- Này mình ạ... - Tôi nhìn nhà tôi đắn đo một lúc. - Cái con chó nhà ta ấy, tôi thấy, tôi nghĩ không thể đem nó đi được đâu.

-Sao, mình bảo gì cơ?

Nhà tôi ngồi nắm nắm com bằng chiếc khăn tay trên mặt cái sàng, ngẩng lên nhìn tôi sừng sốt. Tôi ngập ngừng nói thêm :

- Cái con chó nhà ta ấy, tôi thấy không thể đem nó đi theo mình đêm nay được đâu.

- Sao lại không đem nó đi được! Mình nói tôi chẳng hiểu ra sao cả.

Nhà tôi cau mặt lại một cách khó chịu :

- Nuôi nó ngần ấy ngày giờ, gặp lúc như thế này lại

định bỏ nó! Mình nghĩ thế nào, lại tính thế? Chả thà là thịt nó đi như anh Đặng nói lại đi một nhẽ.

Tôi nín lặng chẳng biết nói với nhà tôi như thế nào, trong lòng thật cũng thấy hồ thẹn với những ý nghĩ của mình. Ngoài kia, ba bốn đám lửa đốt làng, đốt phố rừng rực trong đêm tối. Những đám lửa nom gần lắm rồi.

Tôi càng nôn nao, bối rối, tôi nói với nhà tôi như đồ dảnh, như phân trần :

- Có phải rằng tôi muốn để lại nó đâu, nhưng mà giặc thì nó đánh đến nơi rồi, xung quanh mình chỗ nào đành nhẽ là phải gửi nó lại... Sau này giặc yên, về ta lại đem nó về...

Nhà tôi cầm cúi năm năm com không trả lời. Năm xong, nhà tôi lẳng lặng thu xếp, bỏ vào quang gánh, rồi đi vào trong nhà. Nét mặt nhà tôi lúc ấy nom lắm lì và buồn bã vô cùng. Lát sau nhà tôi và cụ bếp Móm từ trong nhà đi ra. Ông lão bước nhanh về phía tôi, xăm xăm :

- Thôi được, hai bác không đem được nó đi thì để lại, tôi trông nom cho, anh em mình, lo gì. À hà, con chó này đang ngon thịt đây...

“Quái thật, làm sao ai nhìn đến con chó cũng nghĩ đến chuyện thịt?” Tôi thấy hơi khó chịu. Ông lão chấp hai tay sau đít, cười gật gật ngấm ngấm con chó. Chừng như con chó ấy nó cũng thấy có điều gì khác ý, nó vội rúc vào chân tôi liềm liềm, ngửi ngửi, hai chân nó đập đập vào chân tôi, ngoáy đuôi mừng mừng.

Nhà tôi chẳng nói chẳng rằng, một tay cầm cái xích, một tay nắm gáy lôi tuột nó ra, xích nghiêng lại. Con chó giật mình, hoảng quá nó chồm lên và cào cổ lặn vào chân tôi, trốn tránh, giẫy giụa, kêu ăng ăng.

Ông cụ bếp vui tính thấy thế cứ nhe bộ lợi ra cười kha kha, còn nhà tôi thì hai mắt cầu cầu, môi mím chặt lôi xềnh xệch con chó ra một cách phũ phàng. Nhà tôi buộc nó vào góc mít gần đấy. Con chó lặn lộn trong cái xích căng thẳng, cái xích vít cổ nó lại, nó cố nhai về phía tôi mà không được, nó tru lên từng hồi. Trong ánh lửa cháy bập bùng ở bếp hắt ra, tôi thấy mắt nó có hai

đốm lửa nhỏ tí. Hai đốm lửa ấy nhìn vào tôi oán trách, cầu khẩn lúc lại thấy như thù hằn, giận dữ. Tôi cúi mặt xuống, không dám nhìn vào con chó ấy nữa. Khôn nạn thân nó, bây giờ chắc nó biết chủ nó bỏ nó. “Thôi, để chuyện này chạy giặc về, tao sẽ nuôi mày, tao không dám phụ mày, tao không thịt mày nữa đâu”...

Nhà tôi đã thu xếp quang gánh, đồ đạc xong. Đứa con gái nhỏ của chúng tôi ngồi gọn bên một thúng, xung quanh nó vây chẵn, tã cho ẩm, phía trên che một cái chiếu cuộn khum khum như cái mái lều. Một bên là nồi niêu bát đĩa, tương muối và các thức cần dùng khác. Bây giờ nhà tôi mới cầm một bọc gạo vừa mới san ở trong bị ra, đi đến trước mặt cụ bếp Móm :

- Thôi, chúng cháu đi đây...

Nước mắt nhà tôi bỗng giàn ra, nhà tôi đứng im trước mặt cụ bếp nghẹn ngào không nói được. Tiếng con chó vẫn kêu ăng ẳng và, tiếng cái xích căng ra xoắn vào thân cây mít lục cục.

- Cháu... gửi lại cụ một ít gạo đây, nhờ cụ trông nom

nó giúp cháu... Sau này thiếu đủ như thế nào, về cháu sẽ xin thừa lại với cụ...

- Được! Được! Chỗ tôi với hai bác ấy mà.

Ông cụ bếp cười, xua xua tay, gạt đi.

Nhà tôi khế chào ông cụ, bước vội về phía quang gánh. Tôi cũng đứng dậy khoác ba lô, ôm bọc chặn màn chào cụ bếp, bước theo nhà tôi. Từng chập súng máy nổ rền ngoài đêm tối. Và, đám lửa đốt làng, đốt phố ở mé Cao Thượng càng khuya nom càng rừng rực ngất trời.

Bao giờ cho giặc rút? Bao giờ cho vợ con tôi được sống yên ổn dưới một mái nhà? Tôi thèm một cái mái nhà...

“Ăng!... Ăng! Ăng!...” Tiếng con chó lông lộn, cuống quít đằng sau bước chân tôi. Nó như gọi tôi, nó như kêu cứu, như than khóc, oán trách. Tôi lẳng lặng bước qua chỗ vợ chồng Nhược Dự đang đứng. Rõ ràng anh ta biết tôi đi nhưng lại lờ đi như không nhìn thấy.

Ra khỏi ngõ tôi thoảng nghe tiếng chị vợ cả nói với

chồng :

- Vợ chồng nhà ấy họ đi đấy à? Này, họ bỏ lại con chó cậu ạ.

Và tiếng anh chồng dấm dăn :

- Đến người cũng chả chắc giữ được nữa là con chó!...

Tôi xóc lại cái quai ba lô, bước theo hút cái bóng nhà tôi đang đi xăm xăm xuống đồi.

Đêm “thu đông” lạnh buốt. Rải rắc trong những bụi sim, mua rậm, bóng những người chạy giặc nằm ngả ngón, chụm đầu vào nhau nói chuyện rì rầm. Trâu bò hàng đàn sồn sột gặm cỏ thẫm trong tối.

Tiếng con chó tự trong nhà cụ bép Móm đưa ra vẫn nghe rõ mồn một “Ăng!... Ăng! Ăng!...”. Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. “Thôi để chuyện này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu...”.

Tôi nhủ thầm với tôi một lần nữa như vậy.

Hai tháng sau tôi về. Giặc rút lâu rồi. Cuộc tấn công rầm rộ của chúng nó ngày ấy ai ngờ lại là cuộc đánh tháo cho đám quân mắc nghẽn ở giữa rừng già trong thị xã Bắc Cạn. Chúng nó tràn lên đầu trong vòng chỉ có nửa tháng thì rút hết. Vợ con tôi cũng đã dọn về nhà cả rồi.

Đọc đường từ cơ quan về thăm gia đình hôm ấy tôi rất vui. Bao nhiêu nỗi vui dồn đến chen chúc ròn rảng trong ý nghĩ. Mấy tháng ở cơ quan, ngày lại ngày trông ra chỉ thấy cây già và núi thăm bưng bít xung quanh, bây giờ về xuôi, tôi lại được thấy trời rộng, sông dài và những cánh đồng bát ngát. Tôi lại sắp được gặp vợ, gặp con tôi.

Mỗi bước chân, bao nhiêu vui sướng. Nhưng mà tôi đã quên mất con chó khôn khổ ấy. Nhà tôi thấy tôi về, mừng quá cũng không kịp nhắc đến nó. Sau một trận giặc đánh lên, cái sống cái chết kẻ bên này giờ mới được đoàn tụ, ai mà còn kịp nghĩ đến một con chó xấu xí!

Một hôm tôi chợt thấy cặp kính trắng lấp lánh của Đặng còn từ đầu ngõ đi vào, bấy giờ tôi mới giật mình, sực nhớ đến con chó. Tôi quay lại hỏi nhà tôi :

- À, mình này! Con chó nhà ta đâu nhỉ? Mình chưa vào trong cũi bếp dắt nó về à?

Nhà tôi đứng ngẩn ra một lúc. Có lẽ nhà tôi cũng không ngờ rằng tôi đã về bằng ấy ngày giờ rồi vẫn không nói chuyện con chó ấy với tôi.

- Nó chết rồi!... - Nhà tôi nói khe khẽ.

- Chết rồi? Làm sao mà chết được?...

Tôi trở mắt lên hỏi lại. Nhà tôi cúi mặt xuống, thở dài :

- Nó chết thương lắm cơ mình ạ. Không phải nó chết trong cũi bếp Móm đâu. Nó về nhà ta nó chết đấy.

Nhà tôi ngừng lại, cắn môi chớp chớp hai mắt nhìn ra ngoài sân. Lát sau, nhà tôi đứng dậy mời

Đặng vào trong nhà, rót nước mời anh rồi mới tiếp tục câu chuyện.

Chao ôi! Con chó xấu xí ấy, của tôi! Con chó từ lúc mua, đến lúc chết không được một lần vuốt ve! Nó đã chết một cách thảm thương và trung hậu quá. Từ hôm vợ chồng tôi gửi lại nó cho ông cụ bếp Móm, con chó không chịu ăn uống gì. Nó chỉ kêu. Nó kêu suốt ngày, suốt đêm. Một đêm, ông cụ bếp không thấy con chó kêu nữa, thì ra nó đã xổng xích đi đâu mất rồi.

Hôm nghe tin giặc rút, ở trong khe đồn Khau Vắt dọn về, nhà tôi tạt vào nhà cụ bếp Móm định đem con chó về nhân thể, nhưng vào đến nơi thì nó không còn đấy nữa. Lúc ấy nhà tôi cũng yên trí là con chó mất rồi. Chắc chắn nó sẽ lạc vào một trại áp nào đấy và người ta làm thịt nó.

Nhưng khi nhà tôi về đến nhà. Bà con xóm giềng vừa chạy sang láo quáo thăm hỏi thì, ở ngoài vườn sau, có mấy tiếng chó hú lên thảm thương và ghê rợn.

Từ sau bụi dứa rậm rạp, con chó khốn khổ ấy lao đảo đi ra. Người nó run lên bần bật. Nó gầy quá, chỉ còn một dúm xương da xộc xệch, rụng hết lông. Nó đói quá, đi không vững nữa. Nó đi ngã dụi bên này, dụi bên kia. Rồi nó không còn đủ sức mà đi nữa. Nó nằm bệt trên đất, rúm người lại, lết lết lê dần về phía nhà tôi.

Lúc ấy cả người nó chỉ còn có cái đuôi là còn ngoáy được để mừng chủ và, cái lưỡi liếm liếm vào tay chủ. Khốn nạn con chó! Được gặp chủ nó mừng quá. Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó mấy giọt nước chảy ra. lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết.

Tôi tôi sầm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ. Quả thật tôi chỉ là một thằng tôi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu?

Đặng vẫn ngồi im. Từ lúc đến, đến lúc nghe xong câu chuyện, Đặng vẫn ngồi im. Hình như câu

**chuyện con chó ấy của nhà tôi kể làm anh có điều gì
áy náy, nghĩ ngợi.**

**- Nay, lâu nay cậu có được tin gì về vợ chồng
Nhược Dực không?**

**Lúc lâu sau Đặng chợt ngẩng lên nhìn tôi hỏi.
Cặp môi mỏng dính của anh kéo xệch một bên lên
thành một nụ cười. Anh tự trả lời câu anh vừa hỏi :**

**- Nó dính tê rồi! Nghe nói vào trong ấy nó viết
báo, viết truyện chửi kháng chiến, chửi bọn mình
đều lắm.**

**Cả hai chúng tôi cùng im lặng. Cái im lặng trang
nghiêm ghẻ lạnh, thật khó chịu.**

TUYỂN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Anh Chàng Hiệp Sĩ Gỗ:

Những năm cách đây rất xa, xa lắm.

Ở thị trấn Bến Cam, mỗi năm cứ đến ngày gần Tết người ta lại thấy ông lão già ấy. Không ai biết quê quán ông lão ở đâu, họ tên ông lão là gì. Nhưng mỗi năm vào dịp Tết người ta lại thấy ông lão đẩy cái xe bánh gỗ lọc khộc đến, ăn mấy phiên chợ Tết, qua Giêng, ngày rằm tháng dài lại đẩy cái xe bánh gỗ lọc khộc đi...

Cũng chẳng ai đề ý hỏi xem ông lão đi đâu? Đến những vùng sơn cùng thủy tận nào? Chỉ biết cuối năm người ta lại thấy ông lão.

... Một buổi sáng đẹp trời nào đó, sương mù và nắng sớm bay rực rỡ uên mặt sông. Gồng gánh, hàng họ từ trên các ngã đường kiu kịt gánh về, và thuyền bè dưới bến đổ lên những kiện hàng, những bồ, những sọt, cam,

bưởi, nắm hương, mộc nhĩ... Cả cái thị trấn nhỏ bé ấy đang tấp nập mua bán, mọi người bỗng nghe tiếng thanh la từ phía sau mấy lớp đồi núi ngồn ngang trước mặt nổi lên.

“Phe è... èng!... Phè è... èng!... Phèeng!...”

Tiếng thanh la mỗi lúc một gần, rồi ông già hiện ra trên đầu dốc Đỏ. Ông lão đẩy cái xe hăm hở đi xuống. “Phèeng! Phèeng! Phèeng!...” Cái xe lộc khọc nghiêng ngả lăn giữa hai dãy bàng trụi lá, vào phố.

Trẻ con không biết từ những ngõ ngách nào đã thấy tuồn ra đầy đường, không không chạy theo ông lão mà reo hò.

- A ha!... Ra mà xem! Múa rồi! Múa rồi đã về chúng mày ơi!...

- Cụ ơi! ... A ha ha! Cụ múa rồi ơi! Vẫn có anh chàng hiệp sĩ đấy chứ?...

Ông lão vừa đẩy xe vừa gật gật đầu cười với đám trẻ con chạy theo. Đó là một ông già cao lớn, khỏe mạnh,

có nước da đỏ cháy như đồng hun và bộ râu bạc trắng bay lòa xòa trước ngực. Ông lão vận chiếc áo bông cũ, buộc ra ngoài một sợi dây chuối ngang bụng cho gọn. Chiếc nón mát vành thì tụt xuống, lắc lư đằng sau gáy. Ông lão bước từng bước dài, hăm hở, vững chãi trên hai cái bàn chân to sù sì dính đầy đất bụi.

Ông lão ấy làm nghề múa rối rong. Trong con mắt trẻ con ở cái thị trấn nhỏ này, chúng nó cho ông lão là một người kỳ dị. Một tay giang hồ lão luyện, biết nhiều, hiểu nhiều, có nhiều tài lạ.

Và, cái xe ọp ẹp ông lão vẫn đẩy ấy là một thứ thế giới bí mật của những con rối bằng gỗ.

Ông cụ già, cái xe gỗ, và đám trẻ con đã dừng lại dưới một gốc cây thông trước cổng chợ. Tiếng thanh la lại khua ánh ỏi lên một hồi nữa rồi im hẳn.

Bây giờ ông lão mới quay ra, rút cái khăn vải vàng ố vẫn vắt trên vai xuống, lau mặt, lau cổ, toét miệng cười với đám trẻ con.

- E hèm! Xem nhá! Năm nay nhiều tích mới lắm.
Đám cưới chuột, cô công chúa ăn vụng phải đòn, thằng
Quậy ngồi gốc cây đa, anh chàng đánh hổ, ổi chà chà lý
thú lắm!

Đám trẻ con đứng xung quanh ngán mặt ra nghe toét
miệng cười theo.

Cuộc biểu diễn bắt đầu. Ông lão dẫn các tích trò
xong chui vào trong cái hòm gỗ ngòi. Tiếng đàn sáo tức
thì bay ra réo rắt, một lúc, hai cánh màn nhiều đỏ ở một
bên thùng xe từ từ cuốn lên.

Trong cái hòm gỗ ọp ẹp ấy bỗng hiện ra những cảnh
hoa cỏ, núi sông rực rỡ. Có những cụ già chống gậy lụ
khụ đi lại. Có những em bé nhảy múa tung tăng. Có
người đi cày, có người dạy học. Có rắn biết nói, có yêu
ma hiện thành người đánh lừa những kẻ qua đường.

Ở trong cái hòm gỗ, ông già lúc bấy giờ bỗng như
người bị ộp đồng, ông lão không còn biết gì đến xung
quanh nữa. Giữa cái đám chợ đương lúc ồn ào mua bán,
giành giật nhau miếng sống với tất cả những mảnh khoe

lộc lừa gian dối của con buôn, ông lão không nghe thấy gì hết. Tất cả tâm lực của ông dồn vào những con rối. Mặt ông co vào, giãn ra, răn rúm một cách khổ sở đau đớn, như người đang bị kìm cặp, và hai con mắt thì long lên, sáng quắc.

Ông lão hát, ông lão đánh đàn thổi sáo. Ông lão làm tiếng gió thổi, suối reo. Ông lão cười. Ông lão khóc.

Một mình ông lão nói đủ các loại tiếng người. Tiếng kẻ gian tham, tiếng người trung hậu, tiếng ông già, tiếng em nhỏ. Tiếng rên xiết của người nghèo khổ, cũng như tiếng nanh ác của những kẻ giết người... Ông lão lúc bấy giờ như một vị chúa tể của loài rối, có nhiều phép lạ sai khiến chúng nó hoạt động, đi đứng, nói cười, vui buồn, yêu ghét... theo ý muốn của mình bằng mười đầu ngón tay ảo thuật có buộc những sợi dây chỉ nhỏ. Ông lão biến những hình người bằng gỗ ấy thành những con người có linh hồn như những con người sống thực.

Đám trẻ con ngồi xem cứ mê tí đi. Các em không còn thấy là diễn trò nữa. Trước mặt các em đó là những cảnh đời đang biến đổi dồn dập làm các em hồi hộp, lo

lắng, mong đợi... Mỗi tích các em thấy mỗi lạ, mỗi con rối có một tính cách đặc biệt riêng làm các em phải ghi nhớ!

Nhưng trong tất cả các con rối của ông lão, có một con được trẻ con thị trấn Bến Cam yêu thích, mến phục nhất. Các em đã biết nó từ mấy năm trước và luôn luôn nhắc đến. Ấy là con rối chuyên đóng vai hiệp sĩ cứu đời.

Con rối ấy rất đẹp. Hình dáng giống như hình dáng những trang anh hùng, nghĩa sĩ trong các truyện cổ của Trung Quốc. Mặt trắng, môi đỏ, cằm vuông, mắt xéch. Đầu đội mũ võ sinh màu nguyệt bạch, sau gáy đeo đai vòng kim tuyến phủ, mình bận chiến bào lụa màu lục anh vũ, lưng thắt dây văn võ màu xanh, chân dận ủng tía. Trên vai lúc nào cũng dắt một thanh bảo kiếm, có thắt dải lụa hồng ở chuôi. Nó đi đứng oai nghiêm, nói năng đồng dục, rõ ra là một trang thiếu niên anh tuấn.

Mỗi lần anh chàng hiệp sĩ ấy hiện ra trên sân khấu, vung cái thanh gươm báu ấy lên thì bao nhiêu sự bất công, ngang trái ở trên đời đều được san bằng hết. Người ngay lành được cứu giúp, đưa hung ác phải trừng

trị.

Sau buổi diễn trò hôm ấy, trẻ con thị trấn Bến Cam nhớ mãi tích Anh chàng hiệp sĩ đánh hổ cứu một em bé lên rừng hái thuốc cho mẹ. Các em đặt cho anh ta đủ các thứ tên mà các em mến phục. Có em gọi anh là Võ Tòng đả hổ, có em gọi là Báo tử đầu Lâm Xung, là Phương Thế Ngọc, Tiêu Đại Bàng, Nhất Chi Mai... Lại có những em về nhà lấy củi hì hụi đẽo một thanh kiếm gỗ mơ ước trở thành một trang anh hùng hiệp sĩ kiêu như Anh chàng hiệp sĩ bằng gỗ của ông lão làm nghề múa rối rong ấy...

II

**Nhưng chuyện Anh
chàng hiệp sĩ gỗ không
phải chỉ có thế, nó còn**

**nhieu điều bí ẩn không thể
ai biết được. Các em nhỏ ở
thị trấn Bến Cam không
biết đã đành, mà ngay cả
đến ông lão mùa rồi là
người sinh ra nó cũng
không thể ai biết được. Đó
là cuộc sống và những tâm
sự riêng của con rồi hiệp sĩ
ấy.**

**Mỗi đêm, khi những
tiếng động của cuộc sống
loài người lắng xuống, ông
lão múa rối sau một ngày
làm việc mệt nhọc đã uống
hết một cút rượu, nằm ôm
đầu ngáy như sấm trong
một góc buồng trọ tồi tàn
ngoài bến sông.**

Giờ này là của những

**con chuột rúc rích trong
các khe tường kiếm ăn.
Giun để ti tỉ tìm nhau than
thở dưới những búi cỏ...**

**Bóng tối đã bò ra trùm
lên mọi vật tấm màn đen
bí mật của mình. Trong
thanh vắng, những vật
ban ngày không có linh
hồn bỗng như sống dậy,**

hoạt động âm thầm trong
cái thế giới riêng biệt của
chúng nó. Mấy cây đa trên
cái bờ đê cao như vui
mừng hơn, chúng nó vươn
dài những cành lá ra,
khoác vai nhau thủ thủ kể
lại những chuyện đời xưa,
đời xưa của khúc sông
này. Mặt sông thì yên lặng
suy nghĩ, lúc tối lúc sáng,

**mỗi bạn có một trận gió
thổi qua lại thổi “à” lên
một tiếng náo nùng.**

**Ở trong góc cái hòm xe
của ông già múa rối, anh
chàng hiệp sĩ bằng gỗ lúc
bấy giờ đã được ông lão
treo cẩn thận lên một cái
đinh sắt. Trông nó lủng
lẳng như người bị treo cổ,**

**các bạn xung quanh nó
đều được treo lên như thế
cả. Loài rôi treo lên như
vậy lại là lúc được nghỉ
ngoi, thanh thản.**

**Đêm khuya, trong cái
thùng gỗ tịch mịch, những
con rôi treo lơ lửng trên
những chiếc đinh. Mùi
băng phiến thơm hắc từ xó**

**tôi tỏa ra, đuổi mấy con
gián hung dữ tìm mỗi chạy
lao xạo bên ngoài những
khe ván hở.**

**Một trận gió đêm thoảng
qua, bay lọt vào khe lay
động những con rỗi.
Chúng nó chột rùng mình
bàng hoàng tỉnh dậy và
bắt đầu sống theo cái đời**

sống riêng của loài rỗi.

**Mụ ba giai gầy rạc ngáp
một tiếng thật dài lên
tiếng. Đêm nào mụ cũng
nói trước tiên. Mụ ngoác
cái mồm rộng ra đến tận
mang tai xoe xoe như lúc
cãi nhau :**

- Thế nào các người! Tết

**nhất năm nay tôi phải réo
nợ những nhà ai? Ai thuê
tôi đi réo nợ chứ hả? Hả...**

- Nợ nan cái đéch gì!

**Thối chữa. - Anh cả kiết
bữu môi lâu bầu bảo mụ ba
giai - Ở trong cái hòm rồi
này anh đéch nào nợ anh
nào mà nặng cả lên.
Không biết đường thối!...**

**Cô công chúa khăn vàng
mau miệng vội gạt đi. Cô
ta bàn nên quay về việc
chuẩn bị tổ chức ngày tết
cho thật vui. Theo ý cô nên
tổ chức theo hình thức
mới, đàn sáo, múa hát cho
vui. Ông lão say, mặt lúc
nào cũng đỏ như gấc chín.
Một tay vẫn cầm râu thật,
một tay cầm bầu rượu, tức**

**thì phản đối. Lão lắc đầu
quây quây, kè nhè giọng
rượu :**

**- Phải say! Tết nhất phải
say túy lúy cung thang thì
mấy thích.**

Lão cất tiếng ồ ề ngâm:

“Nêu cao ư ư... pháo đỏ,

**bánh ứ ứ chưng xanh... ư
ư... Thịt mỡ ứ... dưa a...
hành, câu đối đỏ...”**

**Họ nhà rồi chẳng ai
buồn nghe lão, bởi vì mỗi
người mỗi ý. Theo mẹ con
bà lão gấu già thì ăn tết
phải có mật ong. Chị
chàng mãn tam thể lại
thích ăn tết bằng chuột**

**nhất. Lão hồ xám tức
mình gằm lên, lão gạt hết
cả mọi ý kiến. Lão bảo tết
năm nay lão phải xoi ít
nhất là ba anh chàng bò
mộng.**

**Thế là ồn cả lên, bò, lợn,
hươu, thỏ nhao nhao phản
đối lão hồ. Họ bảo hồ như
thế là không tốt, là quân**

**hung dữ. Bò vàng thì tức
lắm, anh ta vừa run vừa
cãi lại hổ.**

**Mấy bà gái góa chẳng
nói gì, cứ thấy hai tay ôm
má buồn rười rượi, cô tiểu
thơ áo xanh lại trách móc
anh chàng công tử bột là
khô khan. Ở ngoài sân
khấu thì mắt la mày lét,**

**bây giờ lại làm bộ, làm làm
cái mặt. “Thiếu cảm tình”!**

**Anh chàng hiệp sĩ gỗ vẫn
âm thầm trong một góc tối:
Đêm nay anh ta bỗng thấy
lòng buồn một cách lạ
lùng. Không phải vì sự
quạnh vắng của đêm tối,
cũng không phải vì các
bạn anh cãi nhau. Chuyện**

**cãi vãi nhau như vậy, họ
nhà rỗi của anh là chuyện
rất thường vì thật ra, tiếng
răng cũng là rỗi cả đấy,
nhưng có ai giống ai đâu.
Họ mỗi người mang một
hình thù, mỗi hình thù có
một tính nết riêng. Vậy thì
có điều gì đáng cho anh
phải buồn? Anh tìm mãi
không ra duyên cớ.**

**Mọi đêm, vào giờ này,
trong khi các bạn anh cãi
vã nhau thì anh nghĩ lại
những việc anh đã làm
trong một ngày đã qua.
Anh nghĩ: ngày hôm ấy
anh đã trừ được mấy tên
gian ác, đuổi được mấy lần
thú dữ. Anh đã cứu được
bao nhiêu người gặp tai
nạn hiểm nghèo. Anh còn**

**lan man nghĩ đến những
công việc ngày tới sẽ phải
làm những gì nữa cho
xứng đáng với những nét
mặt, những ánh mắt,
miệng cười của các bạn
nhỏ đã xem anh.**

**Nhưng đêm nay, không
hiếu vì lẽ gì, đầu óc anh
chàng hiệp sĩ ấy vẫn lên**

**những ý nghĩ vu vơ, day
đứt trong người, những ý
nghĩ làm anh bức dọc khó
chịu, có lúc anh như muốn
khóc, có lúc lại như muốn
gào thét lên.**

**Xung quanh các bạn anh
cãi nhau đến chán miệng
đã quay ra ngủ cả rồi. Cô
công chúa khăn vàng đầu**

**ngọạ sang một bên, hai
tay buông thõng xuống, rũ
rượi như một cái xác. Lão
hổ xám vẫn ngồi mở hai
mắt trừng trừng ra mà
ngáy...**

**Ngoài sông sương xuống
trắng xóa. Không biết anh
gà nào ở dưới bên đang
ráng sức gáy gọi ông mặt**

trời. Gần sáng rồi.

**Anh chàng hiệp sĩ gỗ
bỗng thấy rùng mình.**

**Theo hơi gió từ ngoài sông
thoảng vào, anh chợt nghe
có tiếng người đang nức
nở khóc trong bóng tối.**

**Tiếng khóc xói vào mặt
anh, kể lể những đau khổ,
cùng cực của một ông lão**

ăn mày mù. Ông lão có một con chó vàng rất khôn. Ngày ngày con chó dắt ông lão đi khắp chợ ăn xin, đêm về hai “thầy trò” lại ôm nhau ngủ ở dưới gốc đa ngoài quán trọ.

Cuộc đời nghèo khổ đã cướp đi của ông lão hai con mắt. Ông lão chỉ còn

**trông vào con chó nuôi
sống tuổi già. Vậy mà
không biết đưa ác tâm nào
lại đánh bả con chó của
ông lão chết, cướp đi cái
nguồn sống, và tình
thương yêu cuối cùng của
con người tàn tật ấy.**

**Người anh chàng hiệp sĩ
bỗng sôi lên. Anh lại gặp**

**cảnh bắt công như anh
vẫn gặp thường ngày trên
sân khấu đây. Anh phải
xông ra, đem hết tài lực
của mình cứu giúp ông
lão. Anh phải tìm kiếm
bằng được đôi mắt chữa
cho ông lão khỏi mù. Anh
phải trừng trị kẻ đã cướp
đi con chó khôn ngoan,
chung thủy của ông lão.**

**Anh phải xông ra! Và
anh xông ra đây!...**

**Trong người anh chàng
hiệp sĩ ấy tức thì dội lên
một nỗi đau buồn chưa
từng thấy có trong đời.**

**Khốn nạn! Anh chỉ là
một con múa rối. Xương
cốt anh chẳng qua cũng**

chỉ là một mẫu gỗ. Anh cũng như con bò vàng, mẹ con bác gấu, hay cô tiểu thư áo xanh v.v... các bạn rồi treo quanh đây. Anh có hơn gì ai, thanh gươm vẫn đeo rất oai nghiêm trên lưng bây giờ anh có rút ra được đâu. “Thanh gươm của mình, đeo trên lưng mình mà không rút ra

được!” Chao ôi! Thì ra từ trước đến nay anh chỉ múa may quay cuồng được ở trong cái thùng gỗ mọt bé nhỏ này, và anh hùng hảo hán bằng mười đầu ngón tay điều khiển của ông lão làm nghề múa rối.

Anh chàng hiệp sĩ ấy thương thân quá. Anh

**muốn khóc, anh muốn
khóc cho rõ thảm thiết.
Nhưng, khốn nạn thân
anh, đến một giọt nước
mắt cũng không có ở một
người gỗ như anh để mà
chảy ra cho hợp với nỗi ai
oán của lòng mình lúc này.
Bên ngoài, tất cả những
anh gà trống bông cùng
thi nhau cong cổ réo ông**

**lão mặt trời dậy. Dưới bên
đã nghe tiếng người í ới
gọi nhau, tiếng vo gạo sàn
sạt. Bấy giờ ông lão mặt
trời mới uể oải chống tay
vào sườn núi ngồi lên.**

Sáng rõ mặt người rồi...

**Từ đêm nghe tiếng khóc của ông lão ăn mày mù
lòa ấy, anh chàng hiệp sĩ gỗ bỗng sinh ra nghĩ ngợi.
Tiếng khóc khơi ra trong cái đời sống tù hãm của
anh những khát vọng kỳ lạ.**

Anh muốn hóa thành người thực, và thanh gươm của anh thành một thanh gươm thực. Anh sẽ mang thanh gươm báu ấy ra khỏi cái hòm gỗ bé nhỏ này bước vào cuộc sống đầy khổ cực, bất công của xã hội bên ngoài kia. Anh sẽ vung thanh gươm ấy lên như khi anh vung gươm diễn trò trên sân khấu, san bằng mọi bất công, oan trái ở trên đời. Anh sẽ làm cho trên mặt đất này không còn có tiếng khóc thảm thiết như tiếng khóc của ông lão ăn mày mù mắt chó. Những mơ ước viễn vông ấy làm cho anh chàng hiệp sĩ ấy hăng hái, vui sướng, anh nuôi những ý nghĩ ấy trong lòng.

Mấy hôm nay anh chàng hiệp sĩ còn nhận ra ở dưới gốc cây đa đen ngòm và lạnh lẽo kia không phải chỉ có một ông lão ăn mày khóc. Ở đấy còn có nhiều tiếng khóc, tiếng rên rỉ, than thở khác nữa. Càng gần ngày giáp tết tiếng rên rỉ từ trong bóng tối cây đa đưa ra càng nhiều. Đó là những người ăn mày, những đứa trẻ vô thừa nhận, những người già ốm yếu không có con cái, cửa nhà; ban ngày lang thang đầu đường xó chợ kiếm ăn, ban đêm lại kéo

nhau về nằm vạ nằm vật dưới bóng cây đa này.

**Ý muốn hóa thành người thật lại càng nung nấu,
day dứt trong người anh chàng hiệp sĩ gỗ.**

**Một đêm anh đem cái ý nghĩ ấy ra trình bày với
các bạn trong họ nhà rôi của anh. Anh nói với tất cả
tấm lòng tha thiết chân thành của mình. Nhưng bạn
rôi lúc ấy đang mải cãi nhau về chuyện ngày Tết.
Vẫn lại cô công chúa khăn vàng cãi nhau với ông lão
say. Mẹ con bà gấu đòi ăn tết mật ong, chị chàng
tam thể lại thích tết nhất phải có món thịt chuột,
còn anh bò vàng thì run rẩy cãi lại lão hổ xám.**

**Anh chàng hiệp sĩ phải nói đến lần thứ ba, dám
rời mới ngừng cãi nhau để nghe. Và, khi họ nghe
thủng cái ý muốn của anh chàng hiệp sĩ rồi thì cả
bọn đều lăn ra mà cười. Họ bảo anh ta là đồ dở hơi,
đồ gàn, đồ điên... Cái thứ bằng một mẩu gỗ một ấy
mà dám nghĩ đến chuyện làm người. Gã công tử bột
chun mũi lại, mà cười :**

- Này anh chàng hiệp sĩ của tôi ơi! Anh đừng

tưởng rằng anh tài giỏi gì lắm đâu. Nhà em xin mời ông anh cứ thử bước ra ngoài kia, khỏi cái vòng thơm hắc của mùi băng phiến này xem, mấy cái thằng gián hung tợn ở ngoài ấy nó lại không leo ngay lên mặt anh mà nhấm hết cả hồ dán trên tóc, trên mũ, trên áo quần của anh ấy à. Hừ, tưởng bở!...

Anh chàng hiệp sĩ lạng thình không nói. Họ không hiểu nổi anh thật. Làm sao mà những con gấu, con bò, lão say rượu với gã công tử bột... hiểu nổi tâm sự của một chàng hiệp sĩ!

Anh ngao ngán nhìn qua khe thùng gỗ thở dài.

Trong đêm tối, những ánh đèn đỏ ủa đang lù đù qua lại dưới mấy cái xóm nghèo ngoài bến sông. Đêm nay là đêm ba mươi tết rồi, những ánh đèn ấy là những ánh đèn đi đòi nợ. Từ những ánh đèn quỷ quái ấy tiếng chửi bới cứ rú lên những tiếng nanh ác, sắc nhọn như mũi dao đâm vào da thịt. Và, ở dưới gốc cây đa tối, mỗi lần tiếng chửi rửa văng đến thì những tiếng than thở, rên rỉ, lại đưa ra thê thảm, ai oán hơn.

- Mẹ ơi!... Sao lại không ngủ ở nhà hả mẹ?

**Có tiếng một em bé nào nói khe khẽ ở dưới gốc
đá. Tiếng em thanh thanh, run rẩy như tiếng chim
non :**

**- Thôi ngủ đi con. Đừng hỏi nữa, khổ mẹ lắm con
ơi!...**

- Cơ mà con rét lắm mẹ ạ.

Tiếng người mẹ lại thều thào vắng lên :

**- Đây, mẹ vẫn ôm con vào lòng đây. Mẹ đã cởi hết
áo của mẹ ủ cho con rồi... Con ngủ đi chóng ngoan...
Con thôi...**

**Một trận gió ào lên thổi bạt tiếng người mẹ đi.
Đêm tối thăm thẳm, và lạnh buốt. Bóng những ngọn
đèn nhập nhòa vẫn đi lại trong mấy cái xóm nghèo
dưới bến. Các bạn rồi đã quên hết những chuyện cãi
nhau, ngủ im cả rồi. Ông lão múa rối, đêm nay
không biết lang thang ở đâu vẫn chưa thấy về. Có lẽ
ông lão buồn. Năm cùng tháng tận, một mình thân**

già tha phương cầu thực...

**Tiếng em bé lại cất lên hỏi mẹ. Tiếng em nghe
ngoan quá.**

**- Mẹ ơi! Bao giờ thì mẹ con ta được về nhà hả
mẹ?**

**- Đến giao thừa con ạ. Năm mới về thì người ta
không đòi nợ nữa...**

**À thì ra đó là hai mẹ con nhà ai đêm ba mươi tết
trốn nợ ra đây. Anh chàng hiệp sĩ nghe mà tối sầm
cả tâm trí. Sắp qua một năm rồi, anh càng bồn chồn,
nóng ruột. Anh muốn thành người ngay. Anh phải là
người thật, thanh gươm của anh phải là thanh gươm
thật, anh mới thực sự giúp ích cho đời. Nhưng tiếng
em bé ngoài gốc đa bỗng reo lên, cắt ngang ý nghĩ
của anh chàng hiệp sĩ gồ.**

**- Năm mới người ta không đòi nợ nữa à. A, thế
thì thích quá mẹ nhỉ. Năm mới mẹ phải may áo mới
cho con nhá. Mẹ gói cả bánh chưng nữa nhá, mẹ**

mua cả tranh tết nữa nhá. Con thích tranh lắm cơ.

**Tiếng em bé trong sáng và vui tươi lạ lùng.
Ngừng một lúc - chắc là em đang tưởng tượng cái
năm mới đầy hạnh phúc của em - em tiếp :**

**- À mẹ này! Năm mới bố con có về không mẹ
nhỉ? Những đứa bạn con, chúng nó cứ bảo: bố mày
chết rồi. Chúng nó nói dối đấy mẹ ạ, không phải
đâu, năm nay thế nào bố cũng về... bố về thì mẹ
phải mua rượu cho bố uống nữa nhé!...**

- Ừ, thôi ngủ đi con!

**- Không, con không ngủ nữa. Con phải thức chờ
năm mới chứ. Bao giờ năm mới hả mẹ?**

**- Chóc nữa, bao giờ có nhiều pháo nổ thì là năm
mới.**

**- Thế ư? Thế thì sướng quá. Con sướng quá. Lạy
giời pháo nổ mau lên! Pháo nổ mau lên, cho chóng
đến năm mới...**

Em bé bỗng nín bật. Từ dưới bên sông, một ngọn đèn đỏ quạch lừ đừ đi lên.

- Người ta đến bắt nợ, mẹ ơi!...

- Im con.

Ngọn đèn lẳng lặng đi qua góc đa, rồi rẽ vào trong nhà trọ của ông lão múa rối.

Anh chàng hiệp sĩ bỗng thấy một cái đầu người đàn bà thò vào trong thùng gỗ. Một tay mụ cầm ngọn đèn nhỏ giơ ra phía trước, một tay cầm cái quạt giấy che kín nửa mặt. Hai con mắt nhỏ sáng, hau háu lác lác đảo nhìn quanh hòm xe. Mụ cất tiếng khàn khàn hỏi :

- Ngủ cả rồi à?... Có ai còn thức không?...

- Tôi. Tôi còn thức đây. - Anh chàng hiệp sĩ lên tiếng - Bà đến đòi nợ ai đấy? Bà nhầm nhà rồi.

- Không. Tao đi tìm thằng hiệp sĩ gỗ. Mà có biết nó đâu không?

- Tôi đây. Tôi là hiệp sĩ gỗ đây.

- À...

Mụ đàn bà giơ ngọn đèn soi lên mặt anh chàng hiệp sĩ gỗ, khẽ reo lên :

- Mày là hiệp sĩ... Anh là hiệp sĩ đấy.

- Vâng.

- Tôi đi tìm anh từ chập tối... Ai biết ông lão lại trợ mãi tận đây... Anh có biết đêm nay tôi tìm anh có việc gì không?...

Mụ yên lặng nhìn anh chàng hiệp sĩ, những nếp nhăn ở đuôi hai con mắt nheo lại. Mụ cười :

- Mày thì biết thế nào được, tao là bà tiên đây. Cuối năm tao xuống trần gian để giúp đỡ muôn loài. Tao biết mày vẫn thích thành người. Cho nên hôm nay tao đến đây phù phép cho mày thành người thật.

Anh chàng hiệp sĩ bàng hoàng cả người. Anh

không biết trả lời thế nào. Sự việc đến với anh đột ngột quá, anh bối rối, ngờ vực. Anh không dám tin lời mụ già nói là thật. Mụ già ấy lại hỏi :

- Thế nào mày nói lên chứ. Mày có... anh có muốn làm người không? Tà là bà tiên thật đây mà, ta không nói dối đâu.

- Bà là bà tiên thật ư?...

Anh chàng hiệp sĩ gỗ khe khẽ hỏi lại, giọng anh run lên vì cảm động.

- Thưa bà tiên, vâng, từ lâu tôi vẫn ao ước thành người...

- Thế thì ta sẽ cho anh thành người. Tà sẽ cho cả thanh gươm gỗ của anh thành thanh gươm thật. Một thanh gươm quý chém sắt như bùn, chém rụng đầu người không kịp dây máu. Ha ha anh sẽ ở với ta. Tà sẽ cho anh một con ngựa hồng. Anh cưỡi con ngựa hồng, đeo thanh gươm báu đi suốt dọc hai bờ con sông thị trấn này: chỗ nào có vườn cam, vườn

quýt ấy là của ta, anh sẽ thu về cho ta. Anh muốn
bạc vàng, có bạc vàng, anh muốn có châu báu được
châu báu...

- Không! Không, thưa bà... - Anh chàng hiệp sĩ
vội ngắt lời cụ già - Tôi muốn làm người không
phải để cưỡi ngựa hồng, đeo gươm quý, không phải
để có được nhiều bạc vàng, châu báu. Bà tiên ơi! Bà
hãy quay đầu lại nhìn ra gốc cây đa ngoài kia mà
coi... Đây! Ở trong cái hốc tối như miệng một cái cửa
ngục ấy đêm đêm tiếng rên rỉ, khóc than đưa ra ai
oán, thê thảm lắm. Ở dưới có ông già mù cả hai mắt,
có những người què quặt, đói rét, có bà mẹ trốn nợ
đêm ba mươi, phải cởi trần lấy áo ủ cho con, và đứa
con thì chờ tết để được về nhà, được ăn bánh, chơi
tranh và mặc áo mới... Bà ơi! Bà tiên ơi... Tôi làm
người, tôi sẽ mang thanh gươm của tôi đi, tôi sẽ diệt
trừ hết những quân cường bạo, những đứa gian
tham. Tôi sẽ diệt trừ chúng nó như ông lão chủ tôi
diệt trừ những con gián, con mọt ghê tởm làm hại
loài rỗi chúng tôi. Bà tiên ơi! Tôi muốn rằng trên
mặt đất sẽ không còn có người mù lòa tàn tật,

không còn có tiếng than vãn, khóc lóc. Không có người ốm, không có người chết. Trẻ em có áo mới mặc ngày tết, người già mùa rét có chăn đắp, mẹ con được thương yêu nhau ở dưới mái nhà ấm cúng của mình... Thừa bà tôi sẽ...

Anh chàng hiệp sĩ gỗ nói rất say sưa. Anh nói với tất cả những mong mỏi, khao khát bấy lâu của lòng mình. Còn mặt già lại rũ xuống mà cười, mặt cười khánh khách, khánh khách.

Dứt cơn cười, mặt nhìn anh chàng hiệp sĩ lắc lắc cái đầu, có vẻ thương hại :

- Mày!... Mày, cái thứ bằng một mẩu gỗ một ấy cũng dám có những ý nghĩ ngông cuồng đến thế ư?... Nhưng thôi cũng được. Tao cũng cho mày làm người. Ui chao ơi! Sao cái bọn trẻ ranh chúng mày đùa nào cũng giống nhau thế. Đùa nào cũng mơ tưởng những là thế này thế nọ... Rồi đấy! Mày sẽ biết. Tao cũng cầu giới khấn phật mong cho mày giữ được những lời mày nói... Thôi bây giờ thì tao hóa cho mày thành người thật biết không. Nhưng mày phải

hứa với tao, mày phải thề trước mặt tao rằng thành người rồi, việc trước tiên là mày phải giết một người...

- Phải giết một người?

- Ủ. Phải giết một đứa con gái.

Mụ già nhìn chăm chặp vào mặt anh hiệp sĩ. Hai mắt mụ nhỏ lại, trong suốt.

- Thưa bà, vì sao tôi lại phải giết người?

- Vì sao à? - Mụ già hỏi lại - Vì... vì có giết một người thì tao mới lấy hồn nó cho mày được. Nếu không mày chỉ sống được đến gà gáy thứ nhất mày sẽ trở lại kiếp gỗ. Vì tao là bà tiên. Mày nhớ tao là tiên chứ? Tao thấy đứa con gái ấy là một đứa gian ngoan ghê gớm. Nó đã giết mẹ nó đấy, cho nên phải trừng trị nó. Thế nào? Mày có dám giết nó không?

Mụ cười khẩy :

- Tao nghe mày nói làm người, mày sẽ mang

thanh gươm của mày đi làm những cái gì ghê gớm lắm, thế mà giết một đứa con gái cũng không dám kia à?... Thôi, đây này. Một đảng làm người thật, và một đảng làm người giả, người gổ thì...

- Thừa bà... - Anh chàng hiệp sĩ vội lấp bắp hỏi - Thừa bà đứa con gái ấy nó giết mẹ nó?...

- Ủ. Nó giết mẹ nó. Nó còn đang định giết cả em nó nữa kia đấy.

- Nó định giết cả em nó nữa?... Vâng. Tôi xin nhận.

- Thế thì mày phải thề trước mặt tao, mày thề đi. Mày phải thề rằng nếu mày không giết đứa con gái ấy thì sấm sét sẽ đánh chết mày. Mày sẽ lại trở về kiếp gổ, muôn đời nghìn kiếp chỉ là một khúc gổ mọt. Mày thề đi!

- Vâng. Tôi xin thề như vậy.

Mụ già gật gù cái đầu, mụ đặt cây đèn lên nóc hòm xe, nhắc anh chàng hiệp sĩ gổ ấy ra khỏi cái

đinh sắt, giờ lên. Tay kia mục cầm chiếc quạt phẩy nhẹ vào mặt anh ba cái liền. Một luồng gió thơm ngát bay ra, tức thì hai con mắt khô cứng vẫn mở trên trên của anh chàng hiệp sĩ nhấp nháy, đảo qua đảo lại, môi mấp máy, và hai cánh mũi phập phồng thở ra những làn hơi ấm. Chân tay anh đã biết cựa quậy.

Mụ già đặt anh hiệp sĩ đứng xuống đất. Anh lão đảo trên đôi chân còn run rẩy của mình. Từ đất bỗng chuyển lên một sức mới, anh rùng mình vươn lên, thở ra một tiếng thật dài, biến thành một người bằng xương bằng thịt cao lớn, vững chãi. Mụ già cầm lấy tay chàng hiệp sĩ kéo đi. Mụ nói như ra lệnh :

- Thôi, đi theo ta, mau!...

III

**Mạ già ấy không phải là
bà tiên. Mụ chính là một
con mẹ phù thủy tai ác,
nanh độc khét tiếng ở
vùng này. Trong cái khu
vực cây cối um tùm như
rừng mụ ở, ít lâu nay lúc
nào người ta cũng thấy có
tiếng người kêu khóc thảm
thiết đưa ra. Không ai biết
mụ làm gì trong ấy, cũng**

không ai dám tò mò lại gần xem. Người ta sợ mù thù, sợ như sợ một con rắn độc.

Từ lâu, mù phù thủy vẫn có ý định giết một cô gái con chồng để chiếm đoạt gia tài. Mỗi năm mùa xuân đến, cô gái nhớn lên thêm một tuổi, thì cái ý nghĩ giết

con chồng lại càng quyết liệt thêm trong người mẹ.

Mẹ đã sai một người vú già đánh thuốc độc cho cô gái ấy chết. Nhưng người vú già trung hậu đã không giết cô, bà lão báo cái tin ghê gớm ấy cho cô biết, và trốn đi. Từ đấy, mẹ phù thủy giam cô gái vào cái hầm thóc ở cuối vườn.

**Những tiếng kêu khóc
thảm thiết mà người ta
vẫn nghe thấy chính là
tiếng khóc của cô gái tội
nghiệp ấy.**

**Đêm nay là đêm ba mươi
tết rồi, chỉ còn có một lúc
nữa thì bắt đầu một năm
mới. Bao nhiêu hy vọng,
bao nhiêu tin tưởng của**

**bao nhiêu con người trên
mặt đất này đều đặt ra
trong cái phút thiêng liêng
ấy. Ở trong lăm thóc, cô
gái cũng thôi không khóc
nữa. Cô khóc đã nhiều rồi,
nước mắt không thể cứu
cô ra khỏi chốn này. Và
trong bóng tối chờ đợi của
đêm giao thừa, cô bỗng
nảy ra nhiều ý nghĩ lạ**

**lòng. Cô nghĩ rằng: trong
mênh mông của đất trời,
mùa xuân đang lần lần
bước tới. Mùa xuân đến sẽ
mang lại hạnh phúc cho
muôn loài. Cây cối khô cằn
sẽ đâm chồi nảy lộc. Hoa
nở, chim hót, bướm bay và
người người vui mừng
hớn hở đón mùa xuân vào
cuộc đời của mình. Mùa**

**xuân đến hạnh phúc tràn
đầy như vậy, cô không thể
chết héo trong cái lẫm thóc
tối tăm, lạnh lẽo này được.**

**Cô nghĩ, có lẽ lúc ấy sẽ có
người đến để cứu cô. Một
bà tiên nhiều phép nhiệm
màu. Một ông Bụt... -**

**Ngày xưa, trong truyện
Tám Cám, Bụt đã hiện lên
cứu cô Tám vì bị mẹ ghẻ**

hành hạ, thì cảnh cô bây giờ Bụt cũng hiện lên cứu cô ra khỏi chốn này - một ông Bụt hiền từ, chống gậy tầm sách đến với cô, làm sáng rực cả lăm thóc. Cô sẽ quỳ xuống dưới chân Bụt kể lể hết nỗi oan khổ của mình. Bụt sẽ dịu dàng nói: “Con ơi! Ta đã biết hết nỗi khổ của con rồi. Đêm nay

**ta đến cứu con đây”. Và
Bụt chống mạnh cây gậy
tầm sách xuống đất, tức thì
muôn đạo hào quang từ
cây gậy thần phát ra phá
tan cả cái lăm thóc vẩn
giam hãm cô.**

**Cô gái bỗng hốt hoảng
vùng dậy. Từ phía cửa,
không biết vì sao, khóa và**

xích bỗng rơi xuống loảng
toảng, rồi cánh cửa bật
tung ra. Ánh sáng từ ngoài
rọi vào trong cái lẫm thóc
tối. Trong ánh sáng của
cây đèn, bóng một người
hiện ra. Không phải là
một bà tiên, cũng không
phải là Bụt, mà là một
chàng trai trẻ mắt sáng
như sao, mũi thẳng, cằm

**vuông. Đầu đội khăn vớ
sinh màu nguyệt bạch,
mình bận chiến bào lục
anh vũ, chân đi ủng tía.
Trên lưng cài một thanh
kiếm có thắt dải lụa hồng
bay phơ phất.**

**Trong cái cảnh tăm tối ở
đây, những áo quần màu
sắc ấy, rõ ràng hắt lên.**

**Cô gái sững sờ nhìn
chàng trai trẻ cầm cây đèn
đỉnh đặc bước vào, cô
bàng hoàng tưởng như
đang ở một giấc mộng đẹp
đẽ nào. Người đời làm gì
có người ăn mặc rực rỡ, kỳ
lạ như thế kia. Đi đứng oai
ng nghiêm đỉnh đặc như thế
kia. Có lẽ đây là người mà
tiên, Bụt cho xuống cứu**

**mình? Cô vội sửa lại mái
tóc chạy ra đón.**

- Anh! Anh là ai?

- Tôi là hiệp sĩ.

**- Anh là hiệp sĩ? Trời
ơì...**

**Trong lòng cô gái bỗng
sáng rực lên những niềm**

vui tin.

**- Anh là hiệp sĩ? Có phải
anh đến cứu tôi đây
không?**

- Không, tôi đến giết cô.

**Mặt anh chàng hiệp sĩ
ng nghiêm lại. Anh nói rành
rọt từng tiếng.**

**- Không! Không! Tôi
không thể tin được anh lại
giết tôi.**

**Anh chàng hiệp sĩ đặt
cây đèn lên bệ, rút thanh
gươm ra, tiến lên một
bước, dẫn giọng :**

**- Vì sao cô lại tin tôi
không giết cô? Có phải răn**

**rét ở trong lòng cô đang
hiện ra trong những lời
nói khôn ngoan ấy không?**

**- Không! Không phải thế
đâu. Tôi không thể nào tin
anh lại giết tôi được vì
rằng tôi trông anh...**

**Người con gái ngược mắt
lên nhìn chăm chăm vào**

**anh chàng hiệp sĩ. Hai mắt
cô gái to và đen láy. Hai
con mắt ấy bỗng vụt sáng
lên, như chợt nhận thấy
một điều gì vui sướng. Cô
vội chạy lại gần anh chàng
hiệp sĩ, mừng rỡ nói :**

**-Tôi trông anh quen
lắm... Phải rồi, tôi quen
anh đã chín mười năm**

**nay, từ hồi tôi hãy còn để
chỏm. Tôi trông anh giống
như một con rối của ông
lão múa rối rong, cứ đến
cuối năm lại về đây diễn
trò. Một con rối chuyên
đóng vai hiệp sĩ cứu đời.
Anh cũng là hiệp sĩ. Đây
nay, cái khăn đội cũng
màu nguyệt bạch. Cũng áo
chiến bào lục, đôi ủng tía.**

**Và, thanh gươm. Thanh
gươm cũng có dải lụa
hồng buộc ở chuôi, như
thanh gươm anh đang cầm
ở tay kia. Trời ơi! Sao anh
giống con rôi ấy thế. Từ bé
xem múa rôi, tôi đã yêu
thích, mến phục con rôi ấy
lắm. Thật là một con rôi
anh hùng, mỗi khi nó vung
thanh gươm của nó lên thì**

mọi sự bất công, ngang
trái đều được san bằng,
người ngay thẳng trung
hậu được giúp đỡ, đưa
hung ác, gian tham phải
trị tội. Tôi chưa từng thấy
con rôi ấy giết người hiền
lành ngay thẳng bao giờ.
Vì vậy tôi không thể nào
tin anh lại giết tôi. Anh
hiệp sĩ ơi!... Tôi không thể

nào tin được.

**Anh chàng hiệp sĩ thấy
bối rối. Những lời nói
chân thành của cô gái làm
xúc động lòng anh. Trong
óc anh bỗng hiện lên rất
nhanh quãng đời còn làm
con rối của anh khi trước.
Anh nhớ từng tích, từng
việc rất rõ. Anh nhớ anh**

**đã giết những loại gian ác,
hùm beo, yêu quái; và anh
đã cứu được bao nhiêu cô
bé, bao nhiêu ông già, bao
nhiều chú thỏ hiền lành
ngây thơ... Giọng nói và
nét mặt còn trẻ măng của
cô gái đứng trước mặt anh
kia, không phải là giọng
nói và nét mặt kẻ có tội.
Những đứa có tội thì tội ác**

**đeo trên mặt nó. Nó không
thể giấu được. Đúng rồi,
trong quãng đời còn làm
con rồi, anh chưa giết một
người nào như thế này.**

**Thanh gươm anh đã giơ
lên, bỗng lại từ từ hạ
xuống. Anh hỏi cô gái :**

- Nhưng sao có người lại

**nói với tôi rằng cô đã giết
người.**

**- Có người bảo rằng tôi
giết người?**

**Hai mắt cô gái tròn lên,
kinh sợ.**

**- Phải, một bà tiên bảo
tôi rằng cô đã giết mẹ. Cô**

còn định giết cả em cô nữa.

- Tôi mà giết mẹ tôi? Trời ơi! Sao lại có chuyện lạ như vậy? Một bà tiên bảo anh?... Thôi, thôi anh nhầm rồi. Anh mắc lừa rồi. Không phải là tiên đâu. Mẹ ghẻ tôi đấy...

Nước mắt người con gái

**tràn ra chảy ròng ròng
trên má. Anh chàng hiệp sĩ
bỗng rùng mình, có một
cảm giác rất lạ. Một cảm
giác mà khi là gỗ anh
không thấy. Một cảm giác
làm anh bồi hồi, lo lắng
đang chạy rồn rập trong
lòng ngực anh. Anh trông
thấy nước mắt. Lần đầu
tiên anh trông thấy nước**

**mắt, mà lại là nước mắt
của một cô gái ngây thơ,
hiền hậu chảy ra. Anh
thấy hình như yếu đuối,
hình như những ý chí
chiến đấu trong người bấy
lâu bị huyệt đi. Anh bỗng
quát lên để trấn áp lòng
mình :**

- Mẹ ghẻ cô?...

- Vâng, mẹ ghẻ tôi. Bà ấy là một mụ phù thủy. Bà ấy vẫn có cái quạt phép che nửa mặt... Bà ấy đã giết mẹ tôi, và còn đang định giết tôi để chiếm đoạt cái gia tài này... Anh hiệp sĩ ơi! Anh có biết vì sao tôi bị giam hãm ở đây không? Anh thử nghĩ xem ở cảnh đời này, một người làm

**nên tội ác, có bao giờ giữa
đêm ba mươi tết này lại bị
giam cầm trong cái hầm
thóc bỏ hoang tám tối này
không?**

**Anh chàng hiệp sĩ nín
lặng, cúi đầu suy nghĩ.
Những lời cô gái nói, anh
thấy là có lý. Phải rồi,
những kẻ làm nên tội ác**

**nhất định không ở cái
chốn tối tăm tối tàn này,
cũng như những người
rên rỉ ở dưới gốc đa trước
nhà anh trọ, những người
ấy nhất định không làm
nên tội ác.**

**Vậy thì anh nên xử trí
thế nào? Nên giết, hay nên
tha cho cô gái? Chao ôi!**

Việc của người đời, anh mới bước chân vào, sao lắm nỗi éo le, khó hiểu làm vậy? Bỗng anh quay người chạy vút ra ngoài bóng tối. Ở trong một cái miếu nhỏ gần đấy, mục phù thủy đang ngồi thu mình dưới ngọn đèn xanh như hạt đỗ. Nghe tiếng chân người thành thị đi ra,

mụ đẳng hắng hỏi :

- Xong rồi chứ?

**Anh chàng hiệp sĩ đã
đứng trước mặt mụ phù
thủy, anh nói :**

**-Tôi không thể giết người
con gái ấy được!**

- Vì sao không giết?

**Mụ vắn to ngọn đèn lên,
nhìn anh chàng hiệp sĩ
một cách dữ tợn.**

**- Tôi không giết, vì tôi
không thể nghe lời một mụ
phù thủy độc ác...**

**Mặt mụ phù thủy tức thì
xám đen lại, rồi trắng bệch
ra. Hai con mắt mụ xanh**

**lè chiếu thẳng vào mắt anh
chàng hiệp sĩ. Mụ nhìn
anh rất lâu, bỗng mụ cười
lên khàn khạch, khàn
khạch. Mụ cười nghe như
hai miếng xương khô cọ
vào nhau.**

**- Màỵ không giết nó?
Màỵ còn nhớ những lời
màỵ thề trước mặt tao**

chứ?

**Mặt mụ sứt lại và tất cả
những nếp răn đều co rúm
vào nhau như miếng vỏ
cây khô.**

**- Phải, tao là phù thủy
đây. Một con mụ phù thủy
độc ác giết người đây. Ủ,
phải rồi. Tao mượn tay**

**mày giết nó đấy! Mà có
giết nó không? Nếu mày
không giết nó tao sẽ bắt
mày trở về kiếp gỗ. Mày sẽ
mục nát ra ngay ở trong
cái miếu này, mày không
về nổi cái hòm gỗ của mày
mà múa may quay cuồng
nữa đâu!**

Tiếng mụ phù thủy nanh

**ác, tàn nhẫn. Mụ không
cần giấu diếm việc mụ làm.**

**Mụ nhận mụ là đứa gian
ác. Anh chàng hiệp sĩ rùng
mình. Đầu óc anh quẩn
lên những ý nghĩ đen tối,
không dứt khoát. Bên tai
anh vẫn nghe văng vẳng
tiếng khóc của ông lão mất
chó. Tiếng mẹ con em bé
trốn nợ trong gốc đa. Anh**

**giết cô gái hay trở về kiếp
gỗ?**

**- Mày ngu dại lắm. Mày
tưởng mày không giết thì
con bé ấy nó sống được à?**

**Mày không giết thì đưa
khác giết. Tao giết, nó cũng
phải chết. Còn mày, mày
làm được cái gì lúc ấy?
Mày cũng đã tự chết tám**

**đời rồi, mày là khúc gỗ
mục, biết chưa?**

**Mụ bỗng thở hắt ra một
tiếng dài ngao ngán :**

**- Chao ôi! Tao vẫn tưởng
mày là đứa chí khí kia đấy.
Ai ngờ chỉ vì một đứa con
gái mà mày bỏ lão ăn mày
mất chó, mày bỏ mẹ con**

**cái đũa trốn nợ, mày bỏ
hết cả chí khí của mày.**

**Mụ ngừng lại nhìn anh
chàng hiệp sĩ một giây, lại
tiếp. Giọng mụ bỗng dịu
hả xuống, khuyên lơn, ve
vuốt :**

**- Mày tưởng rằng con bé
ấy đã khổ sở lắm hay sao!**

**Ở trên đời này những đũa
như nó kể có hàng trăm
hàng nghìn. Mà phải có
can đảm bỏ qua cái khổ
này đi, thì mới cứu được
hàng trăm hàng ngàn cái
khổ khác. Thôi vào đi! Vào
giết nó đi! Tao đợi ngoài
này...**

Anh chàng hiệp sĩ càng

**bối rối, sợ hãi. Anh biết
đây là những lời ma quái
cám dỗ, vậy mà dường
như anh không cưỡng lại
được, dường như có lý.
Anh biết rằng mình không
trần tình nổi lòng mình
nữa rồi. Tiếng mụ phù
thủy bỗng quát lên :**

- Vào! Đi vào! Chần chừ

gì nữa!...

**Tiếng quát đàn áp tinh
thần anh chàng hiệp sĩ.
Anh như bị đẩy đi bởi một
áp lực ma quái. Anh đi
thất thểu vào trong cái lẫm
thóc. Hai mắt đỏ ngầu
ngầu. Anh nắm lấy tay cô
gái, nghiền răng rút thanh
kiếm ra.**

**Cô gái bỗng quỳ xuống,
khóc rưng rức :**

**- Vâng, tôi xin chết. Tôi
xin vui lòng chết dưới lưỡi
gươm của anh. Ở trong
nhà tôi đã nghe hết những
lời mẹ ghẻ tôi nói với anh
rồi. Thì ra anh chính là
con rồi mà tôi mền phục từ
hồi còn bé. Anh hiệp sĩ ơ!**

**Anh muốn làm người để
cứu giúp những người
nghèo khổ, hoạn nạn, như
anh đã từng cứu giúp ở
trong hòm mả rồi khi
xưa. Vâng, tôi xin vui lòng
chết, để anh sống, anh làm
những việc lớn lao, đẹp đẽ
mà tôi thường mơ ước.
Anh chém tôi đi! Vâng.
Anh chém tôi đi...**

**Anh chàng hiệp sĩ bỗng
thở dài buông thõng tay
xuống. Anh xấu hổ. Anh
thấy anh không xứng đáng
với tấm lòng tin cậy, cao cả
của cô gái. Trong một lúc
anh vụt nghĩ đến những
con mắt của những người
bạn trẻ vẫn xem anh diễn
trò ở các chợ. Những con
mắt lay láy, tin cậy, mến**

**phục anh. Những con mắt
ấy nếu chúng nhìn thấy
anh vung gươm lên giết cô
gái trong trắng, hiền hậu
này thì sẽ như thế nào?**

**Những con mắt mãi mãi
dõi theo việc làm của anh.
Đầu óc anh chàng hiệp sĩ
bỗng vụt sáng lên một
cách kỳ lạ. Anh cúi xuống,
nâng cô gái dậy :**

- Tôi không thể giết cô được. Thanh gươm của tôi chỉ để cứu người ngay thẳng trung hậu. Đêm nay tôi sẽ đưa cô ra khỏi cái lùm thóc tối tăm này...

- Không! Anh hiệp sĩ ời! Anh đưa tôi ra khỏi cái lùm thóc này sao được. Mụ phù thủy sẽ thu hồn anh.

**- Mụ không thể thu được
hồn tôi. Tôi chỉ mất hồn
khi tôi làm những điều trái
với lương tâm tôi... Thôi ta
ra khỏi chốn này, mùa
xuân đang chờ chúng ta ở
ngoài kia.**

**Anh chàng hiệp sĩ cầm
tay cô gái dắt ra khỏi hầm
thóc. Tiếng pháo giao thừa**

**bỗng nổ ran lên. Rồi tiếng
trống động thổ ở các đền,
các chùa cũng âm âm nổi
theo.**

**Trong tiếng pháo, tiếng
trống, tiếng mõ phù thủy
rống rít lên :**

**- Thằng hiệp sĩ kia!
Thằng vong ơn bội nghĩa**

**kia! Mày dám phản tao à?
Mày phải chết!**

**Mụ xòe cái quạt đánh
phạch :**

**- Tao sẽ thu hồn mày vào
trong cái quạt này.**

**Anh chàng hiệp sĩ cũng
rút gươm, tiến lên. Anh**

**nhìn thẳng vào mặt mù
phù thủy đông dặc nói :**

**- Thanh gươm này chưa
bao giờ biết sợ những lời
dọa nạt của những kẻ gian
ác.**

**Mù phù thủy cười gằn,
mù giơ chiếc quạt phẩy
nhẹ một cái. Một luồng gió**

**bay ra thổi vào mặt anh
chàng hiệp sĩ lạnh buốt.**

**Anh chàng hiệp sĩ vùng
gương lên đón đỡ. Nhưng
hơi gió từ cái quạt thổi ra
mỗi lúc một dữ dội. Tiếng
gió cứ rít lên quẩn lấy
người anh chàng hiệp sĩ.**

**Anh bỗng rùng mình,
tiếng mụ phù thủy vừa cất**

lên quái gở :

**- Ba hồn bảy vía thẳng
hiệp sĩ ở đâu thì về mà
chịu tô ộ ội!... Về ngay...
Ba hồn bảy vía...**

**Mặt anh chàng hiệp sĩ tối
sẫm lại. Tay chân anh bủn
rủn. Anh thấy hình như
sức sống trong người anh**

**bị rút đi. Và anh ngã
khụy xuống, một bên
chân anh liệt hẳn, giá
lạnh, bầm không biết đau
nữa. Hình như nó đã
thành gỗ rồi.**

**Anh chàng hiệp sĩ gỗ hốt
hoảng vùng đứng lên,
nhưng anh lại ngã khụy
xuống. Đứng cái chân anh**

thành gỗ rồi.

Mụ phù thủy đã tiến lại gần anh. Mụ vẫn hú lên những tiếng hú ghê rợn :

- Ba hồn bảy vía thẳng hiệp sĩ... Ở đâu thì về mà chịu tội..., nhá á á ...

Người anh chàng hiệp sĩ

**như nhẹ đi, mệt mỏi rã rời,
anh đỡ gạt luồng cuồng.
Thôi con mụ phù thủy sắp
hại anh rồi. Anh sắp lại
trở về kiếp gỗ và chết mục
trên miếng đất này.**

**Xung quanh tiếng pháo
mừng đón mùa xuân vẫn
nổ liên tiếp. Tiếng pháo
như không bao giờ ngừng.**

**Anh chàng hiệp sĩ bỗng
nhớ lại những lúc anh
đánh nhau với kẻ thù ở
trong cái hòm gỗ trước kia.**

**Anh nhớ lại những tiếng
hát của ông lão múa rối
khuyên lơn, khích lệ anh
những khi anh chán nản,
yếu đuối: “Khi ta thấy
tình thần ta yếu đuối, thì
chính sự yếu đuối ấy sẽ đè**

**chết ta; vượt qua được, ta
sẽ thắng được quân thù...”**

**Mụ phù thủy đã đứng
trước mặt anh chàng hiệp
sĩ, mụ trở ngược cái giáo
quạt vào mặt anh, nheo
một bên mắt cười :**

**- Mày thử đứng lên tao
xem nào. Mày không đứng**

**lên được nữa đâu. Chân
mày thành gỗ rồi. Hừ,
trúng chọi sao lại được với
đá! Tao chỉ phẩy nhẹ một
cái nữa thì cả người mày
trở về kiếp gỗ, thanh
gươm mày đang cầm ở tay
kia cũng thành gỗ nốt.**

**Mụ ngừng lại, nhìn anh
dẫn giọng :**

**- Nhưng tao cũng rộng
phép cho mày nghĩ lại.
Nếu mày quay gươm giết
con bé khốn kiếp kia, thì
tao sẽ tha cho mày.**

**- Tha cho tao à? Ha ha
ha ha...**

**Anh chàng hiệp sĩ cười
lớn. Lòng khinh thị và**

**cảm tức làm anh bật cười.
Tiếng cười đầu tiên của
một con rỗi bằng gỗ đã
thành người. Tiếng cười
của một con người thực có
mặt ở cuộc đời. Tiếng cười
cứ rung lên sang sảng như
tiếng nhạc đồng, và làm
sáng sủa cả cái không khí
u uất ghê rợn lúc bấy giờ.
Tiếng cười tự đáy lòng anh**

**chàng hiệp sĩ phát ra,
chuyển cho anh một sức
sống mới, tan biến mọi sự
yếu đuối đang đè trĩu trên
người anh.**

**Con mẹ phù thủy bỗng
lùi lại, lùi lại... Tiếng cười
đuổi theo làm mẹ hoảng
sợ. Mẹ đã từng giết nhiều
người. Mẹ chưa thấy một**

**người nào như vậy. Trước
cái chết mù chỉ thấy người
ta khóc lóc van xin. Anh
chàng hiệp sĩ này đứng
trước cái chết lại cười.
Thật là ghê rợn đối với
con mẹ phù thủy.**

**“Thắng được sự yếu
đuôi, ta sẽ thắng được
quân thù”. Tiếng cười đã**

**thắng được sự yếu đuối
trong người anh chàng
hiệp sĩ. Anh hét lên một
tiếng, chuyển hết gân cốt
vung gươm, đứng dậy.**

**Những chỗ tê bại trên
người anh vụt biến đi.**

**Anh vũ động thanh gươm
cuốn lên, lấp lánh như
một cơn lốc. Anh đã dùng
đến những đường gươm bí**

**hiểm nhất mà trước kia chỉ
khi nào đánh nhau với yêu
ma, hồ báo anh mới dùng
đến.**

**Trong tiếng pháo giao
thừa và tiếng trống động
thổ như tiếng trống trận,
một đường gươm loáng lên
như một ánh chớp cắt
ngang những ý muốn độc**

**ác của con mụ phù thủy.
Cả người mụ đổ xuống.**

**Xung quanh tiếng pháo
vẫn nổ ran trong các xóm
làng, ấp trại. Lần có cả
tiếng gà kéc ke gáy gọi ông
mặt trời năm mới...**

**Một buổi sáng đầu năm, mưa phùn bay trắng trên
thị trấn Bến Cam. Trên con đường đỏ sẫm lầy lội,
ông lão múa rối rong ung dung đẩy cái xe bánh gỗ
cọt kẹt từ trong phố đi ra.**

Mấy đứa trẻ đang đánh đu trong lều chợ nhìn ra trông thấy, chúng nó cùng reo lên, à à chạy ra đón.

Một đứa cong cổ gọi :

- Cụ ơi! Cụ múa rồi ơi! Cụ đã đi đấy à?

Ông lão múa rồi ngừng mặt lên, toét miệng cười :

- Phải đi chứ! Ở đây mãi ai nuôi? Hi...

- Này cụ ơi! Cháu hỏi...

Ông lão dừng xe lại, và đám trẻ con tíu tít vây xung quanh.

- Cháu hỏi, sao mấy hôm hội chùa diễn trò rồi không tích nào có anh hiệp sĩ?

- Anh ấy đâu? Anh ấy đâu hở cụ?

Đám trẻ con nhao nhao tranh nhau hỏi.

- Anh hiệp sĩ ấy à... Anh hiệp sĩ thì thì để sang năm làm con khác các cháu nhé. Sang năm làm một

anh mới rõ thật đẹp...

- Sao lại làm anh mới? Làm mới còn kể gì nữa, chúng cháu không thích. Thế anh ấy đâu? Cự bỏ anh ấy đâu rồi?...

Bị hỏi dồn, ông lão đâm ra lúng túng. Ông lão chặc lưỡi nói liều :

- Chậc, anh ấy hóa thành người rồi.

- Thành người à?

Đám trẻ con tròn cả miệng, cả mắt kêu lên :

- Thế anh ấy có đem thanh gươm đi không?

- Có chứ. Có đem thanh gươm đi chứ.

- Thích nhỉ. Tao gặp anh ấy tao đi theo ngay.

Lũ trẻ xuýt xoa. Ông lão múa rối lại đẩy cái xe đi. Cái xe cút kít in trên đường đất đỏ hai vệt bánh xe sâu hoắm. Đám trẻ con đứng nhìn theo hút bóng

ông lão đẩy cái xe trên con đường xa tít trước mặt.

Trước mắt các em lại hiện lên bóng dáng hùng dũng của anh chàng hiệp sĩ gỗ đầu đội mũ võ sinh màu nguyệt bạch, mình bận chiến bào lụa màu lục anh vũ, lưng thắt dây văn võ màu xanh, chân giậm ủng tía, trên lưng cài một thanh kiếm phơ phát dải lụa hồng.

TUYÊN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Ông Cản Ngũ:

ăm ấy hội vật đền Đô vào đám to, tiếng đồn bay dậy khắp mọi miền xứ Bắc, chính vì có tin ông Cản Ngũ về phá giải. Các sân vật, các tay đô vật, những người ham thích xem vật, đâu đâu cũng nghe bàn bạc, sôi nổi về ông Cản Ngũ.

Cản Ngũ là cản ngũ tỉnh. Năm tỉnh đường ngoài xứ Bắc, ông là vô địch. Vì vậy ông Cản Ngũ còn có tên là ông Cản Bắc.

Năm ấy ông Cản Ngũ đã đứng tuổi rồi. Người ta xì xào bảo nhau rằng ông là một ông tướng thân cận của quan Tán Bối Sậy lâu nay vân giả dạng đi vật, chu du khắp chốn thiên hạ để tuyển mộ những người tài, mạnh, nghĩa khí, kết làm anh em đồng sinh, đồng tử, xung vào đội nghĩa binh đánh giặc, cứu nước.

Từ hôm có tin ông Cẩn Ngũ về phá giải hội vật đền Đô, nhà cụ Cả Lắm ở thôn Đình Tràng ngày nào cũng dập dìu ba bốn chục người khách lạ. Họ toàn những tay đô lão luyện, anh tài của các sân vật nổi tiếng quanh vùng đến hội tụ, bàn bạc cách đối phó với ông Cẩn Ngũ.

Ai cũng biết, người vào vật đầu tiên với ông Cẩn Ngũ nhất định là Quắm Đen rồi. Sức mạnh và tài đờm của Quắm Đen không còn phải bàn gì nữa. mấy năm liền Quắm Đen vẫn chiếm giải nhất ở vùng này. Các đô đều vì nể. Quắm Đen to trù trũi như con trâu mộng. Anh ta khỏe lắm. Gánh lúa của anh bao giờ cũng to, nhiều gấp đôi ba lần người khác. Anh có thể vật suốt ngày không biết mệt. Anh là học trò yêu của cụ Cả Lắm, được cụ truyền dạy cho nhiều thế đánh bí truyền và những đức tính cần thiết của một người đô vật đàn anh khi giao đấu với những địch thủ lợi hại.

Thế nhưng, Quắm Đen thua ông Cẩn Ngũ thì ai sẽ vào “theo keo”? Cái khó của các ông đô vật vùng này là chỗ ấy.

Mấy gian nhà khách, mấy ngày đêm liền, lúc nào

cũng nghe ồm ồm tiếng bàn cãi. Các tay đô vừa uống rượu, vừa nói. Mặt người nào cũng đỏ phùng phùng. Người nào nom cũng to lớn dữ tợn.

Những lúc bí quá, đã có người bàn đến nước cốt cùng là, nếu Quắm Đen bị ông Cản Ngũ đánh ngã thì tất cả các đô trong hàng tỉnh, mỗi anh một chiếc đòn gánh mấu liền cứ thế xông vào mà đánh. Đánh cho bàn dân thiên hạ không thể xem thường đô vật tỉnh Bắc được. Đánh cho ông Cản Ngũ cũng phải kiêng mặt.

Cái ý xằng bậy ấy bị cụ Cả Lắm nghiêm khắc gạt bỏ đi ngay. Cụ bảo rằng: ông Cản Ngũ không phải là người dễ đánh! Mà gia dĩ có đánh được người ta, cũng không hay ho gì, đẹp đẽ gì cho các sân vật tỉnh mình.

Tý Trâu là con trai út cụ Cả Lắm. Mấy hôm nay, nhà đông khách, chàng ta được bố phân cho các việc lật vật, nước nôi, điều đóm. Suốt ngày chàng ta chỉ quanh quẩn trên nhà khách hóng chuyện.

Tuy chưa được tập luyện thực sự, nhưng xem các bác, các chú “tắm vật” hàng ngày, Tý Trâu học được

khôi miêng. Tý Trâu vật rất giỏi, rất khỏe. Tất cả bọn chẵn trâu đều bị nó vật ngã. Nó vật ngã cả bò, vật ngã cả trâu, làm gì không vật ngã ông Cản Ngũ! Nó nghĩ bụng, đến hôm này ra sỏi không ai dám vào theo keo nó sẽ vào vật ông Cản Ngũ cho mà xem. Phục thì phục quý thì quý, nhưng lúc này ông Cản Ngũ là đối thủ của tỉnh mình thì cũng phải vật ngã ông ấy một keo cái đã.

Tiếng trống vật nổi lên dồn dập. Người tứ xứ đổ về đông như nước chảy. Ai ai cũng náo nức muốn được xem mặt, xem tài ông Cản Ngũ. Người ta chen lấn nhau, quây kín quanh sỏi vật; nhiều người phải trèo lên những cây trôi, cây nhội gần đấy xem cho rõ.

Dưới mái tam quan đèn, những vuông nhiều điều bay đó rục. Các đô trong tỉnh cỡi trần, đóng khố ngồi hai bên sỏi. Trên thềm cao, ông Cản Ngũ ngồi xếp bằng trên chiếc chiếu đậu trắng, cạp điều. Ông ngồi một mình một chiếu; người ông đỏ như đồng tុ, to lớn, lẫm liệt, nhác trông không khác gì tượng hai ông tướng Đá Rãi ở trong đền. Đầu ông buộc

một vuông khăn màu xanh lục giữ tóc, mình trần, đóng khố bao khăn vắt. Ông ngồi ung dung ăn trầu uống nước, nói chuyện với mấy ông đàn anh trong dân xã các ông đồ sở tại.

Sau những keo vật thờ múa lộn thật đẹp mắt và sau những keo “khảo lèo” những đô khổ bệ; Quắm Đen bước ra sới, xốc lại mảnh khố nhiễu xanh, tiến lên thêm tam quan đèn, giơ bàn tay thô, vụng vuốt dài lên mấy vuông nhiễu giải nhất, miệng cười rất tươi.

Đó là dấu hiệu riêng của các đô trước khi vào đấu. Dấu hiệu tỏ ra cho mọi người biết, giải này mình vào phá và sẽ thuộc về mình. Nó là dấu hiệu thách thức, quyết đánh.

Ông đồ già người sở tại, khăn chùng, áo dài ngồi cầm trịch, giơ cao chiếc dùi trống sơn son gõ mạnh xuống mặt trống ba tiếng thật đanh, thật giòn tỏ ý nhận lời. Quắm Đen quay ra đứng giữa sới. Ngay lúc ấy, ông Cản Ngũ cũng từ trên thềm cao bước xuống. Tiếng reo hò bốn phía tức thì nổi lên ầm ầm.

Ngay nhịp trống đầu, Quắm Đen đã lăn xả vào ông Cản Ngũ đánh ráo riết. Rõ ràng là anh muốn dùng cái sức lực đương trai của mình lấn lướt ông ta và muốn hạ ông ta rất nhanh bằng những thế đánh thật lắt léo, hóc hiểm. Anh vờn tả, đánh hữu, dứ trên, đánh dưới, thoát biến, thoát hóa khôn lường.

Trái lại, ông Cản Ngũ thì xem ra có vẻ lại lơ lơ, chậm chạp; dường như ông lúng túng trước những đòn đánh liên tiếp của Quắm Đen. Hai tay ông lúc nào cũng thấy dang rộng ra, để sát xuống mặt đất, xoay xoay chống đỡ. Keo vật xem chán ngắt. Cứ nghĩ tưởng Cản Ngũ thì phải thế nào chứ, đánh chác thế kia. “Chẹp!” Chán quá. Ông Cản Ngũ bỗng bước hụt, mất đà chúi xuống. Quắm Đen đã như con cắt lượn qua hai cánh tay ông Cản Ngũ ôm lấy một bên chân ông, bốc lên.

Người xem bốn phía xung quanh reo ồ cả lên. Thôi thế là ông Cản Ngũ ngã rồi, nhất định ngã rồi. Có khỏe bằng voi thì cũng phải ngã.

Tiếng trống vật dồn lên, gấp rút, giục giã. Ông

Cản Ngũ vẫn chưa ngã. Ông đứng như cây trồng giữa sỏi trước những cặp mắt kinh dị của người xem. Còn Quắm Đen thì đang loay hoay gò lưng lại, không sao bê nổi chân ông Cản Ngũ lên. Cái chân tựa như bằng cây cột sắt chứ không phải là chân người nữa.

Ông Cản Ngũ vẫn đứng nghiêng mình nhìn Quắm Đen mồ hôi mồ kê nhễ nhại dưới chân. Lúc lâu, ông mới thò tay xuống nắm lấy khó Quắm Đen nhắc bổng anh ta lên, coi nhẹ như ta giơ con ếch có buộc sợi rơm ngang bụng vậy.

Các đô ngồi quanh sỏi đều lặng đi trước thần lực ghê gớm của ông Cản Ngũ. Thôi thế là Quắm Đen bại rồi. Keo vật bị đánh bại một cách nhục nhã, cay đắng quá chừng. Người ta đánh mình, co không bằng đánh với một đứa trẻ con! Quắm Đen, một tay đô tài mạnh bậc nhất trong hàng tỉnh mà còn bị đánh thua như vậy thì còn ai là người theo keo đánh nổi được ông Cản Ngũ? Họ đều cắn chặt môi lại mà thở dài.

Buổi tối hôm ấy, trong mấy gian nhà khách nhà

cụ Cả Lắm lại ồn ồn tiếng các đô bàn cãi. Tiếng bàn cãi cùng lúc càng xô xát, dữ tợn.

Một ông đô già móm mém đứng lên, xin nói. Ông lão nói nhỏ nhẹ, đà đặn như một ông quan viên, đứng nói giữa ngày hội làng.

- Thưa... có đông anh em các đô hàng tỉnh, tôi xin có một đôi nhời...

Ông lão ngừng lại, đằng hắng một tiếng.

- Ông Cử Ngũ tuy thị là tay đô kỳ tài thật.

Nhưng tài là tài ở đâu kia, ở ta đây không phải là không có người đánh được ông ấy. Nhất định là đánh được ạ. Tôi xin cam đoan với các chư vị hàng đô ta như thế.

Ông lão túm tũm, móm mém liếc nhìn mọi người.
Cánh đô trẻ sốt ruột giục ầm ầm :

- Ai? Nhưng mà ai mới được chứ?

- Ai thì cụ cứ nói toạc móng heo ra! Tôi xin hỏi:

ai đánh nổi ông Cản Ngũ nào?

Ông cụ đô móm hể hả đưa một bàn tay ra chặn người vừa nói :

- Ấy, ấy... Thong thả, cứ để thong thả cái đã nào... Việc này tuy thị cũng dễ thôi, nhưng lại cũng rất ư là khó khăn cơ đấy...

Một tay đô nóng nẩy đứng phắt lên, gạt đi :

- Thôi, chúng tôi biết rồi. Đánh ngã ông Cản Ngũ tỉnh này phi tay cụ Cả Lắm ra, còn ai vào đây nữa!

- Đúng! Đúng! Ngoài cụ Cả Lắm ra không còn ai đánh nổi ông Cản Ngũ! Chúng tôi đã nghĩ ngay từ hôm có tin ông Cản Ngũ về phá giải rồi kia. Nhưng thực tình chúng tôi cũng ngại. Không biết cụ Cả Lắm có nhận lời không?

Cụ Cả Lắm tũm tũm cười, lắc đầu nói nước đôi với mọi người :

- Tôi bây giờ như con trâu đã về già rồi, biết rằng

gân cốt có còn được như trước nữa không?

Nói vậy nhưng cụ Cả Lắm cũng đã nghĩ như mọi người. Trong hàng tỉnh, ngoài cụ ra, không còn ai có thể địch lại với ông Cử Ngũ được. Keo vật đánh ngã Quắm Đen khi chiều cụ càng thấy rõ điều ấy.

Cụ Cả Lắm trước kia vốn là một tay đô mà các đô thời ấy đều gọi là ông trạng vật. Cụ đã từng đánh ngã hàng loạt các ông đô được xếp vào hàng đô ngự. Cụ có những ngón bí truyền như “tiện xương”, “rút gáy”, “chặt chân voi” v.v... là những miếng vật đến con cháu trong nhà, cụ cũng không muốn truyền lại, sợ tổn âm đức về sau. Tuy đã hơn mười năm không ra sới, tiếng tăm cụ vẫn lẫy lừng, các đô trong tỉnh đều kính nể, coi cụ như bậc thầy. Keo vật cuối cùng trong đời; cụ đánh ngã một ông đô già. Ông lão cũng là một tay đô tài mạnh lẫy lừng một thời, chỉ vì thanh danh của sân vật mình mà phải ra sới.

Đánh ngã ông đô già keo vật ấy, về nhà không hiểu sao cụ Cả Lắm thấy trong lòng áy náy không yên, vừa thương thương, vừa tội tội. Từ đấy cụ

không ra sỏi vật nữa. Nhưng lúc này, cái cảnh ngộ của cụ có khác gì cảnh người đồ già cụ đánh ngã trước kia? Quắm Đen, anh học trò yêu của cụ đã bị ông Cản Ngũ đánh ngã rồi. Cụ không ra sỏi thì tai tiếng; còn hàng huyện hàng tỉnh. Mà ra sỏi thì... “Lưỡng hổ tương tranh”. Hai con hổ dữ tranh tài, một sống, một mái...

Vả nữa, ông Cản Ngũ vốn là một ông tướng nghĩa binh dưới cờ quan Tán, mượn danh đi vật để thu phục nhân tâm, lo toan việc nước. Đối với một người như thế, sự thắng bại, mất còn trong một keo vật, phỏng có nên chăng?

Đêm ấy khách khứa trong nhà ngủ yên đã lâu, cụ Cả Lắm vẫn chấp hai tay sau lưng, đi lại một mình bần khoản nghĩ ngợi dưới bóng trăng. Keo vật ông Cản Ngũ đánh ngã Quắm Đen vẫn không thể xóa khỏi được trong ý nghĩ của ông cụ. Nó là một keo vật lạ lắm, không thể coi là một keo vật bình thường được. Tư cách người đồ vật đàn anh như ông Cản Ngũ, sao có thể nỡ đánh ngã một anh đồ mới trỗi như Quắm Đen một cách tầm thường, bỉ thử

như thế được. Nó là cách muốn làm nhục nhau!

Không, trong ý tứ keo vật này tất có điều gì bí ẩn đây. Ông Cử Ngũ về tỉnh này, nhất định không lạ gì cụ Cả Lắm. Keo vật này là keo vật khiêu khích đây.

Keo vật thách thức, keo vật gọi Cả Lắm ra sỏi thi tài đây.

Đã là một người đô vật, không ai có thể từ chối sự thách thức như vậy được. Trong người ông cụ Cả Lắm lại rạo rục bầu máu nóng của một anh đô tài ba và dày dạn, lọc lõi. Một ông đô, đã ra đến sỏi chỉ có quật ngã địch thủ.

Mặt trăng đã ngả chênh chếch về phía tây, ông cụ Cả Lắm lẳng lặng đi ra vườn sau, thử lại gân sức. Cụ tiến lại bên bụi chuối, giơ một bàn tay chặt liền mấy cái, những cây chuối, bị tiện đại ra, đổ rạp xuống. Ông lão đứng tần ngần ngắm những cây chuối gãy một lúc, rồi lững thững đi lại phía những chiếc cối đá đại, thùng tròn vẫn dùng làm cối đập lúa để ở góc vườn. Ông lão xỏ vào mỗi bên tay một cái cối đá, thông thả đi quanh vườn cây. Ông lão đi như

thể đủ ba vòng, rồi ung dung trở vào nhà đi nghỉ.

Nhưng, ông cụ Cả Lắm vừa đi khỏi thì, từ trong một bụi cây tối, Tý Trâu đã chạy vút ra. Nó cũng chạy đến bên một bụi chuối, cũng giơ tay hăm hờ chặt liền một lúc hàng chục cây chuối đổ xuống. Nó cũng xỏ cối đá vào hai cánh tay, mắ mồi mắ mồi, cắ cắ chạy quanh vườn hàng chục lượt.

Từ lúc Quắm Đen bị ông Cản Ngũ đánh ngã, Tý Trâu cũng bồn chồn không yên. Nó cũng thấy uất ức, xấu hổ và lo lắng cho sân vật của vùng mình.

Đêm ấy cu cậu lục sục không sao ngủ được. Cứ chợp mắt đi, đã thấy vật nhau với ông Cản Ngũ...

Hôm nay là ngày giã đám rồi. Sau Quắm Đen vẫn chưa có người vào vật với ông Cản Ngũ. Chỉ còn từ giờ đến chiều là các sân vật tỉnh Bắc mất giải. Dưới mái tam quan, các bô lão, các ông quan viên, quan đám, các ông đô sở tại, chạy vào chạy ra thờ thần. Hội đám nhạt thếch. Trống vật thập thùng rời rạc, cầ cầ. Thôi, giải vật năm nay cầ cầ về tay

người ngoài rồi.

Ông đô già cầm trích đã đứng lên sửa soạn đánh một hồi ba tiếng trống hạ giải thì, một ông già từ ngoài sới, rẽ đám đông bước vào.

Cụ Cả Lắm! Cả sới vật cùng reo lên. Các ông quan đám, quan viên, các ông chức dịch trong xã đều đứng cả dậy. Đúng là keo vật mà tất cả mọi người đang chờ đợi.

Cụ Cả Lắm hôm nay nom oai phong, lắm liệt như một lão tướng sắp ra trận. Ông cụ đứng giữa sới, râu tóc bạc phơ, mình trần, đóng một cái khố bao nhồi trấu bằng vóc vàng, xung quanh vắt hai tấm nhiễu xanh và nhiễu đỏ lòa xòa đến gối. Cả người ông lão chắc nịch, xù xì, gân guốc như một gốc đa cổ thụ.

Lên đài xong, hai ông đô già vào “bá tay tư”. Chỉ mới vào “bá tay tư” [1] thôi, cả sới bỗng đều như ngộp thở trước cuộc giao tranh sắp tới. Biết rằng gặp tay đối thủ lợi hại, ông Cẩn Ngũ đánh rất dè dặt.

Hai ông đồ vừa đánh vừa thăm dò ý tứ của nhau. Họ không bỏ sót ở nhau từng cử động nhỏ nào. Họ đề phòng nhau từng cái liếc mắt, cái rùng mình...

Tiếng trống vật bỗng dồn lên, càng lúc càng dồn lên mạnh mẽ. Keo vật đang từ thế thăm dò, dè dặt bỗng chuyển sang những thế đánh quyết liệt. Dồn lên, du xuống, quay tít quanh sỏi. Thực ra đây vẫn chỉ là đánh để thăm dò. Chưa bên nào dám đánh đến hết miếng đánh của mình, vừa đánh vừa giữ thế thủ.

Cụ Cả Lắm quả là một tay đồ lão luyện, dày dặn. Bao nhiêu đòn ông Cẩn Ngũ đánh sang, ông cụ đều đỡ gạt, tránh né, gỡ thoát một cách hết sức nhẹ nhàng. Cụ vẫn chưa đánh trả ông Cẩn Ngũ một đòn nào. Đột nhiên, cụ Cả Lắm bỗng chao người đi, khụy một bên gối xuống, cả người cụ như một con thoi lao vút qua nách ông Cẩn Ngũ gánh lên. Nhưng ông Cẩn Ngũ đã kịp lùi lại một bước, thót người lại, vòng hai cánh tay to khỏe như hai con trăn đất, khóa chặt lấy gáy, lấy lưng ông cụ Cả Lắm, lắc mạnh...

Keo vật đã đến lúc hư, thực khôn lường. Cả hai ông đô đều trở hết tài nghề ra để hạ nhau. Bốn bề chỉ nghe tiếng trống dồn dập, tiếng chân hai ông đô tranh tài đồ thành thịch trên mặt sỏi. Hai ông đô cứ thế xoắn chặt lấy nhau, quấn nhau, xoay như chong chóng. Cả sỏi ngồi xem đều lặng đi trước một cuộc tranh tài ghê gớm từ xưa chưa từng thấy.

Bỗng có một người nào đó hét lên :

- Ông Cử Ngũ bị rồi!

Cả sỏi vật tức thì xao động, nhón nháo. Ông Cử Ngũ đã bị năm đầu ngón tay cứng như năm cái vuốt của cù Cả Lắm quặp chặt lấy xương quai xanh.

Đó là một miếng vật bí truyền. Khi mà cù Cả Lắm đã hạ đến miếng “móc quai xanh” ấy thì kẻ địch chỉ: một là thua, hai là gãy quai xanh mà chết. Miếng vật các đô mới chỉ được nghe cù nói lúc vui chuyện, chưa được xem cù đánh bao giờ.

Toàn thân ông Cử Ngũ đã run lên bần bật. Mặt

ông lúc đỏ tía lên, lúc lại tái nhợt đi, đại chân mềm oặt. Lúc này, hai con mắt cụ Cả Lắm sáng quắc như hai ngọn lửa chiếu thẳng vào mặt ông Cản Ngũ. Cụ đẩy ông ra xa, cụ kéo xích ông lại gần, cụ thông thả dắt ông đi từng bước đều quanh sỏi. Ông Cản Ngũ hoàn toàn lệ thuộc vào sự điều khiển theo ý muốn của cụ Cả Lắm.

Cả sỏi tường chừng như không ai dám thờ mặt nữa. Ai cũng thấy rõ nếu ông Cản Ngũ cưỡng lại sẽ bị gãy xương ngay.

Chỉ có các tay đô trong tỉnh xem ra người nào cũng sững. Mặt mũi người nào cũng rạng rỡ, phớn phở hẳn lên. Ông cụ đô móm không ăn được trầu, nhưng cũng mang sẵn một phong từ nhà, lúc này mới mở ra, đưa truyền mời mỗi ông đô một miếng. Ông lão tùm tùm, móm mém, nói nhỏ với mấy ông đô ngồi bên cạnh:

- Cụ Cả nhà mình, tuy thị cũng là tay thâm nho đáo để. Hôm trước ông Cản Ngũ xách Quắm Đen như con nhái, thì hôm nay ông cụ dắt ông Cản Ngũ

**khác gì xổ sẹo dất con trâu... Đô vật tỉnh Bắc Ninh
chứ có phải...**

**Chợt thoáng vừa có cái gì khác lạ xảy ra. Có
những tiếng reo hò và tiếng dùi đập vào tang trống
cắc cắc... Cái gì lạnh toát vừa chạy suốt sống lưng
ông lão đô già móm mém. Ông Cử Ngũ vừa ngã đổ
người xuống ngực cụ Cả Lắm. Và, như một tia chớp,
ông đã thoát khỏi năm đầu ngón tay ghê gớm của cụ
Cả Lắm, xuất kỳ bất ý “sang sườn” đánh một miếng
“gồng vai” đội lên.**

**Ông lão đô móm không còn kịp nói hết câu nữa.
Không còn tin ở mắt, ở tai mình nữa. Keo vật đã
chuyển bại thành thắng như ở trong một cơn mê.**

**Cụ Cả Lắm lão đảo bước ra khỏi sới. Mấy tay đô
đàn em vội chạy vội theo. Không ai nói được một lời
nào. Keo vật cụ Cả Lắm thua đau quá. Cầm bát
nước bà hàng đưa cho mà ông lão không thể sao
nuốt đi được. Nó cũng giống như keo vật cụ đánh
ngã người ta cách đây mười mấy năm về trước.
Giống quá! Giống quá!... Ông cụ lắc đầu thở dài**

sườn sườn.

Trời đã xế chiều. Trống vật nghe vẫn còn rộn rã. Quái lạ, còn ai vào đánh với ông Cản Ngũ nữa nhỉ? Một tay đô từ xa hấp tấp chạy lại. Anh ta vừa thở, vừa nói :

- Thưa cụ, thằng Tý Trâu...

Cụ Cả Lắm đặt vội bát nước xuống chống hỏi lại :

- Sao? Thằng Tý Trâu làm sao, bác?

- Thưa cụ... Thằng Tý Trâu đang vật với ông Cản Ngũ.

- Chết thôi! Con cái nhà, ra sới mau lên thôi bác! Quên cả nỗi buồn bực, uất ức, cụ Cả Lắm lật đật chạy theo anh đô vật ra sới.

Trên sới vật, Tý Trâu đang giao đấu với ông Cản Ngũ. Nó đánh rất hăng. Đúng là con nhà nòi, có tài, có sức và gan dạ. Nó bám riết lấy ông Cản Ngũ đánh

liên tiếp hết miếng này qua miếng khác. Nhìn miếng nó đánh hóc hiểm đến các ông đồ ngồi xem bên ngoài cũng lấy làm lạ. Ông Cử Ngũ chỉ lùi, tránh, đỡ, gạt, ông không có ý đánh ngã thằng bé.

Từ lúc biết Tý Trâu là con trai cụ Cả Lắm và đánh với nó vài nhíp trống, ông Cử Ngũ bỗng yêu quý thằng bé đến lạ lùng. Trong đời đô vật, ông chưa thấy tay đô nào quyết đánh bại địch thủ dũng mãnh như thế. Có lúc ông đã thử bóp gân, xương cho đến tái người đi, nhưng vừa buông ra, nó đã lăn xả vào đánh liền. Có lúc ông đánh dồn dập năm, bảy miếng liền; nó vẫn tỉnh táo chống lại không hề nao núng. Càng đánh, ông càng thấy yêu, ông có ý muốn thu phục thằng bé.

Cụ Cả Lắm đứng ngoài theo dõi keo vật, ông lão đã thấy rõ hết cái ý ấy của ông Cử Ngũ. Nước mắt ông lão bỗng trào ra, cảm kích vô cùng. Ngay giữa keo vật đang đánh giở, ông lão xông vào giữa sới xin cho được ngừng lại và bắt Tý Trâu nhận ông Cử Ngũ là thầy học. Ông Cử Ngũ sung sướng nắm chặt lấy tay ông đồ già, nhận lời.

Đêm ấy, trong nhà cụ Cả Lắm vẫn đông đủ khắp mặt các tay đô vật trong tỉnh. Bình thường những lần mất giải về tay người, và sau những keo vật như Quắm Đen, cụ Cả Lắm bị đánh ngã, thế nào cũng xảy ra những cuộc xô xát. Có khi đến đổ máu. Nếu không xông vào giữa sới đánh nhau thì, cũng tìm cách đón đường, chặn lối không cho đối thủ của mình về. Cái cảnh thua đau như chiều nay, ai còn mặt mũi, lòng dạ nào mà hội họp, mà ăn uống!

Thế nhưng cụ Cả Lắm đã có lời mời. Hôm nay ông Cản Ngũ ở lại chơi nhà cụ, ý cụ muốn có mặt đông đủ anh em hàng đô trong tỉnh. Họ nể lòng quá, phải ở lại. Những người đô vật to lớn, ngang tàng nhưng lại rất biết phục thiện các bậc đàn anh; và nữa, đối với một ông đô tài mạnh, lấy lòng như ông Cản Ngũ, trên sới vật họ coi là đối thủ, là thù địch, thực ra trong lòng họ vẫn rất lấy làm hâm mộ.

Trong ánh sáng của những ngọn đuốc nhựa trám cháy rùng rục cắm quanh nhà, các ông đô ăn uống,

nói năng từ tốn, chậm rãi. Hôm nay, nom họ rất hiền, chất phác, thuần hậu như những ông thợ cày.

Rượu được vài tuần, ông Cản Ngũ chấp hai tay vào nhau, từ từ đứng lên. Ông hướng ra bốn phía các ông đồ ngồi quanh, ngập ngừng lên tiếng :

- Thưa... Các bạn hàng đồ... tôi xin có vài lời...

Tất cả mọi người đều ngừng đĩa, hướng về phía ông Cản Ngũ.

- ... Tôi đi vất cho đến nay, kể như gần hết một đời người rồi. Đông, Nam, Đoài, Bắc không thiếu đâu tôi không có mặt. Gần hết đời người rồi tôi mới thấy được buổi hôm nay. Thật là một sự hạnh ngộ quý hóa vô cùng...

Ông Cản Ngũ mím chặt môi lại, cúi đầu xuống. Đôi vai to lớn của ông rung lên. Lúc lâu ông mới lại ngừng lên nói tiếp :

- Các bạn hàng đồ ở đây không những đã không coi tôi như thù địch, mà còn đãi tôi vào hàng khách

quý, thân thiết như một người đồ cùng trong một sân vật mình. Điều ấy thật là hiếm có. Điều ấy khiến tôi phải bực bực trước các bạn hàng đồ tỉnh nhà về keo vật hôm nay.

Ông ngừng lại, nhìn vào cụ Cả Lắm rất lâu.

- Keo vật tôi với cụ giao đấu lúc ban chiều thật khó hiểu quá. Tôi không bao giờ dám nghĩ rằng mình có thể thoát được nắm ngón tay cứng như thép ấy của cụ. Lúc ở ngoài sới, còn đang say đấu, thực tình tôi chưa thấy được điều ấy. Về đây, càng nghĩ tôi càng lấy làm lạ. Một ông đồ vật dày dặn, lỏi lặt như cụ, không khi nào để tôi thoát khỏi miếng vật hiểm nghèo ấy một cách dễ dàng quá như thế được... Đúng là cụ tha cho tôi keo vật ấy. Đúng là cụ không muốn đánh tôi gãy xương, không muốn tôi thành một người tàn phế. Đã được coi như người thân trong nhà, trước có đông anh em hàng đồ hôm nay, tôi muốn hỏi cụ cho rõ điều ấy?

Tất cả các mâm rượu đều xôn xao cả lên. Không ai ngờ keo vật lại là như thế. Người ta ngạc nhiên,

khó hiểu. Vì sao ông cụ lại không đánh ông Cản Ngũ nhỉ? Có đúng thật là cụ Cả Lắm đã tha cho ông Cản Ngũ không?

Cụ Cả Lắm vẫn ngồi im trước mâm rượu. Những lời ông Cản Ngũ nói đúng vào ruột gan ông lão. Đúng là keo vật đến lúc cụ phải đánh đến miếng “móc quai xanh” thì ông cụ có phân vân, suy nghĩ. Người đô vật khi phải đánh đến những miếng hiểm độc đã là hạ sách rồi. Đây là nước cùng, của một anh tầm thường, xấu chơi. Huống chi, ông Cản Ngũ tiếng là đi vật, nhưng ông lại là một ông tướng nghĩa quân của quan Tán, có nên vì một keo vật mà làm hại một người bấy lâu vì dân, vì nước được không? Chính lúc cụ Cả Lắm còn đang phân vân bður thế, thì chợt đã thấy mình bị ông Cản Ngũ đánh ngã rồi.

Lúc sau, cụ Cả Lắm mới đứng lên từ tạ. Ông lão có vẻ miễn cưỡng mà phải nói :

- ... Keo vật được, thua đã định ở ngoài sới rồi. Đúng ra cũng chẳng nên nhắc lại làm gì. Nhưng ông bác đã hỏi, thì tôi phải xin thưa...

Ông lão ngậm ngừng một lúc, rồi tiếp :

- Tôi cứ nghĩ rằng, đã là người đô vật mình, dù ở đâu, ở xứ Đông hay ở xứ Đoài, xứ Nam hay xứ Bắc, ở đâu cũng là người dân Việt ta cả. Cũng là máu đỏ da vàng với nhau; trong cái buổi còn đang nước mất nhà tan này, có nên vì hơn, thua một keo vật mà đánh một người nghĩa khí, một người vì dân, vì nước như ông bác đây thành một người tàn phế, bỏ đi được không? Được như vậy, có thể gọi là được, được không?...

Tất cả mọi người đều ngồi lặng đi. Có một cái gì to lớn, thiêng liêng lắm đang choán lấy hồn những ông đô vật.

Quắm Đen ngồi dưới ngọn đuốc đang cháy rừng rực, anh ta cúi gằm mặt xuống. Từ hôm bị ông Cử Ngũ đánh ngã không thấy Quắm Đen hé răng nói một lời nào. Anh ta vẫn ngậm nuôi cái ý phục thù. Lúc này, nghe những lời cụ Cả Lắm nói, anh ta bỗng thấy xấu hổ...

Ngay đêm ấy, Quắm Đen đến gặp cụ Cả Lắm, xin cụ nói cho anh được cùng Tý Trâu theo ông Cản Ngũ...

Mấy hôm sau, Tý Trâu, Quắm Đen theo ông Cản Ngũ xuôi về vùng Văn Giang, Gia Bình. Cụ Cả Lắm tiễn chân đến tận bến Sãi. Ông lão đứng trên bờ nhìn theo mấy thầy trò ông Cản Ngũ qua sông một lúc rồi mới quay về. Từ dưới cũng không thấy cụ nói với ai rằng họ đi đâu...

Mãi mấy năm về sau mới có người nghe tin Tý Trâu và Quắm Đen ở trong đội nghĩa quân của ông Tán Thuật đánh Tây, nhiều mưu mẹo và gan dạ lắm.

Chú thích:

[1] Bá tay tư: Một tay vít gáy, tay kia nắm cánh hoặc bá vai. Trước khi đánh các đô đều vào bá tay tư để dò xét sức lực nhau.

TUYỂN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Đôi Chim Thành:

ái tiếng quần chim của Trương Thuận ăn khao “liên tam trùng” [1] nức cả hàng phủ. Thật là một thành tích vẻ vang chưa từng có.

Nhân vào ngày không có hội nào, các tay ăn chơi sành sỏi đến chơi nhà ông Trương rất đông. Họ cười nói xôn xao cả năm gian nhà khách. Ai cũng tỏ ý bất mãn về quần chim của ông Trương bị đánh hỏng ở hội Đại Đình hôm vừa qua.

Trương Thuận phân trần :

- Các ông tính: hôm ấy vừa gió to vừa xấu trời, cả hàng phủ không ai dám mở; thế mà tôi mở đấy, các ông ạ. Vì tôi tin ở tông chim này, càng gió to bay càng hay.

Ai lại gió to là thế, mà đàn quả, chết [2], đẹp quá.

Vừa tròn trặn, vừa đông đen. Chẳng vòng việc gì cả, cứ dựng con chim mà ngoi ngoi lên.

Vừa nói, ông vừa giơ ngược bàn tay lên lắc lắc, tả dáng điệu con chim đang bay. Uống một hớp nước chè, ông nói tiếp :

- Từ trung đến thượng ở thẳng bằng giữa sới, không qua có tội gì có thể đánh được. Mãi đến lúc đàn chim “vần thượng” [3] cơ chừng gió to quá nên có một con bật ra bằng chiếc quạt này này. Tôi đã chắc mẩm họ đánh “trung chính, thượng tiểu tùy” [4] lấy giải. Có phải không các ông? Thế mà rồi họ đánh “đại tùy” [5], bỏ đấy có ức không?

Hương Thi rít một hơi thuốc lào, nói vội trong khói đặc :

- Thế sao ông không hỏi cho ra nhẽ?

- Có! Tôi vào tận trịch trong tôi bảo: “Các ông cầm trịch thế thì còn nhầm lắm. Chim bay như thế mà các ông nỡ đang tâm đánh ‘đại tùy’ được! Tôi chỉ sợ gió này

‘trung khứ’ [6] đánh ‘đại biên’ [7] cho người ta lấy giải thôi”. Thế mà y như rằng đấy, các ông ạ.

Ngay lúc ấy có tiếng nói ngoài sân vọng vào :

- Thì lão vẫn khen Trương Thuận chơi sành rồi mà.

Thì ra cụ Tú bên Trang Liệt sang chơi. Tuy tuổi tác, nhưng cụ vẫn còn tráng kiện. Cặp mắt vẫn tinh anh dưới hàng mi dài. Nước da hồng hào càng làm tôn bộ râu trắng muốt phất phơ trước ngực. Một tay chống gậy trúc, một tay cầm quạt thước che nắng, xúng xính trong chiếc áo lụa trắng dài, cụ trông có phong độ một vị tiên.

Trương Thuận chạy ra hiên, đơn đả :

- Nắng nôi thế này, cụ cũng chịu khó sang chơi.

Cụ Tú vuốt râu cười khanh khách :

- Có hề gì. Nhân thằng chánh Quyền nhà tôi bảo bên ông có quần chim hay, nên muốn sang xem.

Ông Trương cười nhũn nhặn :

- Xin rước cụ vào trong nhà nghỉ ngơi cho mát đã.

Sau một tuần nước chè tàu mới pha, Trương Thuận bắt vào đôi chim :

- Đôi này thành đây, cụ ạ.

Cụ Tú thận trọng đỡ lấy con đực. Cầm gọn gàng trong tay, cụ nâng đầu con chim lên, nhìn mắt, nhìn mỏ, tấm tắc khen :

- Tinh lắm, mắt ướt thế này tinh lắm.

Rồi cụ sẽ sàng xòe cánh chim ra. Ngắm nghía hồi lâu mới đưa trả con đực, xem đến con cái. Khi xem xong cả đôi chim, cụ nở một nụ cười khoan khoái :

- Tinh! Trương Thuận tinh lắm! “Cào, bị” [8] ấy khớp với nhau không tách được.

Ngừng một chút, cụ nói tiếp :

- Phàm giả cái giống chim văn giảng [9] này, cứ con nào “cào” nhọn là bay cao, con nào “bị” to là đông đen.

Nhưng mấy con được hoàn toàn cả cào lẫn bị. Cào thì “sơ, tràng” [10] mà đông đen thì lại không “vần thượng”. Đôi chân này được cả cào lẫn bị.

Rồi cụ quay lại hỏi Trương Thuận :

- Tông này ông Trương lấy ở đâu thế?

- Dạ, thưa cụ, của Đội Tùng ở Hạ Dương đây ạ!

Cụ Tú kinh ngạc :

- Của Đội Tùng! Làm thế nào ông lại lấy được của hắn?

- Thưa cụ, cứ kể hồi còn mồ ma ông ta thì lấy thế nào được. Nhưng ông ta chết đi, con cháu không biết chơi, đem ra chợ bán. Ngày ấy tôi ngồi chơi ngoài cửa. Chợt có con bé xách lồng chim đi qua tôi gọi lại xem chơi, thấy đẹp hỏi mua, có bốn hào chỉ thôi mà. Hỏi nó là con cái nhà ai thì nó trả lời là cháu ông Đội Hạ Dương.

- Ô! May thế đấy!

Tư Khả dĩ (vì câu nào ông cũng đệm hai chữ “khả dĩ” vào nên người trong làng đặt cho ông cái tên ấy) nghe chùng nóng ruột, nhắc nhảm :

- Khả dĩ đã trưa rồi đấy! Ông Trưởng mở chim cho, trên có cụ Tú, dưới có anh em chúng tôi thưởng thức.

Như chợt nghĩ ra, cụ Tú sốt sáng :

- Ủ phải đấy? Mở đi cho chúng tôi xem với.

Trưởng Thuận ngần ngại :

- Tôi cũng chẳng dám tiếc cụ với các ông làm gì. Nhưng hôm nay xấu trời lắm: vừa oi, vừa gió tây. Tôi e hơi giông.

Cửu Phúc chạy ra sân, ngửa mặt nhìn lên trời, nói vào :

- Đẹp trời lắm, ông Trưởng ạ. Vầy tê tê thế này, cứ gọi là chộc cũng chả mưa được...

Ông Tư thùng thẳng chộc thêm :

- Khả dĩ được, được mà?

Mỗi người mỗi tiếng, không lẽ từ chối mãi, Trương Thuận đành gọi con :

- Cu Tạm đâu rồi?

Ở trong bếp chạy ra, cu Tạm thất chiếc lưng xanh nhiều điều - giải chim - lòng thòng quá đầu gối.

- Con xách lòng chim ra cầu bờ để thầy mở cho các cụ xem.

Cu Tạm lại gần vừa thóc, xách chiếc lòng chim kiểu trái hồng son quang dầu đe ở bóng mát đi ra công, Trương Thuận thông thả theo sau.

Đặt lòng chim xuống vệ đường, ông Trương cỡi dây, rút ống nước đầu đầy, rồi mới quài tay ra sau lưng rút chiếc quạt giát cạp quần, se sẽ đập vào nan lồng. Đàn chim xô về một phía. Đập mạnh thêm mấy chiếc nữa, ông mở bật nắp lên. Đàn chim bay ra một loạt, cánh vô phanh phách. Bỏ lòng đầy cho cu Tạm, ông tắt tả ra về.

Trong sân, dưới bóng mấy cây na, cây bưởi, mỗi cụ một chiếc quạt xòe ra che mắt, nếu không có quạt thì úp hai bàn tay vào nhau, ngửa mặt lên trời, nhìn qua kẽ tay cho đỡ chói.

Trưởng Thuận vừa về đến sân mọi người đã khen :

- Ông Trưởng mở đàn chim lên “tươi” quá.

Đàn chim bay hầy còn thấp, lượn vòng quanh trên mắt mọi người. Có tiếng sáo trúc kêu vo vo, Hương Thi hỏi :

- Cái nào đóng sáo thế ông?

Vẫn nhìn chăm chăm vào đàn chim, Trưởng Thuận trả lời :

- Cái đực “roi lạc phao” đây ông ạ. Nó khỏe lắm, hôm nào cũng dẫn “tiên hành”. Tôi dò mãi đem đóng sáo vào mới thôi đấy.

Đàn chim bay đã “tít đuôi”. Rồi cứ cao dần... cao dần. Thỉnh thoảng có người khen :

- Đàn quả đẹp quá.
- Nó đánh cái vòng nghịch khéo không này!
- Còn là ăn nhiều giải, các ông ạ.

Họ ngồi ngửa mặt lên trời xem mê man, quên cả sức nóng thiêu người của trưa mùa hạ.

Đàn chim đã “vần thượng” bé bằng quả cau. Rồi bằng hột nhãn. Rồi chỉ còn thấp thoáng in trên những gợn mây trắng.

Cụ Tú hỏi :

- Đàn chim ở chỗ nào, các ông nhỉ?

Cửu Phúc vừa chỉ vừa nói :

- Thằng chóp nhà lên cụ ạ. Nó vòng lại đằng cây bưởi, gần đám mây xanh xám ấy.

- Lão chịu, chả nhìn thấy gì cả.
- Khả dĩ cũng cao lắm rồi. Cụ chả nhìn thấy nữa, chỉ

còn bằng hạt đậu xanh thôi mà.

Đàn chim chìm vào mây, mọi người mới chịu bỏ vào nghỉ ngơi trong nhà, một lát ai về nhà nấy.

Trời mỗi lúc một thấp thêm. Thỉnh thoảng lại có luồng gió tây tràn vào như lửa đốt. Ánh nắng chói, ở chỗ râm mà nhìn ra ghê cả mắt. Trương Thuận lấy chiếu treo vào sợi dây thép ngoài hiên che cho nóng đỡ hấp vào trong nhà. Cu Tạm vào tít mãi gậm giường thờ nằm cho mát.

Đột nhiên trời sầm tối lại. Mây đen từng lớp vùn vù từ phía đông tiến lên. Gió ở đâu ủa tới quét sạch cái không khí nặng nề khó thở đi. Bụi bốc mù đường, xoắn lại thành từng cơn lốc. Cây cối quằn quại rú thét lên.

Ông Trương đang thiu thiu ngủ trên võng, giật mình choàng dậy :

- Thôi chết? Con giông rồi. Đàn chim đến trôi mất.

Mưa lộp bộp lia mạnh xuống sân những hạt to bằng miệng chén. Hơi nóng bốc lên thành khói. Ông Trương

như mê man :

- Cu Tạm đâu rồi!

Nó vẫn ngủ li bì trong gậm giường thờ. Ông gào to hơn :

- Thằng Tạm đâu rồi!

Mắt nhắm mắt mở, cu Tạm vùng trở dậy. Đầu cộc đánh chát vào hương án. Nó bung đầu xoa xuýt chạy ra.

- Cát lòng đi chứ mưa để thế kia à?

Cu Tạm luống cuống chạy xuống bếp, lại luống cuống chạy ra nhà ngang.

- Ô hay, cái thằng này mê ngủ đấy à?

- Con tìm cái nón.

Ông Trưởng nghiên răng quất cho nó một chiếc giáo quạt :

- Tìm nón thì nó mục lòng đi chứ còn gì.

Trời mưa ào ào, như trút nước xuống, cống rãnh kêu ô ô. Trương Thuận hết ra lại vào, luôn mồm kêu :

- Khô quá? Cả nể một tí mà trôi tiết cả đàn chim. Gió lật lá thế kia, không khéo bão mất thôi.

Chiều tối, ông Trương lên con sọt. Bà Trương đánh gió cho chồng, phàn nàn :

- Chim với chả cò. Đầy nắng suốt ngày, không trách cảm được.

Trương Thuận lừ đừ sọt đã năm hôm nay. Xem chừng ông tiếc đàn chim lắm, nhất là đôi chim thành. Tỉnh thoảng ông lại gọi cu Tạm hỏi chim đã về được con nào chưa.

Qua đến ngày thứ sáu. Bà Trương đi chợ. Có mỗi mình cu Tạm ở nhà trông nom ẩm thuốc. Nó ngồi ủ rũ ở đầu thềm, nheo mắt lại, ngán ngẩm nhìn ánh nắng ngoài sân. Trưa mùa hè im ắng và vắng vẻ. Chốc chốc lại có tiếng gà gáy trưa nghe đến là buồn. Chả bù mấy hôm nọ còn đàn chim, lúc nào cũng có

tiếng gụ nhau, con bay lên, con bay xuống, sao mà nhà cửa vui vẻ thế!

Ý nghĩ của cu Tạm nhạt dần, chập chờn theo giấc ngủ. Bỗng nó mơ hồ nghe như có tiếng chim bay. Vun vút phanh phách, mỗi lúc một rõ. Nó tỉnh dậy, cố nhướn cặp mắt ngái ngủ nhìn ra sân. Một bóng... rồi hai bóng chao đi chao lại trên nền sân nắng. Nó chạy xô ra. Đôi chim đã bay sà xuống nóc nhà. Cu Tạm mừng rỡ cuống quýt, gọi :

- Thầy ơi? Đôi chim thành đã về!

Ông Trưởng đang rên hừ hừ, vùng trở dậy, run lẩy bẩy chạy ra sân, miệng hỏi :

- Đâu! Thật không?

Ông dụi mắt nhìn lên nóc nhà. Quả đôi chim quý báu của ông thật. Chúng nó đang há hốc mỏ ra thở; lông cánh phờ phạc, nom gầy tọp đi. Hai mắt sáng lên vì sung sướng. Cặp môi héo của ông nở một nụ cười :

- Tao biết tông chim này tinh lắm, mất thế nào được. Còn về nữa cho mà xem.

Cu Tạm bồng giật mình kêu :

- Thôi chết, trào ảm thuốc rồi.

Ông Trưởng ngọt ngào :

- Mặc thuốc đấy. Hãy lấy thóc cho chim ăn đã, con.

Chú thích:

[1] Liên tam trùng: ba ngày ăn ba giải liền.

[2] Chết (chết chữa...): tiếng đệm trong khẩu ngữ vùng đồng bằng sông Hồng (B.T).

[3] Vần thượng: bay rất cao.

[4] Trung chính, thượng tiểu tùy: bay ở dưới thẳng ngay giàn sới, lên cao có một con lật ra đằng sau đàn không xa mấy.

[5] Đai tù: một con lật ra đằng sau đàn rất xa.

[6] Trung khú: bay hấy còn thấp đã bỏ về.

[7] Đại biên: bay chệch sới nhiều quá.

[8] Cào, bị: cào là lông cánh ở ngoài, bị là lông cánh ở gần nách chim.

[8] Chim vãn giàng: chim bồ câu.

[10] Sơ: bay thưa; tràng: bay dài.

TUYÊN TẬP KIM LÂN

Kim Lân

www.dtv-ebook.com

Chó Săn:

ừ hôm con Cộc bị bẫy “cò ke” mất, không phiên chợ Dầu nào, cả Nội không la cà suốt ngày ở dãy hàng chó. Giời nắng cũng như giời mưa, ông mê man chọn lọc với một lòng kiên nhẫn không bờ. Cả Nội mua lại bán, bán rồi lại mua kể có đến mười mười lăm con chó, vẫn chưa vừa ý con nào. Con được vẽ này, hồng vẽ nọ không đúng vào “đồ”. Có con nuôi ba, bốn tháng béo tốt hẳn hoi, không biết cả Nội nghĩ thế nào lại đem bán đi. Ông bảo: “Nuôi con chó nó có ra con chó mới bỏ công!”.

Cả Nội đi săn từ năm mười bốn mười lăm tuổi đầu. Hồi còn mồ ma cụ đám Vui, buổi săn nào ông cũng vác dầm vác móc đi theo. Thế cho nên cả Nội nổi tiếng là tay chơi lão luyện, và bao giờ cũng chơi “cầu kỳ” theo những kinh nghiệm già dặn của ông.

Một hôm, nhân sang làng bên ăn cỗ, cả Nội để ý

ngay đến con Vện của chủ nhà, vừa gầy, vừa lờng, la liếm khắp sân. Cái lối chạy “rẻo khoeo” có dáng luôn lỏi ấy, ông biết là con chó săn được. Cả Nội “chặc chặc” gọi con Vện lại, lia cho nó vài chiếc xương rồi ngậy người ra ngắm. Thật từ ngày biết chơi chó đến giờ, ông chưa thấy con nào hoàn hảo như con này. Khó tính như ông, thế mà soi mói mãi cũng không tìm ra vẻ gì chê được.

- Kia, lên đũa đi chứ ông cả. Nghĩ ngợi gì mà ngậy người ra vậy?

- À hà! Không.

Mâm rượu tàn. Tiếng cười nói càng thêm âm ỹ. Người nhà quê thô lộ can tràng trong lúc này nhiều nhất. Cả Nội nói với chủ nhà :

- Nay ông khán này! Tôi muốn phiên ông cái này nhá.

- Được ông cứ nói.

Cả Nội ngần ngừ một giây rồi nói :

- Muốn ông để cho con chó kia.

Khán Ích bông lớn :

- Cứ là một nén?

Dứt lời, ông cười ha hả.

- Vâng, ông anh có lòng để cho là quý rồi.

Cả Nội toan móc ví, khán Ích vội xua tay :

- Nói đùa đấy! Nén bạc là nén bạc, anh em là anh em. Có vắng (phải) không, các ông?

Bao giờ cũng thế, những lúc say khán Ích cũng tỏ ra là người rộng rãi, coi thường đồng tiền và có tài ăn nói. Rút chiếc khăn mặt vắt vai bằng vuông vải to cấu bản lau mép, ông dặng hắng mấy tiếng rồi cảm khái luôn một hồi :

- Cái nghĩa rằng là anh em mình đã biết nhau như thế này, một con chó chứ đến mười con chó cũng không dám tiếc. Phần thứ nhất nghĩa là tôi không biết chơi, nuôi

chó cũng cầm bằng phí cả cái con chó quý đi. Phần thứ hai nữa là ông cả tôi đây lại có lòng sở thích đến thời tôi đâu dám tiếc. Phần thứ ba nữa là anh em mình sống ở trên đời cần nhất phải lấy một sự giao thiệp với nhau làm đầu. Ồ, như ông cả tôi đây đem nó về. Sau này sẵn được cây, tôi sang bên ấy đánh chén. Anh em thù tạc mới nhau, thế là tôi sướng cái bụng tôi rồi.

Mọi người đều say khướt, khật khù trả lời :

- Ông nói văng (phải), văng lăm lăm...

Thế là buổi chiều hôm ấy, cả Nội hỉ hả dắt chó ra về.

Con Vện đã gầy nhom gầy nhom, giờ xương sườn xương sống ra lại còn mắc bệnh lười. Lông rụng nhăm nhở, chỉ còn lơ phơ vài cựa; da sần sùi mốc thối có chỗ ve cắn rớm cả máu. Dáng thấp lách chách, đi bên nọ dẹo bên kia. Nhất là những lúc chữa bệnh lười bị bôi mỡ với bánh đúc thiêu đầy mình, nó lăn lộn, chu chéo kêu vì xót thì thật không còn thể sao khá ra được. Thế mà không hiểu nó có những ấn tượng gì mà cả Nội quý nó thế. Đã có lần

ông đánh cậu Khôi - con cậu tự - ba chiếc roi mây quán tỹ vì cậu đã đá con Vện một chiếc vì tội nó ăn vụng miếng chả. Cho nên cả nhà từ cô Hương, cô Sở, đến bà cả, ai ai cũng ra ý ghét con Vện. Bà dẫn vật ông :

- Bán cổ mẹ nó đi! Báu gì con chó ốm ấy.

Những lời bà nói ông không thềm đề vào lỗ tai: “cái trò đàn bà biết gì”. Ông đã có mấy ông bạn hôm nào cũng đến ngắm nghĩa chó với con mắt thềm muồn và ganh tỵ làm ông nở nang từng khúc ruột. Nhiều lần có ông nói ra miệng :

- Sao ông cả may thế! Bơ phờ thế nào vớ ngay được con chó này. Minh thì chả gặp cho!

Cả Nội tươi cười, nói bông :

- Chuyện? Quý vật tầm quý nhân mà lại?

Cả đến khán Ích chả hiểu chó má ra sao cả cũng sang chơi luôn, và hay tần mẩn hỏi han cách chơi. Ông cũng muồn tập tành cho biết cái nghề săn. Theo

ý ông, nhà cũng gọi là có mà không biết chơi bởi cái gì cũng đứt.

- Này ông cả này! - Khán Ích hỏi - Chơi chó săn thế này có khó không nhỉ? Chứ con Vện này, thực tình tôi trông chả được vẻ gì cả.

Cả Nội chậm rãi :

- Kể ra cũng chẳng khó. Cần nhất phải đi săn nhiều mới hiểu được. Còn như chọn chó, thì đã có kiểu sẵn. Một con chó săn hoàn toàn phải như thế này: sườn dê, khoeo măn, chân múi quýt, đít lông bàn, mắt mê, mí sập, mũi ba ba, mõm phật ổng giàu, tai sim, đuôi vòi đàn hoặc tam phúc, lông kim sào và thấp ràn [1].

Khán Ích cười bở ngỡ :

- Khó thế thì làm sao biết được “sườn dê” với chả “khoeo măn”? Sao cứ phải đúng kiểu vậy mới săn được?

- À trông mãi nó quen đi chứ. Còn như những

kiểu ấy rất cần cho con chó săn cây. Có “sườn dê” mới chịu luôn lỗi chui rúc. “Khoeo măn” mới nhanh nhẩu rẻo rang. Mắt mê mới gan. Mí sập mới không sợ gai. Thấp ràn mới dễ chui. Nói cho cùng có những kiểu trên kia con chó mới dễ dàng xông xáo luôn lách trong bụi cây gai góc rậm rạp được.

- À, ra thế đấy. Cứ con nào đủ kiểu vậy là chó săn hay đấy!

- Như thế đã đủ sao được? Còn nhiều cái khác nữa. Chẳng hạn, con chó đã đủ kiểu rồi lại phải “khai tiền khai hậu” [2] mới rộng đất săn chứ.

- Rộng đất săn! Hi, thế nào là rộng đất săn ông nhỉ?

- Ông này hỏi lần thần quá.

- Chuyện! Không biết mà lại!

- Rộng đất săn là con chó dám bỏ chủ đi rất xa tìm hơi cây. Mới bắt được “hơi gió” tìm ra “lũy ống”.

- Gớm, kỳ cầu quá nhỉ?

- Cũng chẳng kỳ cầu đâu. Rồi con Vện này “nổi” lên ông sẽ biết hết.

Chăm bạp ba tháng, con Vện khỏi lườm, béo tốt ra. Lông mượt mà óng ả. Dáng dấp mạnh mẽ, nhanh nhẹn, không dặt dẹo như trước nữa.

Biết rằng đã có thể “vực” được rồi, cả Nội rút ở hời nhà ra một chiếc đuôi cây khô cắm vào thanh tre vót nhẵn nhụi. Xích chó ra một nơi; ông ra vườn quệt chiếc đuôi cây khô xuống đất. Đi ngoằn ngoèo một quãng rồi cắm vào khe tường, và lấp đất ra ngoài. Đoạn, ông dắt con Vện ra; luôn miệng bắt nó tìm :

- Hãy! Hãy!... Hãy! Hãy! Tìm xem nào? Tìm xem nào?

Con Vện gầm đầu xuống, tung tăng chạy, mũi phì phò đánh hơi. Bỗng nó hít rất mạnh mấy lần, ầm ứ kêu, đuôi ngoáy tít.

**Bắt gặp hơi cây, nó chạy loạn ngoằn theo đường
đuôi quệt khi nãy. Đến khe tường, chỗ giấu cái đuôi,
con Vện húc hặc, ầm ằng cấn ran. Hai chân trước
bới tung đất lên. Cả Nội nở một nụ cười mãn nguyện
chạy lại vuốt ve con chó.**

**Từ đây, trong khu vườn cây ăn quả rườm rà,
xanh um, hôm nào cả Nội cũng đem chó ra vực.
Trước còn giấu chỗ dễ và gần, sau càng xa và hiểm
hóc hơn. Có khi cách tường, cách ao, cách lũy. Bao
giờ con Vện cũng tìm ra một cách mỹ mãn.**

**Một lần khán Ích sang chơi, cả Nội thử cho xem.
Ông Khán khoái chí vỗ tay reo :**

**- Khá quá! Khá quá! Hôm nào đẹp giờ, ta đi săn
một chuyến xem sao.**

Cả Nội lắc đầu :

**- Đã sẵn thế nào được! Còn là vực chán. Với lại
đến tháng Tám này mới bắt đầu vụ săn cơ mà! (ông
lên giọng giảng giải): Giống cây khôn lắm. Bao giờ**

cũng ở những lũy cao và đầy, mà ở ba hang: Một “hang quần” [3], một hang “sí” [4] và một “hang chính” chứ có phải độc một chỗ như mình giấu đuôi đâu.

- Thế thì biết hang nào chính mà đào?

- Chuyện, thế mới phải vực nữa.

Hôm sau, cả Nội không vực chó ở vườn. Ông đem con Vện ra lũy. Cứ “Hẩ! Hẩ!” mồm không sai chó tìm hơi.

Vực chó về tháng Sáu rất tốt. Vì cây non cả hơi và xung quanh lũy nhiều nước cây không đi ăn xa được, chó rất dễ tìm. Ngày nào cũng như ngày nào, đem chó ra đến lũy là cả Nội quát tháo, sai khiến như vị tướng điều khiển quân sĩ.

- Tìm xem nào! Tìm xem nào! “Trâm tra” xem nào! Quần hay sí! Cây thì quát (sủa)! Cây thì bới nào!

Còn con Vện đuôi ngoáy tít, mồm vực vào miệng

hang hít lấy hít để. Cũng có khi bới nhằm phải “hang quần” hay “hang sí”. Nhưng lúc ấy cả Nội đánh, mắng không cho bới.

Nhờ sự chăm chỉ và lối vực có phương pháp, hai tháng sau con Vện đã thành chó “phu”, sẵn tậm được.

Nhưng mãi đến vụ săn năm sau con Vện mới thành chó “lộc”. Một con chó “lộc” hoàn toàn có nhiều tài riêng, con khác không thể có được.

Bây giờ trong những bữa rượu thịt cầy, cả Nội thường lên mặt với bạn làng sẵn cái tài “vực” chó của mình :

- Con Vện ở tay tôi chứ ở tay người khác không thể hay thể được.

Thế nào cũng có một vài ông khen nịnh :

- Chuyện? Chim hay tại nó, chó hay tại người, mà lại!

Bọn họ năm người cả thấy. Cả Nội, Trương Quất, Khán Ích, hai Cỗn và cu Dữu - Dữu đi theo để cho người lớn sai bảo việc vặt.

Ho đi từ mờ đất. Sáng tháng mười, sương còn bao phủ khắp nơi. Gió lạnh bèn vào da căm căm rét. Mỗi người bồm bẻm một miếng trầu cho ẩm miệng. Họ nói cười vui vẻ, bàn soạn việc sẵn hôm nay.

Con Vện hồng học căng xích, nó muốn được tự do. Khán Ích ghìm sái cánh vẫn bị nó lôi lệch thếch.

Ông bàn :

- Hay là ta thả nó ra, ông cả ạ.

- Ấy chớ? Thả bây giờ, chạy không phí sức.

Đến lũy làng Đại Sơn thì sáng rõ. Mặt trời nhô khỏi rặng tre gieo ánh nắng khắp đồng. Sương tan dần và không khí bớt lạnh. Ruộng trơ gốc rạ, lấp lánh sương mai. Từng đợt gió từ xa lùa tới. Cả lũy tre rung lên những tiếng ào ào. Bầu trời xanh ngát không qua một gợn mây, hứa hẹn một ngày tươi

đẹp. Bây giờ giữa mùa săn và cây đang độ béo.

Con Vện được thả, luồn lỏi trong lũy rậm, húc hặc đánh hơi. Lúc ấy người cũng lom khom tìm vết chân, vết mũi cây [5] trên đất nhả bên lạch nước váng ngầu.

Vòng quanh hết lũy làng Đại Sơn sang lũy làng Dưỡng Mông vẫn không thấy vết cây. Chợt khán Ích reo :

- A! Lót chân đây rồi!

Mọi người vội vã chạy lại nhưng ai nấy đều chưng hửng.

- Có phải lót chân cây đâu! Đây là chân cáo.

Về trưa, trời nóng rát. Nắng hanh làm da mặt bứt rứt khó chịu.

Mọi người đã ngót dạ. Họ uể oải tìm kiếm. Bỗng con Vện hít mấy hơi dài, kêu âm ứ. Đầu gằm xuống đất đuôi ngoáy tí lên, nó nhanh nhẩu chạy theo cái

vết vô hình của con cây đi ăn đêm trước để lại.

Tùng ấy cái miệng đều sung sướng reo lên :

- Cây rồi!

**Đột nhiên, con Vện đứng chùng lại, ngửi quanh
ngửi quẩn ra ý hoài nghi. Một lúc lâu, nó chạy tọt
sang bên kia lũy cấm vang.**

- Thôi, lại “lũy ống” rồi! - Hai Cỏ nói.

**Năm người vội vạch lũy sang. Một cái lũy khác
nữa đâm thẳng vào cái lũy lúc nãy, người đi bên kia
vô tình không biết (thế gọi là lũy ống). Con Vện ra
công bới dưới bụi cúc tần rậm rạp. Những mảnh đất
tung lên dưới hai bàn chân hoạt động của nó. Thấy
chủ, con Vện ngừng đầu lên, hai mắt long lanh như
khoe khoang, đuôi ve vẩy như chào đón, rồi thông
dong lảng ra một chỗ, đứng thừ dưới bóng cây râm
mát, hai mắt lim dim mỗi một nhìn nắng vàng, nhìn
người hì hục đào. Lưỡi thè dài ra “hà hà” thở, nước
rãi rỏ từng giọt theo nhịp bụng lên xuống.**

Có kết quả rõ ràng, họ quên cả mệt, đói, mải miết đào, thay tay hết người nọ đến người kia. Trời tháng Mười mà mồ hôi vã ra ướt đầm hai vai áo. Sâu chùng một thước tây, hang ấy chia ra bốn chi [6].

Trương Quát nghỉ tay cầm nón quạt :

- Cho chó vào “trâm tra” [7] xem chi nào đi thôi.

Con Vện đang lơ mơ thì tiếng “Hầy! Hầy!” gọi làm nó giật mình, chạy lại :

- Hầy! Hầy! Trâm tra xem nào! Quần hay Sí nào! Cây thì quạt!

Mỗi lời cả Nội dứt con Vện lại hít mạnh một hơi.

- Cây thì bới! Cây thì quạt nào!

**Đến một “chi”, con Vện hít đi hít lại mấy lần.
Chân bới, mồm sửa.**

- Âu, âu, âu.

Cả Nội khoan khoái :

- Chi này rồi!

Mọi người lại thay nhau đào. Sâu chừng nửa thước tây nữa, có chỗ rộng thùng ra. Khán Ích nghi ngờ ngừng tay quay lại hỏi :

- Nhầm rồi ông trương ạ. Đến ổ rồi vẫn không có cây.

Trương Quất cau mặt ra ý khó chịu cái tính đã không biết gì lại hay hỏi của khán Ích. Ông xẵng giọng :

- Chậc! Đã đến thế nào được ổ! Chỗ thùng là chỗ con cây dùng để quay đầu ra lúc chui vào đấy. Bây giờ ông đào “bóp loa kèn” hộ đi.

Càng vào trong càng đào nhỏ dần, thôn thôn như cái phễu. Hai Cỏn thay khán Ích vì còn phải bắt cây, ông bắt nhện và gọn lăm. Có tiếng lục đục bên trong. Đào thêm mấy lượt thưởng nữa, một cái đuôi trệt ra ngoài. Nhanh như cắt, hai Cỏn bỏ thưởng,

một tay nắm chân, còn tay nắm đuôi lần dần lên gáy. Giống cày rất khôn, chọn chỗ ở hiểm hóc; nhưng rất dai khi người ta bắt. Nó sợ quá đến nỗi không dám quay lại cắn, cứ cắn đầu lồi miết, mong chạy thoát.

Cầm chắc chắn gọn gàng con vật trong tay, hai Cỏ lồi tuột ra. Con vật giãy giụa, chân đạp lung tung. Cái mõm dài há rộng lồm chồm những răng nhọn hoắt, kêu choe chóc. Trong lúc ấy Trương Quát đã làm xong cái nẹp buộc cày.

“Âu! Âu! Âu” Con Vện nằm dưới gốc đuôi hướng về phía mọi người cắn: “Âu! Âu! Âu”.

Khán Ích vui sướng rộn ràng. Lòng ông lúc ấy cũng múa lên như đuôi con chó gặp hơi cày. Sự khoái chí bỗng bột được phác rõ rệt trên nét mặt gần như đàn độn của ông. Giằng mạnh ria mép xoắn đi một vòng, ông cười :

- Ay hầy! Lại cày nữa ạ!

Không những con Vện rộng đất sẵn: tìm ra “lũy

ông” bắt được hơi gió nó lại có biệt tài không con nào có nữa là tìm ra “hang cấm”. Chỗ nó nằm như thế có một cái hang ăn sâu thẳng xuống đất.

Con Vện lảng ra một chỗ. Mọi người đều trật nón xuống lạch mức nước đổ vào hang. Đất khô hút nhiều nước. Họ vẫn kiên nhẫn làm việc. Một lúc lâu, nước dềnh lên đầy miệng hang. Họ chăm chú nhìn. Một vài tia nước lăm tăm sủi. Chắc chắn dưới hang thế nào cũng có cây, cả Nội bảo mọi người :

- Anh em im hơi lặng tiếng nấp cả vào bụi đi thôi. Ông khán với cu Dữu thấy cây lên chớ vồ, để mặc ông hai đấy.

Họ tản mác mỗi người một bụi. Con Vện cũng lặng lẽ nép bên cả Nội. Hai Cỏ đứng chân le chân vệt bên gốc dưới, mắt đăm đăm nhìn miệng hang, mong đợi. Năm phút qua. Mười phút qua. Vẫn chưa thấy cây lên. Hai Cỏ luôn luôn đổi dáng đứng cho đỡ mỏi.

Bỗng một cái đầu cây nhô lên khỏi hang nước, e

dè thận trọng nhìn xung quanh. Bốn bề vắng vẻ.

Con vật thông thả bò lên. Khỏi miệng hang, nó nhấm mất rữ lông. Nhẹ nhàng và nhanh nhẹn, hai Cỏn tóm trúng gáy, giờ bỗng con vật lên, cười tự đắc :

- Tôi tính nó mới nhô lên đã hấp tấp vào, mấy cũng trượt!

Rửa chân tay sạch sẽ, họ kéo nhau lên chợ Chè mỗi người đánh vài bát bún riêu no lòng rồi hỉ hả ra về.

Trên đường về khán Ích lấy làm vênh vang tự đắc có hai con cây gánh trên vai, mỗi khi gặp người chỉ chỗ.

Trời đã về chiều. Gió bắt đầu lành lạnh. Phía tây dãy núi Tam Đảo màu lam thẫm in rõ lên nền trời vàng gắt. Anh chiều như ngừng lại trước giờ phút sắp tàn... Bóng tối từ cánh đồng, trong lùm cây và các làng mạc dâng lên.

Câu chuyện của bọn cả Nội càng giòn giã, nở nang. Họ khoan khoái bước mau. Bữa rượu tiết cây cứ chập chờn ám ảnh trong đầu khán Ích, làm ông cười nói to nhất. Con Vện leo đẹo theo sau, đáng mỗi mệt.

Bỗng nó đứng dừng lại. Ngẩng cao đầu lên, mũi phì phì đánh hơi, nó sủa vang lên mấy tiếng, rún mình nhảy ùm xuống ao, bơi sang bên kia lũy.

Cả Nội giật mình quay lại :

- Con Vện của tôi vừa bắt được cái hơi gió rồi, các ông ạ.

-Ta quay lại xem sao, còn sớm chán!

- Đích thị cây ở trong chùa chứ không còn sai. Chó đang quất trong đó.

Họ theo con đường tắt nhỏ hẹp vào chùa. Đó là một ngôi chùa chơ vơ giữa cánh đồng xung quanh bao bọc bởi một lũy tre trống trải. Không có sự trụ trì nên cảnh càng điêu hiu, hoang vắng. Những cây

**muồm sùng sùng reo lá úa đầy sân rêu cỏ. Mái thì
ngói sứt, tường thì long lở, ngổn ngang.**

**Qua sân chùa, bọn cả Nội nhằm chỗ có tiếng chó
sủa tiến vào. Trong cái không khí vô cùng tĩnh
mịch, dãy tượng La Hán sút mẻ ngồi nghiêm trang
trong bóng chiều nhờ nhờ tối như một thế giới nào
không có ở dương gian. Bên ngoài, một vài tiếng quạ
vang lên như diêm gở. Vẻ huyền bí rùng rợn. Không
ai bảo ai, cả bọn đều đứng dừng lại một cách kính
cẩn, sợ sệt. Con Vện vẫn sủa vang trong cuối rẫy
như thúc giục. Muốn phá tan cái không khí tắc thở
ấy. Trương Quát lên tiếng :**

-Sà! Vào trong này các ông!

**Dứt lời, ông mạnh bạo đi trước. Mọi người yên
lòng lục tục theo sau.**

**Gian thờ Đức Ông cửa khép hờ như chờ đón.
Lưỡn lợm một chút, trương Quát tay phải nắm chắc
chiếc thuổng tay trái quả quyết ẩy mạnh. Cánh cửa
nặng nề quay rít lên một tiếng như tiếng nghiêng**

rằng. Tất cả ngàn ấy cái miệng đều kêu rú lên. Một nỗi kinh khủng chạy râm ran khắp mọi người. Vút cả thuổng, cả quắm, họ cắm đầu chạy té ra ngoài sân. Ai nấy, mắt mở trừng trừng mắt tinh lác, mặt tái mét, miệng thở không ra hơi, kêu ú ớ. Trời ơi! Thật rõ ràng cả ngàn ấy người cùng trông thấy tượng Đức Ông trợn mắt lắc đầu, mà lắc rất mạnh trong bóng tối sâu, lạnh và ẩm mốc. Cái bộ mặt nanh ác ấy như giận dữ, như đe dọa bọn đi săn xác láo.

Đứng một lúc lâu mới hoàn hồn, cả Nội lấp bắp :

- Ồi dợi ơi là dợi ơi! Khiếp quá... Gọi chó về đi thôi, các ông ơi.

Khán Ích ra ý tiếc rẻ :

- Nhưng còn hai con cây tôi vút trong ấy làm thế nào lấy được?

- Cây mấy chả cây! Đã rụng rồi nổ đốt cả người ra lại còn cứ cây mãi!

Con Vện ở trong chùa, gọi thế nào cũng không ra. Bổng cu Diêu bật cười khanh khách. Cả Nội cau mặt bộp cho nó một chiếc :

- Cười! Cười cái gì?

Nó không im, liền láu :

- Cháu biết rồi, cháu biết tại làm sao ông Phật lại lắc đầu rồi. Độ trước cháu đi bắn chim với thằng cu Lạch, thằng cu Tiểu. Chúng cháu vào trong chùa chơi. Thằng cu Tiểu thấy ông Phật nứt cổ, đổ thằng cu Lạch lên bẻ, thế là thằng cu Lạch lên bẻ đôi ngay đầu ông Phật ra.

Trương Quát lắc đầu le lưỡi :

- Táo tợn thế thì thôi!

- Không, thằng cu Lạch đấy chứ có phải cháu đâu. Cháu đoán chắc là con cày nó làm tổ trong bụng ông Phật. Bị chó bới, nó sợ chạy ngược trở lên, lục đục phạm phải cái que cấm ở bụng lên đầu ông Phật cho nên ông ấy mới lúc lắc cái đầu.

Khán Ích cười rộ :

- Ồ! Phải phải! Cu Dữu nó nói nghe phải đấy các ông ạ. Ta vào bắt nốt, tội gì bỏ phí của.

Khán Ích đi trước, cu Dữu ton tả theo sau, rồi trương Quất, hai Cỗn, cả Nội cũng vào nốt.

Đầu ông tượng đã rơi xuống bệ gạch, lăn lóc bên bát bình hương sút mẻ. Cu Dữu tự phụ :

- Đây có phải cháu nói đúng không nào.

Chẳng ai buồn trả lời trẻ con. Xem ra mọi người có ý nản; khán Ích sầm sẩn, đốc thúc công việc. Ông sai cu Dữu ra sân vơ ít lá khô vào đốt cho thêm sáng.

Ánh lửa bùng lên sáng rực cả gian chùa ẩm lạnh. Bóng ông tượng cắt đầu và bóng mọi người in chập chờn trên vách.

Cửa hang ngay dưới bệ gạch. Hai Cỗn ngồi nép một bên chờ cày ra để bắt. Khán Ích trèo lên bệ cầm cái que cắm trên cổ ông Phật chọc lấy chọc để. Đã

**khá lâu cây vẫn chưa ra. Trương Quất giục hai Cỏ
:**

**- Ông hai xem có “mài” [8] không cho chắc chắn
còn về chẳng muộn.**

**Hai Cỏ thò tay sờ cửa hang. Thì một cái đầu rắn
thò dài ra phun phì phì định mổ. Con Vện nhảy bỏ
lại cứu. Nó nhe răng gừ gừ như muốn nhảy bổ vào
con rắn. Con rắn ngừng lại. Thấy hai Cỏ đã thoát,
con Vện cũng quay đầu định chạy. Tức thì con rắn
nhoai dài mình ra, mổ trúng chân con Vện. Nó rú
lên một tiếng thê thảm lẫn ra giấy giụa. Cả Nội hấp
tấp ôm choàng lấy chó. Mọi người luống cuống tìm
dây, tìm thuốc buộc vết thương.**

**Trong lúc ấy, con rắn nhẹ nhàng luôn qua kẽ
tường nứt, thoát ra ngoài.**

**Con cây cũng từ trong bộ gạch chui ra. Khán Ích
kêu lên :**

- Cây! Cây! Ông hai!

Không còn nể lời, cả Nội gắt :

- Cày mấy chả cày mãi. Mặc mẹ nó! Chết chó của người ta rồi đây này. Đã bảo thôi, cứ cố tình vào bắt. Thế có phải làm hại người ta không? Vỗ bao nhiêu lâu mới được con chó, bây giờ lấy gì mà thay con Vện được? Tôi tìm thế nào được con Vện thứ hai nữa, trời ơi là trời.

Cả Nội gục mặt vào lòng con chó mà khóc hu hu lên như vợ chết. Cả bọn đứng im.

Khán Ích cũng im như thóc.

Đồng lá hết, không người tiếp. Ánh lửa tàn dần, còn thoi thóp vài ngọn không đủ chiếu sáng gian phòng u tối. Một cơn gió lạnh thoáng lọt vào, dăm tiếng lá khô lăn mình ngoài hiên vắng bật lên những tiếng lạt sạt khô ròn rợn.

Con Vện rên ư ử. Hai mắt lơ lơ nhìn cả Nội. Nọc rắn đã thấm vào tim phổi, nó rùng mình luôn mấy chiếc, đuôi người ra, và chết lả trên tay chủ.

Chú thích:

[1] Thấp ràn: con chó đáng thấp.

[2] Khai tiền khai hậu: hai chân đằng trước và hai chân đằng sau cách nhau xa. Như thế tỏ ra con chó ngực rộng và đít to, khỏe.

[3] Hang quần: Hang con cày dùng để rũ lông khi đi ăn đêm về cho bớt hơi.

[4] Hang sí: Hang con cày dùng để chứa những chất thừa.

[5] Giống cày ăn giun nên phải đi trên đất nhả, mũi sục xuống hút giun vì thế người đi săn phải tìm vết chân và mũi cày. Mũi cày giống như mũi lợn con, chân cày vết dài có móng. Còn vết chân cáo ngắn và không có móng in trên đất nhả.

[6] Chi: ngách.

[7] Trâm tra: đánh hơi lại cho kỹ.

[8] Mài: hang cây nào cũng vậy, ngoài miệng, phía trên cũng nhả thín vì con cây chui ra chui vào luôn. Chỗ nhả ấy gọi là “mài”.

HẾT